

*THỀ - LŨ*  
*TRONG TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN*

**BA HÒI**  
**KINH DỊ**



**ĐỜI NAY**

# **BA HỒI KINH DỊ**

Tác giả: **Thế Lữ**

Xuất bản: **Đời Nay**

Đóng gói: **Cuibap**

Ebook miễn phí tại : [www.Sachvui.Com](http://www.Sachvui.Com)

# MỘT TRUYỆN GHÊ GÓM

**P**hải, thực là truyện ghê gớm, truyện dị thường mà ghê gớm nhất là vì có thật, không huyền hồ như những truyện cổ tích yêu quái lạ thường nghe kể lại hay thường đọc thấy trong những tập truyện kỳ.

Ông cụ ngồi tiếp truyện mấy ông khách người làng, ngừng lại để rót thêm nước. Trên khuôn mặt răn rỏi, dăm dăm một vẻ trang trọng ưu tư. Hút tàn mỗi thuốc lào, uống cạn một bát chè tươi, ông hắng giọng rồi lại nói:

- Tôi bình sinh biết đã nhiều truyện kỳ dị mà không hề có thấy kinh lạ sợ hãi, vì mình đã biết trước là những điều hoang đường không đáng tin. Nhưng đến câu truyện này thì lại khác. Chính tôi phải một phen hút chết ở câu truyện này đây. Các ông ạ, mỗi lần một bóng một mình trong lúc đêm khuya mưa gió sùi sụt, mà nghe thấy tiếng ễnh ương nó ỳ oặc, tiếng ếch nhái nó nghiêng răng bốn bề, tôi lại nhớ ngay đến truyện trước. Bên tai như vang những tiếng người chết nó cười, nó kéo từng đoàn từng lũ đến đầu giường tôi nằm mà tranh nhau nguyên rửa tôi. Cố tình quên cũng không thể được. Tôi đã trải một bước nguy hiểm quá, phải một phen khiếp sợ thái quá, hầu như lạc mất hồn vía, còn sống lại chỉ như đờ mà nhớ mãi, tâm trí như cái kho tích chứa bao nhiêu điều quái gở đã qua.

Năm Minh Mệnh thứ sáu, tôi hỏng kỳ thi hội lần thứ ba. Bảy giờ tuy mới hăm hai tuổi, nhưng khí khái càng mạnh thì thất vọng càng sâu, uất cho phận mình lại càng khinh những tài học non nớt mà gặp vận. Ba kỳ thi lạc đệ, nhà lại nghèo thêm, sinh ra chán ghét đường công danh, lấy cớ không đủ lực theo đuổi khóa sau mà coi rẻ việc đèn sách. Nhân vẫn tập tành mấy món võ nghệ, sở đắc về đường quyền kiếm cũng không đến nỗi thiếu kém, nên cái lòng ưa mạo hiểm bốn phương được thể ngày một thêm hào hùng. Tôi bèn quyết chí bỏ làng, viết một bài ca từ gửi cho mấy người trong chỗ thân bằng gọi là đáp lại những lời khuyên can, mà cũng là để từ biệt hẳn cái đời văn chương kinh sử.

Rồi "bán kiên hành lý nhất thân khinh", cuộc đời giang hồ kể lắm bước

gian truân nhưng cũng đem lại cho mình nhiều cái thú đột ngột.

Hồi đó, mấy khúc trường hành của tôi làm từ ngày còn ham mê đường khoa hoạn, vẫn được cái may là gọi hào hứng những bạn tri kỷ không quen biết ở nhiều nơi. Vì thế mà có được những cuộc gặp gỡ thực bất ngờ, nhân mới nhận ra rằng mỗi bước đường đi lại khiến mình sợ hãi thay cho cái lúc do dự toan ở lại với nơi quê quán. Mỗi bước đường đi, lòng được quyến luyến thêm một cảnh lạ người mới, trí được phong phú thêm những tư tưởng đắm thắm, những kinh nghiệm không thường.

Nay đó mai đây, khi lưu luyến hằng năm ở một miền sơn thôn bình tịch, khi thì ngày ngày lặn đạn qua những miền thâm u thưa vắng bóng người. Bất cứ ở đâu, dù xa xôi hiểm trở đến đâu cũng mặc, hễ nghe có tiếng bậc ần sĩ hay có tay võ nghệ cao siêu, thì thế nào tôi cũng phải tìm gặp. Đó là hữu ý mà đến, những cũng có những phen tình cờ. Một lần, người ta chỉ làm đường, tôi lạc vào sào huyệt của một bọn cường khấu. Ngót nửa năm trời, mình phải làm một hảo hán bất đắc dĩ, qua được những tai nguy là nhờ có phần quyền thuật đã thêm vững chãi, mà trốn được thoát cuộc đời hung bạo ấy, lại là nhờ ở phần mưu trí nhà nho. Kể cái hồi gian hiểm sống chung với bọn cướp rừng này cũng lắm trặng ly kỳ. Nhưng so với câu truyện dưới đây thì cái tính mệnh của tôi lần trước chỉ như mới vướng phải bụi gai, còn lần sau thực như sa vào chạm ác thú.

Cũng vì cái tai tiếng là đã đi với kẻ cướp mà tôi không ở yên được một chỗ. Người đời đã hay nghi kỵ, lại nhân cái tính tình phóng lãng của mình không hợp với thói lệ thường ngày, ác cảm dễ sinh, rồi do thế, một lời đắc ý ngang tàng hóa thành những lời vông ngạo. Tôi đang ngồi dạy lũ trẻ ở nhà một người riêng có bụng mền mình thì được tin có trát nã gấp. Một ông bạn tâm phúc đến bảo mình rằng những bài ca từ của tôi súc tích những ý phạm thượng, mà cái hình trạng ban nghịch đã lộ rõ ở thái độ của tôi, ở cuộc đời của tôi, nhất là ở hồi gần đây tôi "đã từng giao thông với quan giặc cướp". Tôi biết trước, một án cữu như thế chỉ có một hình pháp, mà những người đã kết án, tôi lại biết là một vài người đồng học với tôi trước kia... Tìm cách

minh oan tức là làm việc tối vô ích. Tôi chỉ còn một kế là lại đi. Bước giang hồ chỉ như mở rộng thêm, xa thêm. Chỉ khác là cuộc đời lữ thứ của tôi từ đó lại canh cánh một nghĩa nữa là đời phóng trục. Mình tự phóng trục mình, mà đi là không hẹn ngày về.

Tôi theo đường tắt qua Lạng Giang. Ở Yên Thế ít ngày, rồi đi ngược sâu mãi vào trong cảnh sơn lâm, đổi họ đổi tên, nhưng tính danh dù để nguyên cũng vô hại. Bọn Nùng, Thổ man dã ở các nơi tôi đến trú ngụ là những người chất phác, tôi có đem hết nỗi bất hạnh của mình nói thực ra, họ cũng vẫn quý mình như lúc họ mới biết.

Sống chung với người sơn dã, quen phong tục, thuộc ngôn ngữ, tôi dần dần cũng thấy tâm tư đơn giản như họ, rồi thành yêu chung trọng lẫn, tôi nhiều lúc coi mình là người đường rừng mà vẫn lấy làm vui. Trước còn ở miền dưới cũng thừa thấy yên thân. Nhưng lâu ngày quên cả truyện trước, tính thích xông pha lại đến giục giã, tôi cứ lần hồi đi ngược mãi lên. Mỗi bước như một kích thích thêm lòng hiếu kỳ. Trong cái phong thổ rừng thiêng nước độc, còn chứa chất không biết bao nhiêu sự dị thường lẫn quất ở bóng tối vòm cây, ở giải nước sâu váng xanh, ở những trận gió ồn ào như có rất nhiều thanh âm gờ lạ. Tiếng chim kêu cũng phảng phất thành những lời nói. Những tên đất, tên làng là những tên, những tiếng khác tai. Mỗi cảnh vật đều có một sự tích oan khiên, hay khủng khiếp. Tôi từng nghe tiếng ngọn suối ban đêm như than khóc, người thổ nói là tiếng kêu khóc của đôi trai gái bị hại ở lưng bờ. Hang núi, mạch rừng, thác, đèo... mỗi nơi có một tên phát tích ở một truyện thảm khốc hay rừng rợn. Bóng oan khuất như gậy ra các sự kinh hoàng, người ta dù cứng bóng vía đến đâu cũng không thể không thấy một thứ ghê rợn lạnh lùng rất khó nói. Đâu đâu cũng toàn là những truyện kinh người hết. Nào truyện ma gà, truyện hùm tinh, truyện lợn biết hát, truyện thần rắn, truyện Mán làm mắm trẻ son... Họ thuật lại cho tôi nghe như những việc hiển nhiên, sự khủng khiếp lộ ra trên nét mặt kính cẩn đàng đột.

ooo

Chỗ tôi ở lâu nhất là một làng ở phía bắc trấn Lạng Sơn, tên gọi là Bản

Khau, hay là Khau Gié. Tiếng là một làng, song chỉ lát gác mười nóc nhà tranh, hoặc dựng cao trên sàn hoặc lên đất làm tường. Dân cư, phần lớn là người Nùng, sinh nhai bằng nghề trồng hồi với nghề săn bắn. Người Nùng ở đây săn rất giỏi, cung nỏ bách phát bách trúng, lại riêng có tài dùng hỏa mai học được chẳng biết ở một người Tàu nào họ truyền dạy cho đã lâu đời. Những cuộc đi săn của họ, họ coi quan trọng lắm: rất nhiều nguy hiểm mà cũng cực kỳ vui. Tôi ở với họ liền ba bốn năm, rất lấy làm vừa lòng, không muốn đi nơi khác nữa. Khi nào săn ở rừng xa, rừng dữ, thì gần hết cả làng cùng đi.

Lần ấy định săn ở tận Lũng Sa, Mùng Sáy, gần miền cương giới. Sáng hôm đi, bạn săn dậy thực sớm. Hơn hai chục đàn ông, tay lao tay nỏ, gậy guộc khí giới đủ mọi thứ, cơm nước xong, mọi người đeo theo một nải gạo hoặc lương khô đủ dùng trong mười mấy ngày. Đàn bà con trẻ với những ông cụ già tuổi quá thì sắm sửa giúp những vật dụng lặt vặt. Đầu canh tư thì lên đường. Bọn ở lại ra tận đầu làng tiễn chân. Gặp những dịp này, tôi là người hăm hở bận rộn hơn hết, vì mỗi năm họ mới đi như thế có một lần, vào hồi cuối thu.

Từ canh tư hôm trước, đi không nghỉ. Đường càng gần tối càng gập ghềnh. Phải qua những nguồn suối dềnh lên một mặt bất ngờ, có khi phải chịu ngừng lại lâu, ngồi đợi cho nước rút xuống. Qua canh năm đêm hôm sau thì đã trông thấy Lũng Sa. Sương còn đặc. Giải rừng lớn, hình bóng còn chập chờn. Tuy mô núi không cao, xem ra chỉ áp thoải thoải giữa những đồi trụi mỏng trọc ký khu hơn nhiều, nhưng cứ nhìn cái dáng lù đẹt của những vòm già lá kết, cũng đủ đoán biết cái tính ác dữ không phải là ngoa truyền. Lũng Sa có tiếng là hoang hiểm. Thực là một cảnh săn tốt đối với con nhà đi săn.

Chúng tôi không ai tưởng đến nghỉ ngơi, thẳng bước vào tìm chỗ làm chòi. Trú ngụ ở đâu khác, cũng làm cho dân làng quanh quất đó kinh nghi. Đi toán đông thì chỉ ăn ngủ ngay trong rừng là tiện.

Tìm được một khoảng vừa ý, từ cửa rừng đi vào không xa lắm, chúng tôi



đang chia nhau người dẫn cây, người kéo lá, thì một anh trong bọn bỗng reo lên, gọi tất cả chạy đến một đám cây thấp bùm tum. Phát cành rút rọ vào xem, thì ra đấy là một tòa cổ miếu. Chung quanh miếu có tường quây, nhưng tường phần lớn sập đổ gần tới móng. Mái cũng vậy, bẹp chũu dưới những đợt lá nặng, chỉ ở một góc bên trong còn lại dấu vết mấy chiếc rầm mục với vài ba miếng ngói đen sì. Ánh sáng qua những tán cây soi xuống tha hồ. Trước miếu có một khoảng sân khá rộng, gạch đã nứt vỡ hay bật chồi lên vì rễ cây to, mà hầu hết bị cỏ lá với đất rêu phủ kín khắp mặt. Không còn cảnh nào có vẻ hoang phế hơn nữa. Cả cái bệ chính giữa cũng lở nứt, có chỗ như bị xô, bị húc nhiều lần. Hương khói lạnh lẽo hắt đã lâu lắm rồi, sự linh thiêng có lẽ không bằng một cái chòi lá đơn sơ dựng ở một quãng vách đèo hay hốc suối. Nhưng tôi vẫn lấy làm nghĩ ngợi mãi, trong lúc bọn người Nùng sục sục mà chẳng thấy gì thêm. Miếu tuy bỏ vắng, nhưng cũng đã phụng sự một uy quyền nào ở đây, không thì cũng đã yên ủi một vong hồn bị oan khuất. Cái nơi nguy hiểm ghê gớm là cảnh rừng này, một thuở xa xăm nào đó, cùng đã từng có vết chân người. Mấy chữ đá thảo còn sót lại ở những chỗ trước kia là cột viết câu đối. Tôi không thể nào đọc rõ: hần chữ với màu mực đã mòn lẩn mất hết. Một mảnh đại tự mập mờ không đủ cho mình đoán được là chữ "Hải" hay là chữ "Mai".

Có người bàn nên dùng chỗ này, đắp đất chất gạch cho cao tường thêm, để thay cho cái chỗ ở bằng chòi định làm khi trước. Ý kiến ấy được mọi người khen hay. Chúng tôi liền đem chõ cây, lá, mây, nứa, đá kiếm được, chất cả lại trước khu miếu. Rồi lèn vách, trồng cột, lợp gò, đan liếp... không mấy chốc dựng thành cái nhà một gian rộng rãi, có tường dày, có cửa phen chắc chắn, vừa làm nơi ăn chốn ngủ, vừa có chỗ chứa sấy vật săn được, tiện lợi không đâu bằng. Làm xong nhà thì ống cơm nếp lùì cũng vừa chín, chúng tôi ngả lưng ra ăn uống no nê rồi vun thêm lá khô bên ngoài giải lèn đất mà nghỉ ngơi.

Đi đường xa, lại vừa lợp lát tuy có mệt nhưng tôi cũng không muốn ngủ. Mình là người hay thần thơ gặp cảnh lạ, cảnh mới bao giờ cũng thấy lòng

bồi hồi náo nức. Tôi ra cửa ngòi đó một mình. Cái khoảng phát quang chạy ngang trước mắt như một con đường, mà bên kia đường chằng chịt, uốn éo chúm rủ cả một phần rừng xanh lúc đó như sấn lại trước mặt. Tôi vui mắt mãi xem bày khi đu nhẩy trên những dâm vông cành lá gần đó. Một vài con mền xuống bám ở những chạc thấp nhất, nhòm nhòm ghé ghé vào gian nhà mới của chúng tôi ra vẻ hết sức ngạc nhiên.

Bỗng có tiếng lạ tai. Tôi giật mình. Cùng một lúc với tiếng sột sạt, lùm cây rậm trước cửa rung động một vẻ khác thường. Hình như có một con vật đang rẽ lá lách cành mà tiến đến. Tôi sừng sốt, đứng phắt dậy, quay vào trong lều. Các bạn sẵn ngủ ngon giấc quá. Tôi không đánh thức ai vội, vớ lấy một cái nỏ, chĩa vào lùm cây, một hai chỉ đợi bắn. Thì lùm cây lại thấy yên, không còn rung rẩy nữa. Nhưng có tiếng chân rẽ về phía khác. Bước chân mau nhẹ, dẫm lên một lối chùng quang phẳng nhất, mà nghe mỗi lúc một xa dần. Tôi đoán có lẽ không phải là thú dữ, vì nếu phải, tất nó đánh hơi thấy, đã xông ra hại mình rồi. Nghĩ thế nên vững tâm hơn, tôi liền rẽ ngang, chạy theo một lối nhỏ, cây thưa, cứ tiếng chân dẫm lá của con vật làm chùng mà đuổi nó. Tôi hết sức đuổi, cố tình tìm bắn cho bằng được. Được chùng quá trăm bộ đến một chỗ ngoặt, cây chen mau, nhưng lối không dốc, tôi sấn bước nhảy cho chóng tới gần con vật. Thoáng một cái, trong một vùng quang có ánh nắng ló xuống tận cỏ, tôi thấy bóng một người. Không thể trông rõ mặt được: tuy cách nhau chỉ vài chục bước nhưng hấn lẩn nhanh lắm, như biến vào đám cây lá, mà từ lúc ấy, không để lại một tăm hơi nào. Chỉ kịp nhận ra là người ấy to béo, quần áo màu chàm bạc, đầu lại có đuôi sam. Chắc hẳn là một người Tàu. Nhưng người Tàu ấy là hạng người nào, ở đâu đến đây, mà đến cái chốn nguy hiểm này làm gì? Bảo là đi săn chằng? Người Tàu họ không săn ở đây. Mà có chằng nữa tất phải đi thàn đoàn, thành bọn; mấy ai dám xông pha vào một mình. Điều kỳ dị hơn nữa là sao hấn lại có vẻ lẩn lút, thấy tôi lại trốn chạy như một kẻ gian đồ? Hay có lẽ hấn quả là một tên cường bạo? Một tội nhân vượt ngục hay một kẻ vong mệnh bị truy tầm trốn nã gì đây chằng?



Tôi vừa quay trở về vừa nghĩ bụng thế, thỉnh thoảng vẫn rờn rợn ngoài lại đằng san. Về nhà, ngồi vẫn vợ mãi cũng không đoán ra người khách ban nãy là người thế nào. Bọn người Nùng ngủ dậy, thấy tôi vẫn tư lự. Tôi đem việc vừa rồi kể lại rành mạch cho họ nghe. Không ai tin. Họ bảo tôi rằng không có gì đâu, không đời nào có người dám tọt một mình vào trong nơi ghê sợ này như thế cả. Tôi nói là chính mắt tôi trông thấy người khách, tôi lại cầm chính cái nỏ kia đuổi theo hắn. Họ vẫn một mực không chịu tin. Mà như thế không phải để chọc tức tôi. Họ quả quyết bảo không thể có người nào dám cả gan vào rừng này được. Người nhiều tuổi nhất trong bọn phân giải câu chuyện tôi như thế này: cái người mà tôi trông thấy, không phải là người. Hắn trước đây có anh khách nào đó, vì không biết mà đi qua rừng một mình rồi bỏ mạng; vong hồn không tiêu tan được, vẫn lẩn quất ở đây, rồi bây giờ làm ma rừng, hiện lên để trêu tôi đó. Rồi mọi người thành thực tin, khẳng khẳng tin là thế. "Phải, phải, ma khách đấy. Ở trong rừng thì nhiều ma lắm, nhưng đừng sợ nó thì nó sợ mình". Trí nghĩ họ thực đơn giản quá. Tất nhiên tôi không thể cũng tin như họ được, nhưng cũng không cố biện bạch làm gì, dẹp chuyện đó lại cũng như họ thản nhiên gạt hắn ra ngoài tâm trí. Đến lúc sửa soạn khí giới, bàn tính cuộc săn đêm, thì tôi cũng không còn chút băn khoăn nào nữa.

Chúng tôi ở đó được ba hôm, ngày thì ngủ, đêm lại đóng cửa kéo nhau khua động vây đón rợn cả mấy khu rừng. Săn có hai đêm mà được cả một cặp hổ, con đực to lớn lạ thường, hai con hoẵng, ba con nai, một con hươu nhung. Hổ thì chỉ lột da, dóc cốt. Những con khác mới giữ lấy cả thịt, phần lớn phơi, sấy hoặc ướp; còn thì nướng ăn tại trận cùng với lương thực đem theo từ nhà. Vụ săn xem chừng còn may mắn nhiều; cuộc xông pha càng nguy hiểm càng thấy có hứng thú. Mọi người đều lấy làm vui vẻ sốt sắng, thường cười nói bảo nhau: "Trời giáng thiên tai cho rừng này nên sai toán thiên tướng chúng ta xuống sát phạt một mẻ".

Chiều ngày thứ ba, tôi thức dậy trước nhất. Tôi mở cửa vừa bước chân ra khỏi miếu, vụt đã thấy bóng người khách kỳ dị hôm đầu. Lần này thì tôi

trông thấy mặt cùng với nửa người phía trên của hắn. Khuôn mặt to phính, nhô ra giữa cụm lá, lặng lẽ mà nham hiểm, lại như vừa ngạc nhiên vừa căm tức. Trong có giây lát mà hình ảnh ấy như in mãi trong tâm trí tôi. Nhất là hai con mắt xé của hắn tuy nhỏ mà sáng lạ, sắc lạ, long lanh một vẻ độc ác ghê người. Thỉnh thoảng, chừng sững sờ, hắn chưa kịp lui. Rồi tức khắc, hắn thụt vào mau như kiến. Thoảng cái đã mất hút y như là không có bao giờ! Tự nhiên cơn giận bùng bùng nổi, tôi trở vào, vớ lấy cái cung sắt lớn, miết đuổi theo. Tôi không cần gọi bọn người Nùng, rắp tâm hề trông thấy thì dù là người khách hay là ma khách tôi cũng bắn chết.

Tôi sấn chạy vào lới hắn lui, nhảy những bước rất táo tợn qua những đám gai góc. Đuổi một chặp hết sức khẩn bách, tôi đã trông thấy hắn chỉ còn cách tôi độ năm chục bộ. Sợ hắn sớm lách vào đám rậm mát, tôi không đợi gần đích, vừa chạy vừa giương cung. Khoan bước để hất một cành lá đâm ngang, thì thằng khách đang khom người. Nó tìm cách lẩn đấy! Tôi liền phóng ngay phát tên ra. Rắc, rắc! mấy tiếng cành gãy cùng với tiếng lá xô. Mười phân chắc bắn trúng cả mười, nhưng trông lên thằng khách đã đâu mất. Rồi, ngay lúc ấy, từ cái phía sột soạt ấy, một vật loáng dài như một thân cây, quẫy cựa trong khoảng vòm tối tranh sáng. Tôi nhận ngay ra là con trăn! Một thứ trăn lớn nhất, khoẻ nhất. Nó lẳng lẳng mà tiến thẳng lại trước mặt tôi chậm chạp lừ lừ, lại có vẻ thản nhiên, nhưng quả thực là ghê gớm! Tôi biết cái nguy hại cấp thiết đến bực nào rồi. Phát tên vừa buông đã thành hư vô. Rút bắn phát nữa tôi lại thấy trật đích mà trật một quãng xa như người bắn vụng! Trong lúc đó, con trăn vươn lên một chặng đáng sợ. Tôi vội vã quay đầu chạy. Con trăn lặng lẽ trườn theo. Gần về đến khu miếu, tôi hét rất lớn để kêu gọi bạn sẵn. Họ đã ngủ dậy cả. Nghe tiếng tôi, một vài người nhanh chân xông ra trước. Con trăn coi như không thấy ai, nó cứ đuổi tôi mãi. Sau, tất cả bọn giáo mác gậy guộc ồ cả ra, kẻ sĩa, người nện, nó mới quẫy ra chạy. Con trăn khoẻ mà lại dai đòn một cách quái lạ. Suýt nữa nó quán được mấy người lúc nó vượt qua cửa miếu. Tuy bị thương nhiều vết nặng mà nó còn bắt chúng tôi phải đuổi xa đến mấy trăm bộ nữa mới chịu nằm im. Con trăn chết rồi,

hai mắt vẫn mở như sống.

Bọn người Nùng hỏi tôi sao đi ra sớm thế, mà đi xa trong rừng sao không gọi ai cùng đi? Tôi thuật chuyện đuổi thằng khách cho họ nghe. Họ cười ồ cả lên. Tôi ngạc nhiên, họ lại càng cười to. Rồi ôn tồn phân giải cho tôi biết rằng: "Nó là ma đấy, thằng khách là ma rừng đấy, sao lại đuổi bắn nó? Bây giờ thì nó đây rồi, con ma ấy đây rồi!".

Vừa nói họ vừa trở vào con trăn, vỗ tay lên vai tôi để yên ủi tôi: "Con ma ấy nó nhập vào con này. Bây giờ con này nó chết, con ma nó cũng chết".

Câu nói của họ rất thành thực, có một giọng quả quyết rất chắc chắn. Tôi cũng thấy sồn lòng, thế gian quả có những sự biến ảo hiển nhiên đến thế được sao? Thằng khách kia chỉ là một hình ma! Mà con ma lại hóa ra con trăn bị giết chết? Thực là kỳ quái hơn cả mọi điều kỳ quái! Tôi nhìn xuống. Hai mắt con vật mở, như vẫn nhìn tôi trừng trừng! Tôi rợn người lên một lượt, sợ hãi trà lạnh khắp thịt da. "Có lẽ là ma quái thực cũng nên... Lúc trước rõ ràng phát tên của mình nhằm trúng thằng khách. Thoát được tất phải do một sự may mắn kỳ diệu lắm lắm, không thì tất do một sức huyền bí nào! Vậy mà nó thoát khỏi, nó biến mất, rồi tức thì thấy tiền ra cái quái vật này". Tôi vốn không tin ma quỷ mà lúc đó cũng phải nhận rằng yêu dị chưa hẳn là chuyện hoang đường.

Nhưng dù sao tôi cũng đã qua được lúc nguy rồi. Người khách kia, dù là người hay là giống hung thần nào tôi cũng không cần quan tâm nữa. Người Nùng nói có lý lắm. Đuổi bắt nó làm gì. Tự dưng chúng nó có làm hại được mình bao giờ đâu?

Phải đến ba bốn người mới lôi xác con trăn được dễ dàng. Ai nấy gặt gù bảo nó lấm mỡ, lóc ra thắp đèn thì tốt không gì hơn; da nó là thứ bịt chuôi dao rừng vừa bền vừa quý.

Tôi đi đầu đoàn. Đến quãng rẽ trông thấy được cửa miếu, tôi hốt nhiên kêu lớn tiếng kinh ngạc. Tôi thoáng thấy thằng khách! Nó vừa lén vào trong lều.

Tôi hét âm lên bảo cho các bạn sẵn biết.

Bọn người Nùng vẫn chưa nghe ra, đùng đình hỏi:

- Lại cái gì đấy?

- Thằng khách!

- Thằng khách nào?

- Thằng khách, chứ còn thằng khách nào!

- Nhưng thằng khách làm sao?

- Nó vừa vào trong miếu.

Tôi bảo họ bỏ con trăn đấy, cùng xông về với tôi. Nhưng không một ai vội vàng. Họ lại còn ra ý không tin.

- Không có gì đâu mà, không có gì đâu, anh trông làm đấy.

Tôi phải nhắc đi nhắc lại:

- Chính nó, tôi trông thấy chính nó! Không thể sai được!

Rồi sấm sấm tôi chạy về! Chợt chợt dạ. Tôi đứng lại giục, họ vẫn chùng chình vừa lắc đầu vừa gàn:

- Đã bảo không có gì mà, sợ gì mới được chứ!

Tôi bực dọc quá phát gắt lên:

- Thì cứ về với tôi xem nào! Chẳng lẽ tôi lại mờ quáng đến thế?

Mãi lúc ấy họ mới miễn cưỡng mà theo tôi.

Tuy đi chậm mất một quãng khá lâu, nhưng trong lúc đó tôi vẫn không rời mắt khỏi cửa miếu. Chiều đã mái bóng, nhưng đến một con chuột ra vào bấy giờ tôi cũng thấy được rõ. Thằng khách chắc chắn vẫn còn trong lều.

Tôi vung thanh đao dặt ở tay một người để xông lên trước, quvết bắt, mà thế nào cũng bắt được thằng khách cho bọn người Nùng hết nói là ma.

Tôi bước vào. Bọn người Nùng cũng đã ồ tới chập cả cửa. Trong lều im phăng phắc. Tôi quay mắt nhìn đến cùng kẽ mọi xó tối. Kỳ dị thật. Không thấy qua bóng vết thằng khách đâu.

Đánh đuốc lên xem nào!

Lửa sáng, soi cũng chẳng thấy gì khác. Cũng không có gì thay đổi, đồ vật mọi chỗ vẫn y nguyên. Trong lều còn một vài chỗ dập lá khô, nhưng đóng thập, bới tìm chỉ thêm việc. Tường vách làm để phòng ngữ thú rừng, một con mèo không lọt được, mà lúc đó vẫn kín, không một dấu dao khoét nào qua. Vậy thì thằng khách trốn đàng nào? Chỉ có lối cửa thì tôi đã để ý chăm chú lắm rồi, không thể nào nó ra khỏi mà tôi không trông thấy được!

Tôi kinh ngạc hết sức. Nhớ lại thì cái bóng thằng khách lúc lén vào vẫn rõ rệt, cái mình áo chàm, cái đuôi sam đen, cả đôi ống quần nịt quần của nó, nhất nhất tôi thấy rành rẽ. Cả cái vẻ lén lút của nó nữa. Thế mà rồi thành hư ảo, mà sự biến ảo chỉ có tôi trông thấy, hình như chỉ ngạo nạt riêng một mình tôi. Các bạn săn thì không ai ngẫm nghĩ lâu. Họ cứ tin theo ý họ vẫn tin, một mực bảo tôi rằng: "Chỉ là ma đấy thôi, đừng sợ nó. Ma không bao giờ làm chết những người ngay thẳng hiền lành". Tôi không hiểu nên cho thế nào là phải, tâm trí như rối loạn, vừa hoảng sợ ngấm ngấm, vừa tức giận, bó gối ngồi bực dọc một xó; mặc những người kia hì hục lột da con trăn.

Họ thấy tôi chưa từng bắn khoăn quá như thế bao giờ. Thấy một người gan dạ vui vẻ như tôi mà bỗng có thái độ đổi khác đến thế, họ cũng phải sinh ngờ vực, cũng phải hiểu rằng những điều tôi trông thấy tất hẳn là những điều phi thường. Sau cùng, người trưởng đoàn đồ là tôi gặp bóng thần rừng, hay chính thần miếu. Vị thần khu cổ miếu nay bị bọn tôi đến quấy rối sự yên tĩnh, hiển hiện lên để tỏ ý giận dữ; đã thế thì chỉ có việc cúng bái là yên ngay. Họ vừa sùng sốt vừa trầm trồ như mới vỡ ra một lẽ tất nhiên không thể nào khác được. Trong bọn có người thường nhật làm thầy "mo" cho cái ý vừa rồi phải đem làm ngay. Hắn liền đốt lửa giữa lều, gõ thanh la, niệm thần chú để tạ ông "thằng" ông "thần" ở đấy: "Xin ông "thằng" ông "thần" ở đây cho phép bọn người đi săn nọ trong miếu này, săn trong rừng này", để người đi săn giết nhiều hổ, nó vẫn làm hại cho con cho cháu người dân người làng, nó vẫn ăn trộm con lợn, con bò của người dân người làng... xin ông đừng giận người đi săn làm chi nữa".

Cầu cúng xong, thế là yên chuyện. Bọn họ lại nói đến cuộc săn, không ai nhắc đến người khách hay ông thề thần nữa. Gặp phải sự cản trở cho công việc họ, thì họ giết phất kélàm trở ngại kia đi. Nếu lại là thần thánh hay tà ma xui nên thì họ cầu đảo, phù chú. "Đói khát thì ăn thì uống, đau ốm thì thuốc, thì bùa". Sự cầu cúng họ tin có hiệu lực vững vàng như kết quả của mọi sự thiết thực. Phần tôi, tôi không thể dễ dãi yên lòng được như thế. Tuy không lộ vẻ lo ngại nhiều, vì không muốn họ cho mình quá nhút nhát, song tôi thành ra ít nói, lúc nào cũng trầm ngâm cố giải những điều kỳ quặc nọ. Cả những lúc săn bắn trong rừng, tôi cũng không thể quên đi được, mỗi chốc lại tưởng chừng sắp thấy một sự lạ nào xảy ra...

Chiều tối hôm sau, nhân phán khởi về số vật săn khá nhiều trong đêm vừa qua, lại hăm hở sửa soạn săn vây lớn đêm sắp tới, mọi người ăn uống một bữa ồn ào vui vẻ khác thường. Họ rót cho tôi một gáo rượu đầy, bông đùa mấy câu về những chuyện ma rừng, lại ép tôi uống thực nhiều để thêm vững trí. Tôi không hay rượu, nhưng bữa này lấy vui, rượu cần thơm ngon một hứng vị riêng, tôi cũng sẵn lòng cười nói như thường, tâm trí nhẹ hẫ đi; những việc quái dị, những điều lo ngại không còn gì quan trọng mấy nữa. Mình lại tự nhủ: Ủ, tội gì mà thắc mắc. Mình là người chính trực, không làm hại ai, không có gì tà khuất trong lòng, thế thì dù có những loài yêu quý hung bạo thật chẳng nữa, chúng nó đã dám làm gì được mình. Chuyện nói bữa đó nhiều câu thực hào hùng, rượu uống cũng hăng hái, lúc sực nhớ đến cái hại quá chén, biết nghĩ đến sự nên ngừng lại để khỏi phải bỏ cuộc săn, thì đã say mất rồi. Tôi đứng lên được, nhưng bước đi cố gắng cũng không giữ nổi thăng bằng, ăn được chút nào thì chỉ chực những nôn hết. Một người bạn săn phải đỡ lấy tôi. Mấy người khác dọn vôi lấy một góc kín rồi cùng vục tôi đến, đặt nằm yên đấy. Tôi mơ hồ thấy mấy bộ mặt cười cợt, hiền lành cúi xuống, rồi từng khoảng ánh lửa trong lều đôi chỗ, bước chân của bạn săn nhẹ nhõm, với những tiếng trò chuyện như thấp xuống, như thì thào!

Tôi ngủ một giấc thẳng, không biết được bao lâu. Lúc thức dậy, bàng hoàng, nhưng tỉnh ngay tức khắc. Chừng đã khuya lắm. Trong lều, tôi như

bung. Bấy giờ hơi rượu đã tan hết. Sờ quanh mình thì biết là đang đè lên đám lá khô. Trên bụng đắp một manh chiếu cói. Nằm dón một lúc nhìn đến nhúc mắt cũng không biết được là đang ở khoảng nào, cũng không rõ cửa ở phía nào. Bận sờ có lẽ đi đã lâu lắm. Thử cố nghe xem có thấy tiếng tù và hay tiếng thanh la đưa vọng lại không. Tĩnh không. Bầu tối nghịt đen. Tiếng rùng đêm cũng như nhỏ xuống mãi. Trong lòng tôi tự nhiên thấy ghê sợ quá, mình như bị bỏ vào một chốn ngục sâu lạnh lẽo kín mít, trong đó đầy những sức âm u quái gở, không mong có ai ngó ngang cứu vớt mình. Tôi lại nhớ ngay đến thằng khách, nhớ đến con trăn lớn, nhớ hết các việc dị kỳ mấy hôm vừa qua... Nghĩ cứ giận bọn người Nùng sao nỡ để tôi trơ trọi chốn này. Chắc hẳn tôi say quá, họ biết không thể đi săn được, đành để tôi ngủ yên ở nhà. Nhưng họ có ngờ đâu là tôi không thể yên tâm được, đối với những điều xảy ra kia, tôi có dừng dừng được như họ đâu?

Có tiếng động khác tai.

Bên ngoài, những bước chân như đang tiến lại. Tôi lắng nghe. Không thể làm được. Tiếng chân bước đều, thong thả, mà như quen đi trên đường lối gần đây... Nhưng khi gần tới chỗ mà tôi đã nhận ra là phía cửa thì bước đi lại ra chiều dè giử rón rén. Loáng thoáng có ánh lửa đuốc. Vì thế tôi mới nhận được phương hướng cùng với chỗ mình vẫn còn nằm. Bước đi càng thêm nường nhẹ, có vẻ nghe ngóng, lá khô bên ngoài bị xéo đi xuống mà tiếng nghe vẫn êm. Rồi im hẳn. Lửa đuốc như sáng to hơn. Một tiếng cọt- kệt từ từ mở cửa phen. Một bó đuốc đưa vào cùng một cánh tay áo chàm, rồi cả một người lách vào! Tôi nhận được mặt ngay.

- Chính là thằng khách!

Tôi tái hẳn người đi. Mép chiếu đã kéo lên tới gần mắt, tôi cố thu hình lại, mong cho nó không biết trong này có người. Cũng may, bấy giờ tôi nằm ở một góc miếu phía trong cùng, nơi xếp những lương khô, mình khuất sau mấy nải gạo mà bọn người Nùng kéo ra có lẽ để dọn cho tôi được chỗ kín gió mà sạch sẽ cao ráo nhất. Từ góc đó, tôi có thể trông qua những quăng hở để xem cử động của thằng khách mà nó thì khó thấy được tôi.



Thằng khách giơ bó đuốc nhựa lên nhìn khắp lều một lượt, xem chiều yên trí rằng bọn đi săn thực không còn một ai ở nhà. Tuy vậy, lúc nào nó cũng vẫn có vẻ giữ gìn, đề phòng, hai mắt sắc, nhanh như lửa, liếc đây liếc đó; mà tai thì lúc nào cũng như lóng nghe. Nó bước lên một bước, ngảnh nhìn ra cửa một cái, cúi xuống cầm bó đuốc ở một kẽ gạch, rồi rút ở lưng ra một con dao rừng lớn, nhìn thẳng về phía tôi. Trống ngực tôi đánh mạnh rất dữ. Có lẽ nó nghe tiếng mất. Nó cứ nhìn về phía tôi mãi, nhất định không rời mắt đi đâu. Nó nghĩ ngợi, như còn lưỡng lự nghi ngờ một lát, rồi thông thả bước lại góc miếu, lôi một nải gạo áp tường bê lên rồi vút lên người tôi. Tôi phải hết sức nhịn mới khỏi kêu. Hai nải gạo nữa lại đề lên tôi, một ở chính giữa bụng, một ở dưới đầu gối. Dễ thường nó giữ cho tôi không dậy được chắc. Tôi vừa nghĩ thế thì nó đã nhặt con dao lên ướm, trở cái mũi vừa sắc vừa nhọn vào cạnh sườn tôi. Tôi không còn hồn vía nào. Toan vùng chạy, nhưng chân tay lại bị bó ép trong mảnh chiếu dưới ba nải gạo nặng, thì con dao đã cắm xuống cách đùi tôi chỉ độ một gang. Thằng khách cúi khom người, mặt nó sát gần với mình tôi, đang lúi húi vun những lá khô đất vun mới ráp lại chỗ ấy. Nó chưa biết có tôi ở đó cũng là một sự lạ. Cái khăn chàm quấn trên đầu tôi tuy sờ ra nhưng búi tóc buột xuống thò ra ngoài mép chiếu khá nhiều. Hay nó biết mà làm như không? Tôi thực khổ sở vì điều ngờ vực ấy. Nhưng có lẽ ánh đuốc xa, nó lại sắp bóng, mà những áo tơi, bao tải thì hỗn độn trong góc miếu, vì thế mà tôi chưa bị lộ diện cũng nên. Tôi nhíp mắt nhìn xuôi xuống xem nó làm gì thì cái chuôi dao đang bị hai tay nó ấn xiêu về phía lòng nó: nó đang bầy một cái gì ở dưới đất. Tôi không phải chú ý lâu đã thấy chòi lên mọi phiến gạch lớn dày lắm, vuông mà to gấp hai ba chiếc bàn cờ. Tiếng động chạm lúc thằng khách lôi nhích phiến gạch, nghe có âm vang khác lạ. Tôi nhận ra đó là nắp đậy của một cái hầm đào.

Người tôi mỗi lúc một cứng ra như gỗ, hết sức ghì giữ hơi thở, vì để nó biết thì chỉ một nhát dao kia là uổng đời. Lúc đó, nó còn mãi chưa để ý, nhưng lát nữa nó đem bó đuốc lại soi xuống hầm, mà tôi thì nằm sờ sờ ra đây, dưới ánh sáng rõ, thì thoát sao cho khỏi đôi mắt sáng như hai mũi gươm

kia!

Thằng khách tra dao vào vỏ, nâng phiến gạch nặng lớn như thế mà coi ra vẻ rất nhẹ nhàng. Lúc nó kéo hẳn sang một bên miệng hầm thì bỗng thành linh cái nải gạo trên bụng tôi lăn ngay xuống. Cổ tôi tắc lại vì sợ. Lần này thì hẳn nó biết. Nhưng nó vô tình. Nó cho là việc tự nhiên lúc xô dịch phiến gạch vừa rồi, nên lấy chân ấn hai nải gạo còn lại trên người tôi vào quá phía trong. Có lẽ lúc ấy cả người tôi cũng chỉ là một bọc lương hay một bó chiếu gì đó. Nó hắng giọng khạc nhổ một cái rồi vừa lẩm bầm nói vừa bước ra phía cửa phen. Cửa vẫn chỉ mở hé. Nó mở rộng thêm chút nữa, đến bên toan nhỏ bó đuốc, nhưng sau ra khỏi lều tay không. Tôi dè chừng nó còn định mang xuống hầm một vật gì nữa.

Tôi liền hát chiếu vùng dậy. Phải lợi dụng cái khoảnh khắc thằng khách vắng mặt ở đây. Chưa kịp có mưu kế gì, tôi nhảy một bước đến bên vách, hàng nhấc lấy cung tên treo ở tầm tay. Trông trước trông sau, không có một chỗ nào khả dĩ ẩn được kín đáo, thì tiếng lá khô bên ngoài đã lạo xạo. Túng thế, tôi thấy chỉ còn cách trốn xuống ngay dưới hầm. Cái tiếng nải gạo rơi xuống đó lúc trước, nghe gần lắm, hầm tắt cũng chẳng sâu bao nhiêu. Tôi bèn lẹ chân nhảy xuống. Trong trí bấy giờ đã tính sẵn: nếu không tìm được chỗ nào khuất, nếu thằng khách xuống hầm còn có thể vớ được tôi thì thừa lúc anh chàng bất ngờ, cắm ngay cho mấy mũi tên sắt này vào gáy là rảnh chnyện.

Chân tôi chạm tới đất thì vừa vịn ngò lên nải gạo lăn xuống vừa rồi. Đất dưới chân ẩm, nhưng không mềm nhẽo. Hầm tối như hũ nút. Quờ tay sờ soạng chỉ thấy quăng không đen ngòm. Trông lên, chéch phía trên đầu là cái khung vuông, ánh sáng đỏ mờ mờ; đó là cái miệng hầm nắp mở ra gần hết.

Cứ trông qua cái miệng hầm ấy cũng đoán được hành vi thằng khách trên miếu lúc đó. Bó đuốc chùng nó đã nhổ lên, rồi đi soi mói khắp mọi xó. Khoảng mái lá tôi trông được bên trên, ánh sáng lúc tỏ, lúc mờ, có lúc tối hẳn. Có lẽ thằng khách bấy giờ mới sinh nghi, hoặc vẫn chưa dành tâm về hồi xem xét sơ qua lúc đầu, nên soi lại để cho thực vững bụng. Xem chừng

nó không bỏ sót một chỗ nào. Tôi nghĩ mà hú vía. Giá nó cẩn thận như thế từ lúc trước, lúc tôi còn nằm dí ngay trước tầm dao của nó thì muôn phần không có một phần mong vẹn toàn.

Ánh lửa biến dần, rồi lại sáng lên rất mau. Rồi sau cùng, tôi trông thấy cả ngọn đuốc. Thằng khách đã cắm bó củi nhựa ngay cạnh miệng hầm. Nhờ có sáng, tôi nhận ngay được một cái hõm thụt vào vách đất cách tôi không đầy ba bước, khuất sau một thứ cột cây mà lúc ấy tôi mới thấy hiện ra. Tôi nép ngay vào cái hõm để ẩn. 'Trên kia, thằng khách đưa xuống một cái thang. Một cái thang nhỏ, ngắn, làm sơ sài bằng những gióng cây không thẳng. Nhanh nhẹn như nó mà phải dùng thang mới xuống được đã là một điều bất ngờ. Lúc nó xuống thang, tôi lại thấy nó phải dò dẫm. Chân nó chậm chạp đặt vào từng bậc, như miễn cưỡng bị ai bắt xuống. Thì ra nó mang trên vai một vác lớn, một thứ bọc vải dài, xem chừng khá nặng, lại đeo thêm một gói nhỏ cũng bọc vải, buộc ở một bên. Xuống hết bậc, nó đi ngay vào trong bóng tối, có vẻ quen chân lắm. Tôi đoán chừng chứ không trông thấy nó đặt cái vác nặng xuống một chỗ. Một lát, tay không, nó trở ra, leo lên thang lấy bó đuốc xuống, nhân thế đẩy lại cái nắp hầm.

Nó đem bó đuốc vào, cắm bên cạnh cái bao đã đặt trước một thứ bệ đất, trên đó có mấy đồ thờ cũ, kiểu lạ, chỉ thấy ở những đình chùa của người Tàu. Chỗ ấy cách tôi chừng hai chục bộ. Nó còn trở lên xem lại chỗ miệng hầm một lần nữa. Biết là nắp hầm đã đẩy thực kín, nó mới yên tâm xuống, đến bên hai cái bọc, mở cái nhỏ lấy ra vàng, hương xếp lên mặt bệ. Nó thắp hương cây cắm vào hai cái lọ vuông, châm thêm điếm hương vòng rất lớn vẫn treo đó từ trước, rồi đốt bốn ngọn nến sáp cắm sẵn trên bốn cái giá nến bằng đồng hun. Lúc đó, tôi mới để ý xem xét.

Hầm này không biết có từ đời nào, hầm đào do hạng người nào, mà sâu rộng được đến thế! Chu vi có đến ngót ba miêng, gần theo hình chữ nhật, song không được ngay gọn; bề cao một người trung bình cố nhảy lên mới với được đến trần. Bề đất trần dày non một thước, có những dầm lớn bắc ngang giữ lấy những bấp tre dài đặt dọc. Bảy tám súc cây để nguyên thân,

chỉ đẽo có vỏ ngoài, dựng thành hai hàng cột không thẳng, không đều, xiêu vẹo, cong queo. Từ chỗ bệ thờ, lửa nén, lửa đuốc, chiếu lòa ra những hình đen ngả lên mặt đất, giải lên trên trần, to lạ lùng và dài ngoằng ngoẵng, nhích động như linh hoạt, theo những lúc ánh sáng bập bồng. Bóng tối, lửa đỏ, cảnh tượng chập chờn âm u, tôi khác nào ở giữa một nơi yêu dị kinh hoàng. Không khí trong hầm lại bức nặng. Hơi mục, hơi ẩm, hơi dễ ngái, đất lạnh, bọc thấm tận da thịt mình; mà lẫn với mùi hương nén, mùi khói nhựa ở bó đuốc tàn ngọn, lại thoảng những hơi cá uơn, cóc chết trong đám vùn rác ruộng hôi. Một thứ sương mờ loe quanh mấy quầng sáng trên bệ đất.

Phía trước chân bệ, một khoảng đá lớn bằng nửa cái chiếu, phẳng liền như chỉ độc một phiến. Thằng khách lom khom quỳ trên đó, bên cạnh cái bao lớn đặt chéch một bên. Vách hầm bên hữu treo hai thanh mác cực lớn, tuy hoen rỉ nhưng vào hạng cổ khí rất tốt. Sát vách bên tả, một bảng gỗ to, cao gấp rưỡi cánh phản, dày đến ngót nửa gang, dựng đứng như một thứ bia. Trước mặt bảng gỗ lủng lẳng những vòng sắt móc sắt với xích sắt mắc treo tận dầm trần. Dưới chân bảng gỗ cuộn nằm ngổn ngang những sợi dây thừng nhỏ có, lớn có. Thoạt tiên, tôi cho chôn này là một thứ sào huyết của một bọn giặc cướp nào, không thì cũng là một nơi ngục thất bí hiểm đặc biệt, mà những hình cụ đó tất dùng vào một việc tra tấn hành phạt riêng. Từ lúc thấy thằng khách vẫn quỳ gối trước bệ, lầm rầm như khấn khứa, nhân lại thấy nó mang cái bao xuống theo, thì tôi đoán ngay rằng: có lẽ thằng khách đem yểm vàng yểm ngọc chi đó. Cái bao kia tất không đựng cái gì khác một số của vĩ đại phi thường. Sự tình cờ khiến tôi bắt gặp cái công việc mà nó hết sức giữ kín đáo. Tôi nghĩ bụng. Hẳn là thế thực. Có vàng bạc đem chôn giấu tất nhiên phải cẩn mật lắm: những việc rình mò, lẩn trốn của thằng khách mấy hôm trước kia cũng không có gì lạ lùng quá đáng nữa. Thế thì mình chỉ việc đợi cho nó cất xong bao của rồi lên khỏi, là mình sẽ có cách thoát thân. Tôi nghĩ vậy, nên kiên lòng vừa chờ vừa xem.

Sau khi cầu cúng vị thần mà tôi độ là Tài thần của nó, thằng khách dậy lôi cái bao vải chàm ra để nằm chính giữa phiến đá, dụi tàn cho cháy to chỗ

đuốc còn có một đoạn ngắn, rồi dùng lưỡi dao rạch ngược để mở cái bao ra. Nó rút bỏ một ít mảnh vải lót đi, bên trong còn bọc một lần chăn màu tro. Khi những mối buộc, thắt ở mấy góc đã cởi đến nút sau cùng, thì, kỳ dị quá, tôi thấy lại là một người, một người con gái Tàu, quần áo thường ngày nhưng vào hạng lịch sự khác xa với cách ăn mặc thô dày của thằng khách. Người con gái trạc độ mười tám hai mươi tuổi. Nước da xanh, lúc đó xám mét vẫn không làm kém vẻ đẹp của khuôn mặt nhỏ, nét đều mà thanh. Hai mắt nhắm nghiền dưới ánh đuốc sáng gần đó, cô ta im bất như chết. Nhìn kỹ mới biết là hơi thở rất nhẹ, như chỉ còn thoi thóp. Thằng khách không ra vẻ để ý đến vội, thong thả kéo cái bọc nhỏ lại, mở lấy ra một cái bầu, bình tĩnh đổ vào miệng người con gái, rồi lặng lẽ ngồi chờ. Tôi thốt nhiên rợn lòng, sự nhớ đến một điều kinh khủng, một công việc ghê gớm trong những truyện yểm vàng của người Tàu.

Mình thường nghe nói đến nhiều phép người Tàu họ giấu của ở nước ta, mà cách hiểm độc nhất là bắt một người con gái còn trinh, cho ngậm nhân sâm, gắn trám đường vào mồm mà táng sống trong một sinh phần riêng hay trong một hầm huyết nào để làm thần giữ những của để trong đó. Tôi chắc hẳn một cảnh tượng giết người độc địa như thế sắp diễn ra trước mắt tôi. Thằng khách đem người con gái vào nơi rừng sâu biệt tích này làm gì? Chẳng phải cũng là để khoá miệng một cách thái ác, rồi bắt chết dần ở đây sao? Duy tôi còn ngờ một điểm: bọn người Tàu thường bắt con gái nước Nam ta để phong thần, chứ chưa từng nghe thấy họ dùng con gái nước họ. Tôi nghĩ bụng, hay đây là một sự bất đắc dĩ, một biến thái cũng nên.

Người con gái dầm dề tỉnh dậy. Cô ta ngồi lên, ngơ ngác giữa một cảnh lạ như còn trong mộng. Mắt cô ta chớp đến ba bốn lần, rồi lại chớp nữa. Lúc gặp mắt thằng khách, cô ta trân trân nhìn một lát, bỗng biến hẳn sắc mặt, miệng há, con ngươi long lanh, người co rúm lại. Tất cả thân hình cô ta thành một dáng khiếp sợ dữ dội mà im lìm. Cô ta muốn gào thét mà đã như tuyệt hẳn mất hơi. Rồi mãi sau, mới run run khắp mình, vừa run vừa lê dần, cố lùi xa lại đằng sau. Thằng khách bất thành linh vô sản ngay lấy hai tay cô

ta, nhoẻn miệng như người nhả, cười lên những tiếng đặc ý, ngạo nghễ mà nghe thực quái lạ. Thoắt một cái, nó ngừng bật, hai mắt mở như điên khùng, nó nghiêng rặng lại vừa rít vừa trở tay lên bệ thờ, gằm ghè nói một thôi một hồi những câu tôi không hiểu gì, chỉ đoán là những lời nạt nộ tức tối. Người con gái cố vùng được, ríu chân mà chạy. Thằng khách chỉ nhảy một bước nắm được vai lôi cô ta lại, rồi xô cho ngã lăn trên phiến đá, rúi vào chân bệ. Những tiếng đe dọa chửi mắng lại tuôn ra không ngừng. Người con gái giấu mặt khóc, cố nói to trong những tiếng nức nở. Tất nhiên tôi không hiểu gì hết. Cứ thấy câu nói nhắc đi nhắc lại những tiếng này: "*Ngộ, ngộ... ngộ dẫu... cái gì... chời cô*". Giọng nói như van vãn, như phân trần.

Thằng khách thấy thế, tớn môi lên cười, trông đến là khả ố. Nó quắc hai mắt sáng như hai đốm lửa, rồi chõ cái mặt đầy những hằn học sát vào tận mặt cô ta. Người con gái quay cổ đi. Nó liền nắm ngay lấy mớ tóc sòa, vắn cho đầu cô ta ngẩng lên mà khắc nhổ ra một mẻ những lời cục cằn nữa. Người con gái chỉ biết khóc, hai bàn tay nắm lấy nhau, run bật lên. Nó trở ngón tay đâm vào tận trán cô ta, rồi sấn sỏ đến định lột áo người con gái. Cô ta hết sức chống cự, úp sấp người xuống để giấu ngực. Thằng khách phải giằng co mãi, sốt ruột, soán ngay lấy tóc lôi cô ta đến chân bàn gỗ dày. Nó xách cô ta kéo dậy như xách một con mèo, đẩy cho đứng dựa vào bảng gỗ, lấy thùng trói mỗi cổ tay vào vòng xích lưng lỏng rủ xuống. Hai tay cứ thế giờ mãi lên phía trần hầm. Hai chân cô ta dẩy đạp vung lên, nó ghi xuống, buộc vào hai cái vòng sắt phía dưới. Trói xong cả bốn chân tay, nó hục hặc vừa mắng chửi vừa giằng rút hết mấy lần áo trên thân người con gái. Vải lụa tơ tằm thành trăm mảnh theo hai bàn tay vũ phu. Cô ta không thể vùng vẫy ngăn cản được, cứ thảm thiết mà gào khóc. Nó mặc kệ. Lột hết áo, thằng khách lại xé đến quần.

Tôi đứng trong xó tối, bấy giờ vừa lo sợ vừa kinh dị, lại vừa tức giận, chưa biết thằng khách còn hạ những thủ đoạn đê mạt độc địa tới bậc nào, Chân tay tôi như bị tê liệt đi, thần trí không được yên vững. Tuy sẵn cung tên đó mà tôi không dám dùng, không những khó lựa chiều vì hàng cột án

ngữ, tay cung của tôi bấy giờ lại không được thực mấy. Tôi sợ rằng bắn ra rất dễ sai, không khéo nhằm thẳng khách mà lại trúng vào cái thân thể lỏa lồ kia mất. Tôi lại tính đến cái nguy khác nữa, thẳng khách mà biết tôi ở đó tất không để cho tính mệnh tôi vẹn toàn. Dưới cái hầm bí hiểm của nó đây, nó khác nào một bạo thần vô địch. Mỗi lúc xem thái độ nó, nhìn cử chỉ nó, tôi một nhận thêm ra nó có một sức lợi hại chẳng phải vừa... Trông người con gái thảm hại quá! Vừa khiếp hãi, vừa thẹn thùng, kêu gào cũng vô ích, van vỉ chỉ chuốc lấy sỉ nhục thêm: cô ta tỏ ra một vẻ tuyệt vọng bi đát đến cùng cực. Hãm trong cái cảnh ác hại ghê gớm này, cô ta chắc hẳn không còn một ai biết đến, không thể có một sự tình cờ nào đến cứu được mình..

Bó đuốc tắt hẳn rồi. Bốn ngọn nến hoe quàng như rung rinh hoai. Thằng khách ngạo nghễ nhìn từ đầu đến chân người con gái, cười gằn lên mấy tiếng thô bỉ. Nhân đó, tôi ngờ rằng đây là một chuyện cưỡng dâm, một chuyện hãm hiếp ô uế cũng không biết chừng. Có lẽ, ở nơi khác, thằng khách đã bị xấu hổ, đã bị người con gái khinh bỉ, cự tuyệt, nên nó lập mưu bắt cô ta xuống đây để tha hồ mà lăng nhục... Mấy phen tôi giương cung toan bắn, nhưng sau cùng lại thôi. Tâm thần tôi không ổn định. Thằng khách lại không ở ngoài cái đường xuyên nguy hiểm cho người con gái. Phát tên buông ra, rất có thể giết chết người tôi muốn cứu, vả lại, như tôi đã nói, chỉ sớm gây họa cho chính mình tôi.

Tôi hồi hộp mà cứ phân vân mãi. Cái ý nghĩ cứu người con gái liền theo với cái ý nghĩ liều chết? Liệu cứu có nổi không? Hay đành cứ đứng yên mà coi cái hành vi khốn nạn của con vật bỉ ổi đó? Tôi thở thấy bức nặng. Cái không khí bấy giờ sao mà kỳ ảo lạ, y như ám ảnh mình, làm mê loạn trí minh mẫn của mình. Thằng khách lại cười. Tiếng cười hề hề, nghe mà thêm lợm lợm cả mình lên. Nó đã áp đến gần người con gái Tàu. Người con gái đã riu cả lưỡi vào, nói, khóc không ra tiếng nữa. Tôi bắc giắc nhắm mắt lại, quay mặt đi, như không nỡ nhìn một cảnh nhẽ nhạt rác rưởi. Cả tấm lòng bất bình chợt thấy hồ thẹn quá đỗi, thấy mình vô lý, thấy mình hèn nhát không đáng làm một người con trai! Chẳng biết mình giận mình hay giận nó hơn, nhưng



sự phần nộ lúc đó ghê gớm lắm. Tôi quay lại, quả quyết, chân dọn sẵn bước nhảy ra. Nhưng điều trông thấy trước mắt lại thực bất ngờ. Tôi kinh lạ, đứng sững đó, không hiểu ra sao hết.

Thằng khách lúc ấy lại đang quỳ gối trước bệ, mình cúi gằm, hai tay chống đất, gằn như phục vị trên phiến đá, không một chút cử động nào qua. Thế là nghĩa lý gì? Nó cứ im lặng như thế mãi, tưởng không bao giờ ngồi lên. Mãi sau tôi mới thấy hai vai nó dần dần rung rẩy, mỗi lúc một rõ nhịp với tiếng sục sùi, rồi nức nở, trước còn nhỏ sau to thêm, rồi sau cùng bỗng òa lên những tiếng khóc lớn. Tiếng khóc nghe ra thảm thiết cay đắng, bào gan xé ruột, vang âm đầy cả cái hầm đất. Thằng khách vừa khóc vừa đen đét vỗ hai tay lên phiến đá, trước bệ thờ. Từ những ngọn lửa bập bùng cho đến các đồ đạc, hình ảnh trong chôn này lúc đó như có một cảm giác, một tâm hồn như xúc động cùng với tôi. Tiếng khóc càng lớn, tôi càng thấy kinh dị, tưởng đâu như trời đất điên đảo, rừng núi chuyển lay, tất cả sập đổ xuống cái hầm này mà lấp dí cả, mà chôn tươi vùi sống ba sinh mạng, thằng khách, người con gái lẫn tôi.

Trong có chốc lát thì giờ, tôi thấy kẻ tiếp diễn qua mỗi điều một thêm kỳ quặc, mà mau chóng quá, đến nỗi trí tôi không kịp hiểu, không kịp suy lường. Ngờ thằng khách là gian đồ, rồi tức khắc lại tưởng nó là một kẻ có của mà hiểm ác, đang cho nó là một con dâm quỷ khốn mạt, thì lại thấy cơ sự vừa rồi; mỗi lúc nó lại hiện ra hình trạng khác hẳn. Có lúc tôi chực không tin rằng mình còn là người dương gian. Trong cảnh huống kia, gặp những điều biến đổi dị thường ấy giống như ở giữa một trường ác mộng, ai là người chẳng phải thất thần? Tôi đi săn trải những phen rất hiểm nghèo, đã từng bị hổ báo nhảy chồm đến tận vai mấy lần hút chết. Nhưng tôi đều coi thường. Ngay lúc lâm nguy mà trí vẫn tỉnh, gan vẫn vững. Là vì những nguy nan đó dầu đến thế nào cũng không ra ngoài chừng mực, người đi săn ai cũng đón đợi những phen như thế, ai cũng trải qua ít ra cũng vài ba phen. Nhưng mà những cảnh tượng trong cái hầm đất kia, tôi tưởng chả cần phải gặp thêm một lần nào nữa mới biết thế nào là sợ hãi. Suốt đời tôi, tôi có quên được bao

giờ đâu?

Thằng khách khóc một hồi lâu lắm. Bỗng nó vùng dậy, khạc nhổ, rồi lấy ở đâu ra bốn năm cái roi mây dài, vẫn còn màu xanh chập cả lại mà vút ngang mình từ mặt đến chân người con gái. Cô la gào lên những tiếng rất đau đớn, răng rít chặt, mình oằn oại như con rết bị chịt đầu. Trong lúc đánh, thằng khách quát tháo không ngơi mồm, như muốn nhồi nhét bao nhiêu câu nguyên rửa căm hờn vào những vết lằn đỏ nổi trên khắp thân thể người con gái. Vụt bằng roi chán, nó lại cứ mặt cô ta nó vả. Hai bàn tay hộ pháp ấy vả chán lại cầm roi vút. Người con gái khóc khản cả cổ, tiếng sặc nghẹn vì nước mắt, vì máu mồm trào ra. Nhưng nó vẫn không nghỉ tay. Mớ tóc dài rũ từng món hỗn độn ở bên mình cô ta, mỗi lần vướng vào bàn tay hay vào ngọn roi, lại bị nó giật đến ngheo hẫng đầu đi trong lúc nó phải gỡ. Sự đau đớn tưởng đến ê chề rồi, đến một độ khiến xác thịt người ta không biết đau thêm nữa. Thằng khách bật lên cười mấy tiếng quái ác, lấy trong bọc ra một nắm lá tươi, trông tựa như lá trúc đào, cùng với một nắm muối. Nó vò hai thứ ấy với nhau rồi đem cái bã xanh nhều nhớt kia mà sát vào những lằn roi rớm máu. Người con gái thét lên một tiếng rùng rợn, mặt sất lại, đầu gục xuống ngực, người lịm bật đi. Trong hầm lặng lẽ một lát ngắn, rồi lại vang ầm lên vì tiếng thằng khách vừa líu lô kể lể, vừa gào khóc. Nó quỳ gối, lưng cúi, tay chống lên phiến đá, vẻ khúm núm trước cái bệ thờ.

Khóc chán, nó lại đứng lên xĩa xối người con gái. Cô ta vẫn bất tỉnh. Hồi lâu, nó đi vốc nước đọng ở một chỗ hõm sâu bên vách hầm toan vĩa lên mặt người con gái, thì cô ta đã thở một hơi mạnh. Đôi mắt nhắm chặm chập mở. Cô ta cất tiếng rên rĩ, lời nói ngắt những đoạn nức nở, giọng tha thiết như kêu van. Cái câu *ngô... chời cô* vẫn thấy nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Nhưng thằng khách không thôi xĩa xối, chửi rửa. Không cần phải hiểu nghĩa, cứ nghe lời tuôn ra từng thôi, từng tràng vội vãi, tôi cũng biết thằng khách nạt nộ những câu ghê gớm chừng nào. Cô ta vừa lắc đầu vừa năn nỉ luôn miệng. Biết cô ta đã tỉnh hẳn, thằng khách mới lấy ra một con dao nhọn, sáng như tráng bạc, giơ lên tận mặt cho cô ta nhìn. Người con gái lạng người đi vì vừa

nghe thấy một câu dọa ghê sợ, Dứt lời, thằng khách mở hẳn cái gói riêng, lấy ra một bó đến ngót hai chục con dao nhọn cũng sáng cũng sắc như con trước. Nó gằn lên mấy tiếng cười mà nhảy lùi lại. Người con gái vừa rú một tiếng thì một con dao đã phập cắm vào sát bên sườn cô ta. Nó nhát con dao thứ hai, lùi đúng chỗ cũ, một tiếng cười một vút tay, ánh sắc loáng, mũi dao bập sát bên vú. Nó ném mấy con sau cũng một điệu như thế. Dao chỉ bén sát da thịt chớ không hề phạm vào ngirời. Dao đến cắm bên cổ, dao đến cắm hai bên đùi, con thì mém trên đỉnh đầu, con thì chỉ ly sợi tóc nữa, cắt mất tai. Thì ra thằng khách dùng một phương pháp khủng bố cực kỳ nham hiểm. Mỗi nhát dao nó ném ra, khiến người con gái tưởng là nhát dao tối độc. Lần nào người con gái cũng tưởng bị dao giết chết. Như thế tức là chết đi rồi sống lại, sống lại để chịu chết thêm chưa biết đến bao nhiêu lần. Chẳng biết rắp tâm từ bao giờ mà thằng khách tìm được cách hành hình hiểm độc đến thế. Dao ném đã gần hết, còn lại con sau cùng nó sợ người con gái chết khiếp từ trước khi nó giết, nên còn giữ lại, cầm lủng lẳng ở hai đầu ngón tay. Im lặng một lúc hồi hộp. Người con gái xem chừng cũng hiểu. Tính mệnh cô ta sắp đến lúc liễu kết; nhát dao ấy mới thật là nhát hại người. Thằng khách nhìn như để hưởng cái thảm khốc sau cùng ở tội nhân của nó. Mắt nó nheo lại, long lanh cái ánh quái ác hơn cả mọi lúc trước. Tiếng cười của nó làm tôi sớn lạnh khắp mình. Nó nhảy lui đến cỡ trước, miệng mím răng nghiêng nổi gân hàm, nó lừ lừ mắt nhằm một chỗ hiểm trên thân người con gái. Con rắn độc ngóc cổ lên để rình bỏ, vẻ ghê gớm thế nào thì giáng điệu thằng khách cũng thế. Nó thong thả, nó chậm chạp nữa, đưa cái bàn tay cầm dao lên cạnh vai, nhẹ sẽ dướn về phía sau, theo điệu tay giơ. Cái cử chỉ khủng khiếp lạ lùng. Tôi nóng bừng mặt lên. Cái tên lấp sẵn ở cung để giữ mình vút ra cùng một lúc thằng khách hất tay qua sau gáy. Con dao văng ra một chỗ, thằng khách chỉ "áy a!" một tiếng, rồi bóp lấy tay mà nhăn.

Vẻ rõ rệt nhất trên mặt thằng khách không phải là đau nhưng là kinh sợ. Nó không hiểu một sức thần bí gì vừa hiện ứng, trước hết trông lên bệ thờ, rồi lảm lét quay nhìn về phía tôi. Tôi biết là cơ sự đã đến lúc kịch liệt. Tôi

không thấy mình sợ hãi thái quá nữa, cũng không hề ân hận gì về sự liều lĩnh vừa rồi. Tôi lấp sẵn tên để đợi, trí xếp đặt đường lối sẽ đối phó... Ngoài kia, thằng khách đã rút được mũi tên ra khỏi cánh tay. Vết thương khá nặng mà không làm nó tê liệt. Nó chẹt lấy chỗ áo thùng cho máu đỡ chảy, lắng tai nghe ngóng rất cẩn thận, vẻ kinh ngạc trên mặt dần dần thêm vẻ tức giận trông dữ dội không biết ngần nào. Hai con mắt sắc dị thường của nó nhìn soi vào khoảng bóng tối như trông được thấy tôi. Nó bước một bước, hai bước, định tiến đến phía tôi ẩn, nhưng dừng ngay lại, ra chiều e dè, rồi từ từ nó đi giật lùi lại đằng sau, xiên về phía người con gái, cử chỉ lơ đãng bí hiểm, nhưng tôi đoán trên cái khuôn mặt mờ tối sắp bóng kia đang hiện những ý nghĩ những mưu mô quỷ quật khó lường. Nó cứ lui hoài. Tôi chưa đoán được nó giở ngón gì thì thoáng một cái, rất nhanh, nó vung tay giăng một con dao bên cạnh người con gái. Tức khắc một ánh loáng sắc bay vào người tôi. Tôi né mình tránh được, thì con dao khác đã cắm phập vào mé dưới cái cột gỗ, ngay cạnh chân tôi. Con thứ ba liệng tới một bên vai, nhưng không cắm vào vách hầm, rơi xuống. Tôi cúi toan nhặt, vừa may thoát được một mũi chí nguy: đứng thì thế nào cũng bị trúng giữa ngực. Không thể yên chỗ được. Tôi liền nhảy bổ ra, bắn cho nó một tên vào giữa bụng. Nhưng nhanh như vượn, thằng khách gạt được rất dễ dàng. Nó ném con dao nữa ra, lại rút mũi tên đâm cạnh bảng gỗ mà ném lại tôi. Tôi bắn phát nữa thì nó lánh ngang, bắt ngay được chiếc tên mà cười. Tôi rợn tóc gáy lên vì thấy cái tài nghệ phi thường ấy. Nó ném tên lại, tôi may mà tránh được. Hai bên cách nhau chỉ còn hơn chục bước, cùng lấy những cột cây để lẩn nấp, nhưng xem chừng thằng khách nóng tiến đến tôi mau hơn. Nó không cần giữ gìn nhiều nữa. Tôi chấp tên bắn ra giữa lúc nó hở mình nhất, nhưng nó lại tránh được như chơi. Tôi vừa đặt phát nữa thì nó đã xông lại trước mặt gạt tay tôi, đâm thẳng một cái miếng thương, Tôi né được, vội nhảy giữ thế. Nó đánh gấp ra, khiến tôi sợ bí đường phải tiến về phía bệ thờ, sau hàng cột tay phải. Tôi đã tưởng nó chỉ cốt chẹn lối ra, nhưng sau tôi nhận thấy ngay là nó còn có ý xem xét: nó sợ ngoài tôi, còn có người nào khác xuống đây nữa chăng. Thừa lúc đó, tôi

vớ ngay được thanh mác đương treo, liền múa hết vòng rộng ra. Vừa múa vừa định trí.

Hiệp xung đột vừa rồi, tôi vì may mà không chết. Còn thằng khách thì quả thực là một tay tuyệt giỏi; to béo thì to béo, nhưng mau lẹ một cách bất ngờ. Ngón võ của tôi lúc ban đầu, chừng nó không coi ra trò gì cả. Tuy thế, hết sợ hãi, lại thêm kích thích, chiếm được thanh mác, tôi thấy cũng có thể bắt chặp được tài thuật của kẻ thù. Trong lúc giao tranh, thắng thế thì dễ lạng, võ thư thường khẩn thiết răn người ta về cái họa khinh địch. Tôi nhớ điều đó lắm. Thanh mác lợi hại thực, nhưng không hẳn để cho mình cầm được phần thắng dễ dàng đâu! Nhưng không nguy hiểm như lúc tay chỉ có cung tên, tôi không luống cuống chút nào như trước nữa. Tiến đã vững, lùi đã có ích. Thằng khách chỉ có một mũi tên sắt sau cùng của tôi để đối lại. Tôi chú ý không cho nó kịp lấy được thứ khí giới nào khác, nhất là cố ngăn không cho nó giăng thêm dao ném lại tôi. Nó cúi xuống nhảy lên, tránh được những miếng công phu nhất của tôi: mà chỉ đầu mũi tên của tôi trong tay nó cũng khiến được tôi luôn luôn phải tinh ý thủ ngự.

Nó biết rằng tôi khó lấy được đà chém bổ xuống, vì trần hàm thấp, mà phạt ngang thì chỉ có lợi ở khoảng giữa hàm. Vì thế gần hàng cột vẫn là một phương hay nhất để cầm cự với đường mác của tôi. Nó cứ giữ một mực thế mà đợi lúc tôi hờ cơ. Tôi quen mưu nó rồi, bèn tính sẵn cách trừ nó. Tôi tính thế này: hết sức đánh cho nó phải xa hàng cột, lừa khi nó áp gần vách tôi sẽ dùng hư công. Dữ đánh một chiều, làm như để hết tinh thần về một bên, rồi tức thì, đà lưỡi mác cho một nhát phản diện, thế là xong đời anh chàng.

Song nó chống giữ rất kín, rất vững, không một lúc nào sợ sệt, lại thường chực lần đất của tôi. Cái chủ ý rõ rệt nhất của nó có lẽ là mong tôi chém mạnh, huyệt nó, bập lưỡi mác vào cột gỗ. Tôi biết thế vì hai ba lần suýt mắc phải cái nước đó. Một lần chỉ thiếu một ly nữa là tôi bị nó bắt được tay. Dụng tử công phu mới khiến được nó đi vào thế của mình. Lưỡi mác của tôi cấp thiết mà ý tứ lắm lắm. Nó phải chuyển chỗ dần dần lùi về một bên, chỗ ấy là sau hàng cột phía hữu. Tôi mừng thầm. Lại thấy như nó không ngờ vực

gì, tôi càng thêm phấn khởi. Nó vẫn tỏ ý ngạo mạn; mình né chân lượn, mà miệng vẫn cười một vẻ rất khinh thường. Tôi nổi giận, đánh càng hăng. Sau cùng, sự tiến thoái của nó đã có vẻ hỗn loạn. Tôi không để nó kịp điều khiển lại cử chỉ, sẵn đến công kích rất dữ. Rồi, xuất kỳ bất ý, tôi thét lên một tiếng, lưỡi mác hết sức văng đưa ngang cổ nó.

Đến loáng một cái, mấy ngọn nến, cả cái bệ, đảo lộn một vòng, cùng với hình người, chân cột, trần hầm, cùng dốc ngược quanh tôi.

Tôi đã lăn quay dưới đất. Thằng khách nhảy ngay lại. Cả cái thân xác vạm vỡ của nó ngồi đè lấy ngực tôi.

Thì ra, ngay từ lúc đầu, thằng khách đã biết ý tôi định. Lợi dụng ngay cái mưu tôi toan đem lừa nó, *trương kế tựu kế*, nó mớm cho tôi ham đánh, rồi chờ lúc tôi xuất lực bình sinh ra chém, nó đâm soài người xuống đất, đưa cả sức mạnh lia tay mà gạt ông cẳng tôi. Tôi thành linh xiêu người đi, gần như bị hất lung lên, đầu trao xuống theo một đường cánh cung nguy hại.

Lưỡi mác văng ra, tay tôi bị trói nghiêng lại. Hai chân chỉ đá đập quăng không, cũng bị giữ nốt, kẹp ở trong bàn tay nó thất lại như gọng kìm. Không thể nào vùng được lên. Trên người tôi, một quả núi nén dị xuống. Lúc thằng khách đứng dậy thì hai cổ tay tôi quặt ra sau lưng, cùng chung một dây thừng trói lẫn vào thịt.

Nó không nói nửa tiếng từ lúc tôi ra mặt. Bấy giờ cũng vẫn lẳng lặng, nó kéo tôi lại để gần cái phiến gỗ dựng đứng, cạnh chân người con gái Tàu. Cô ta nhìn tôi chăm chăm, đầu tóc rũ rượi, nét mặt thiếu nảo, có vẻ tự hỏi, không hiểu tôi là người thế nào, vào đây có ý gì để cho thằng khách nó tóm được.

Tôi bụng bảo dạ: "Thôi thế là hết. Định cứu người con gái, mà rồi đến mình cũng khó lòng cứu nổi mình. Cái chết thực mười phần cầm chắc cả mười. Chỉ còn cách là đành tâm mà chịu. Oán thán nữa, có ích gì đâu? Chỉ hận rằng mình phải chết mà không biết người con gái đáng thương kia phải đau đớn ô nhục đến thế vì tội tình gì. Tôi nhìn lên, cô ta vẫn chưa khỏi lấy làm lạ, nhưng đôi mắt ra chiều cũng ái ngại cho tôi. Cô ta cũng biết rằng đã

vào tay giống lang sói kia thì chỉ có việc đợi nó giết chết. Tôi cũng chẳng còn một chút hy vọng nào khác, chỉ mong cho nó hạ thủ mình càng mau chóng càng hay. Nhưng ao ước đến như thế cũng không xong. Thằng khách đầu có chịu cho tôi thoát nợ ngay! Nó cúi xuống soi mói nhìn khắp người tôi, để lộ một cái vui ác nghiệt, miệng nó nhếch ra, một vẻ cười hóm hỉnh, ngạo nghễ, như bảo cho tôi biết rằng nó đã nghĩ được lối ghê gớm để làm tội tôi.

Cái vết thương do mũi tên tôi bắn, chùng đến bây giờ mới bắt đầu tấy; hoặc vì mãi đối địch với tôi nên lúc này nó chưa để tâm. Tôi thêm sồn gáy vì chợt thấy cái vẻ căm tức im lặng của nó. Đôi mắt kia hẹn cho tôi một hình phạt xứng đáng. Nó liếc nghiêng nhìn tôi một cái trong lúc quãng mũi tên nó vừa nhặt lên xem. Tôi cứ lấy làm tiếc rằng đó chỉ là thứ tên bịt sắt dùng để giết thú lớn vì sức mạnh thôi, chứ nếu là tên tre ngâm thuốc độc thì tình thế có lẽ ổn tiện lắm.

Máu ra cũng khá nhiều đọng quện lại ở ngoài lần vải, nhưng vết thương không nặng lắm. Nó vén ống tay áo lên, tôi mới biết nó bị toạt đứt thịt ở khoảng giữa bắp nhỏ; xương cựa tay không việc gì. Lấy một nắm là dấu mà người đi rừng ai cũng nhớ mang theo, nó nhai dẹt vào chỗ đau cùng với một thứ thuốc bột; xé vải buộc lại, co duỗi mấy cái nhẹ nhàng, rồi cứ giữ cánh tay thực thẳng, chùng nó dùng một phép nội công mà tôi từng nghe nói đến sự công hiệu, để cho thương tích khỏi làm liệt gân về sau. Phàm chi thể bị dấu, cần phải giữ yên một chiều, để thuốc ngấm càng lâu càng có cơ chóng lành, lại cũng phải giữ yên tĩnh cả thần thái.

Trong thì khắc thằng khách ở yên, có lẽ vừa để nghỉ ngơi, nó phục vị xuống trước bệ thờ. Tôi nghe thấy tiếng lầm rầm từng hồi. Chùng nó tạ cái tội bất cẩn để cho người ngoài lên được vào đây. Tiếng khấn nhẹ nhẹ, đều đều, rồi sau dần im hẳn, chẳng biết nó đắm chìm vào những tư lự trầm ngâm nào... Nó cứ nằm phục vị như thế hoài. Nền trên bệ còn có vài đốt ngón tay, lửa không gió nhưng chốc chốc lại khe khẽ tạt ngọn. Tôi nằm hơi nghiêng ra, mình đề lên một cánh tay bị trói, người chênh chếch với chiều dọc phiến đá,



đầu về phía cửa hầm. Hai vòng sắt mắc vào cái rầm trần ở ngay trên mắt tôi thẳng lên. Gần đây là hai tròng xích sắt kéo rút tay người con gái Tàu. Tôi ngảnh nhìn cô ta thì thấy đang mấp máy môi như muốn nói gì, đầu cử động, mắt long lanh những ý muốn cho tôi hiểu. Tôi chăm chú một lúc mới nhận thấy cô ta đưa mắt cho tôi để ý đến con dao rơi ở bên cạnh mình. Tôi càng lấy làm lạ: có lẽ nó xui mình tự tử để tránh khỏi cái lúc đáng sợ sau cùng hay sao? Nhưng người con gái vẫn ra hiệu, cấp bách hơn trước. Mắt cô ta vừa cau vừa trợn, đảo đưu nhìn con dao, nhìn thẳng khách, nhìn tôi. Tôi chợt hiểu, liền se sẽ lê mình cho tay thu được con dao, cố lựa lưỡi dao lách vào những vòng dây thừng trói cổ tay, rồi hết sức cứa. Dao sắc, chỗ buộc tuy chặt nhưng cũng dễ đứt. Tôi vừa nhìn thẳng khách vừa thông thả gập chân lại cho gót sát với mông. Tìm mãi không thấy đầu mối, tôi đành phải cắt giữa khúc quăn. Thằng khách vẫn nằm phục, thấy tôi thở mạnh, ngảnh đầu xuống nhìn. Tôi dò người ra. Cổ tắc nghẹn. Nhưng may chân lúc ấy chưa gỡ xong, mà tay vẫn quặt ra sau lưng giữ nguyên cái vẻ bị trói. Nó không ngờ vực gì, lại cúi trán sát đất, lại phục vị như cũ. Bảy giờ tôi mới dám thở. Người con gái sợ quá, vẫn chưa hoàn hồn. Thoát được dây trói chân, không một tiếng động nhỏ, tôi dón lại một lát ngắn, rồi lấy hết gân sức nương giữ cho êm nhẹ, tôi đứng dậy, rón rén bước đến chỗ thằng khách, lăm lăm con dao, nhằm một chỗ trên lưng nó để đâm. Trước khi cắm ngon lưỡi dao vào xác thịt to béo kia, làm sao tay tôi như trùn lại, tâm tôi thấy ngần ngại một cách thực là kỳ dị. Trong giây thoáng mà bao nhiêu ý vương vít. Tôi phải giận mình là nhu nhược vô lý, phải thúc giục mình bạo dạn để lấn át cái thứ tâm trạng quái lạ lúc ấy... Không giết nó chết là nó giết chết mình kia mà!

Thằng khách như sẵn lưng đón cái chết. Tôi lăm lăm cầm vững chuôi dao trong nắm tay, giơ cao lấy đủ tầm, mấp môi đâm xuống. Bất đồ thằng khách vừa đến lúc ngồi thẳng dậy! Con dao trượt sát cánh tay trái nó. Tôi chúí dụi ngã xiêu theo đà, cố đứng lại thì nó đã vội cướp sẵn lấy tay tôi, bóp cho con dao rơi xuống. Túng thế, tôi xuất lực đâm trái một đám vào bên má. Hai mắt nó hốt hoảng, mặt bì ra trong lúc kinh ngạc. Tôi giật được cánh tay phải về.

Rồi "chát" một cái liền theo, tôi cho luôn một tống vào mang tai nữa. Nó đã búa được tôi lại, nhưng quả đấm sau rất dữ, lại vào chỗ phạm nên nó gục xuống, ôm lấy chân tôi. Tôi đạp nó ngã ngửa ra, rồi vội vàng đến bên người con gái toan gỡ trói hộ. Cô ta thờ như bị đè nén, nhất định không chịu, lấy đầu ra hiệu giục giã, như bảo tôi trốn ra ngay tức khắc. Tôi chưa có chủ định gì rõ rệt, lại thêm luống cuống vì thấy thằng khách đang cựa mình. Tôi liền chạy lại cửa hầm, leo lên thang, lấy tay nâng phiến gạch bên trên, nhưng không thấy chuyển. Càng vội vàng càng thấy sức đuối, hỳ hục mãi, cái nắp hầm vẫn không nhích qua chút nào. Ngánh xuống xem thì thằng khách đã chỗi dậy được. Nó loạng choạng bước tới chân thang. Tôi lo cuống lên. Còn bao nhiêu gân sức dồn cả lên đây một cái cực mạnh. Cửa hầm mới thấy hé bật được ra. Chỉ gắng húc một cái mạnh nữa cho phiến gạch nhích thêm ít nữa là tôi chui qua được, nhưng thằng khách đã đến nơi rồi. Tôi liền bám mép gạch, du bồng người lên, đạp rồi rít vào đầu, vào ngực, vào vai thằng khách. Nó điên tiết nắm lấy hai chân tôi lôi tuột xuống, rồi cứ thế kéo thẳng đến trước bệ thờ. Lần này nó trói tất nhiên là kỹ lưỡng. Dây nghiên tưởng cắt được ống chân cổ tay mình. Ấy là nó bị thương đấy chứ không thì chưa biết tôi còn đau đớn tới bậc nào. Tay tôi ngoặt ra sau, bị trói cũng như lần trước, và cũng như lần trước cùng một sợi dây cổ chân. Rồi từ mắt cá lên đến vai, một cuộn dây trảo quấn thêm mấy vòng nữa. Thực là hết mong lại có cách thoát thân! Vả lại cũng đừng có hòng thằng khách lại sơ ý đến lần nữa. Nghĩ mà cứ lấy làm hối hận mãi: mình thực đáng giận vì đã quá ngu ngốc. Thằng khách bị điếng người lúc nãy, sao tôi không biết thừa cơ lấy dao, lấy mác hay cái gì đó mà giết phăng ngay nó đi. Thực chẳng đại nào giống cái đại nào. Mà cái đại đột này, mới thực là cay đắng, thực là khốc hại! Nhưng lúc bối rối thì cũng không thể nói mạnh được. Vả lại tôi cũng tưởng có thể thoát được khỏi tay thằng khách mà không phải giết nó kia! Tôi còn mong có thể đi gọi bọn người Nùng xuống giúp tôi bắt sống lấy nó. Tôi vốn không bao giờ khinh sát. Người Nùng cũng vẫn cười tôi về chuyện đó, họ bảo tôi lẩn thẩn, hay nghĩ rắc rối. Nếu ở địa vị tôi, thì họ không hề do dự, sử dụng được

ngay. Ăn năn thì sự đã rồi. Thằng khách trói tôi xong đang chọn một sợi dây thừng to, ra ý sửa soạn cho tôi một hình phạt mới.

Nó chập cái dây, chung đôi lại, ném quăng gấp khúc cho mắc lên một chiếc móc sắt trên trần rồi kéo tôi lại, buộc một đầu dây vào chỗ thừng trói chân tôi, rồi sau cùng cầm nửa phần dây kia mà kéo. Hai chân tôi bị rút ngược lên gần chạm tới cái rầm ngang, đầu dốc xuống, cách mặt đất độ hơn một sải tay. Người tôi lủng lẳng như một bó giò treo. Mọi vật trong hầm tôi trông đều đảo lộn lại một vẻ kỳ quặc. Người con gái ở cách tôi vài ba bước, không hiểu sao lại nức nở khóc. Thấy vậy, thằng khách quắc mắt, luôn ra một mẻ lời tức giận, cột đầu dây xuống một vòng sắt dưới đất rồi lấy roi vun vút quất lên mình cô ta. Không chịu nổi, người con gái lại bật lên khóc. Tiện tay, thằng khách quất luôn cả tôi.

Bấy giờ máu khắp mình tôi dồn cả xuống mặt. Đầu ù, mắt hoa, đã mặt nóng như hơi lửa, cổ chân đau như bị tiện mình mảy nhưc nhối vừa bởi làn dây thắt, vừa bởi lần roi. Hình như thằng khách có một thuật riêng về đòn vọt. Mỗi cái vọt của nó tôi lại phải nghiêng răng lại để khỏi kêu. Tôi cố vững lòng khảng khái. Nét mặt không đổi, nhất quyết không lộ ra vẻ sợ hãi đau đớn. Mắt tôi lẳng lẳng nhìn thằng khách cho nó thấy tôi khinh bỉ nó không biết ngần nào. Nó càng thêm tức tối. Nó tưởng tôi phải van vỉ nỏ, có lẽ nó muốn xem tôi khổ sở kêu khóc cũng nên. Tính mệnh tôi ở trong tay nó, đã đành. Nhưng như thế chưa hẳn là tôi bị thua nó. Tôi còn một sức để nó phải thấy là phần thắng ở tôi, ấy là sự nhẫn nhục, sự thản nhiên, cái thái độ khinh sinh của người quân tử. Thành thực mà nói, tôi đã phải gắng sức kiên cường, phải tưởng nhớ đến các gương oanh liệt, mới cầm vững được can trường. Nó thấy tôi không thêm coi sự hành hạ của nó vào đâu, nó giận sôi lên. Nó rút răng lại mà đánh tôi như một thằng điên cuồng. Roi rít như đốt da thịt tôi, quất gấp trận đờ hồi lên cái thân trơ trơ sắt đá. Mồ hôi đã thành giọt lã trên mặt tôi. Tôi hết lòng mong nó tức giận nữa lên, đến phát khùng lên mà giết ngay tôi tức khắc.

Nó vẫn không quên người con gái. Vì thế ngừng được một lát, tiếng khóc

của cô ta lại từng chập nổi lên áo nã thê thảm bên tai tôi. Có gan chịu nổi thứ đòn thù dữ dội kia, tôi lại không nén được lòng thương con người tội nghiệp ấy. Thực đáng thương lắm. Trai trẻ như tôi bấy giờ mà còn phải trọ hàm răng đi đề cổ nin thình, hưởng chi một người con gái yếu ớt, thân thể lại bộc lộ. Thằng khách lúc đó trông hung bạo hơn cả loài ác thú. Tôi thù ghét nó đã đến cực độ. Sự phẫn nộ đã đến lúc khó nén được yên. Tôi đem hết khinh bỉ vào trong một câu rẽ rọt, ghê gớm, như một lời tuyên án, một lời nguyền. Tôi nhìn thẳng vào mặt nó mà nói: "Đồ phi nhân loại, chúng ta chết đi vong hồn sẽ báo oán, sẽ theo đuổi mày không biết đến mấy mươi đời". Thằng khách ngừng tay lại, nhìn tôi sừng sộ một lúc, rồi mặt đang trang nghiêm, nó bỗng nhăn tít lên mà cười. Nó vừa đưa đẩy gậy gù cái đầu vừa cúi xuống gần mặt tôi, si sồ nói như bảo cho tôi biết rằng: "Mày cứ đợi đó, ta cho mày biết một lối chết thực là hay hay!".

Nó đi lấy nến đốt nổi vào bốn cây chày gần hết, rồi nhăn nhở đi nhỏ một con dao trên phiến gỗ, đưa qua mắt cho tôi xem. Nó nói gì tôi không hiểu nhưng vỡ nghĩa ngay, vì con dao kia, nó đem trông đấng chuôi xuống đất, mũi dao trở thẳng lên chính đầu tôi. Tôi đoán lát nữa, dao cắm đã vững chặt, nó sẽ cắt đứt cái phần dây vẫn giữ tôi lửng lơ dưới trần hầm; tôi sẽ rơi tuột xuống, đầu tôi sẽ đâm xuống lưỡi dao, hay nói đún hơn, lưỡi dao cắm ngập vào đầu tôi.

Nhưng nào nó đã cho tôi hưởng cái chết nhanh chóng ấy! Như thế thì chả khác nào thí ngay cho tôi một nhát rảnh đời sao? Cái phần dây rút tôi lên móc sắt trần hầm, vẫn buộc một quãng ở cái vòng sắt đầu phiến đá lớn; thằng khách quay mình tôi lại để tôi dễ nhìn thấy nó cời nút buộc ra. Cời xong, hai tay nó nắm chắc lại, rồi thả dần ra cho đầu tôi hạ xuống đất. Nghĩa là nó muốn làm một ác thần cầm giữ cái giờ tận số của tôi. Nó thả xuống, chỉ cho mũi dao chạm vào da tóc, là lại kéo người tôi lên ngay. Kéo hết mực lại thả xuống, Cứ thế tái tam tái tứ, lần nào tôi cũng tưởng là lần quyết liệt cuối cùng! Có lúc buông từ từ để tôi thấy cái ghê buốt xuyên từ óc vào suốt sống lưng; rồi thoát lúc lại buông mau. Tay nó điều khiển một cách khôn khéo rất

ting ma, vừa kéo tôi lên cao, bỗng nó để tuột dây, đầu tôi vừa chắm mũi dao thì nó giữ lại kịp. Nó cười khoái trá lắm, trong lúc ấy thì tôi toát mồ hôi lạnh. Lối giả vờ quái gở ấy nhắc lại luôn mấy lần. Ví phỏng tôi giàu có mà nó dùng cách ấy để khảo của thì có lẽ tôi đến phải xung. Nhưng đổi lấy một lời năn nỉ bấy giờ thì dù có phương khùng khiếp hơn cũng vô ích. Tôi không dám nói là mình không sợ chết, nhất là cái chết theo kiểu độc địa kia. Lòng tôi lúc ấy chua xót vô cùng, tâm trí cũng dị kỳ lắm. Vẫn mong cho nó giết đấy, lúc tưởng phải chết lại mong nó khoan tay. Cái lòng muốn rút cho xong tức thì lại có lòng muốn sống thêm chút nữa đổi ngay lại. Thằng khách có biết tâm sự tôi không mà nó làm khổ tôi đến thế? Tuy vậy, tôi nhất định không để lộ một vẻ gì khiếp nhược ra bề ngoài. Cả đến sắc mặt tôi cũng cố không để biến.

Thằng khách thấy tôi tro tro, không một tiếng kêu hốt nhiên, không một hơi thở mạnh, thì căm giận lắm. Cái lối hành hình của nó hóa ra nhảm, hóa ra nhạt trước sự kiên cường khó chuyển của tôi. Trước nó còn hầm hầm phun ra những lời tức tối sau nó như lấy làm lạ, nhìn tôi chăm chú, lắm bảm nói như thách thức, như nạt nộ: "Được lắm, được lắm, rồi mày biết tay ta!". Rồi nó cột dây lại như cũ, ngồi nhìn quanh quẩn, ra vẻ suy nghĩ nhiều lắm. Tôi biết nó đang nghĩ cách hiểm ác hơn làm tôi đến điều khôn khổ. Nhưng tôi đã nhất quyết không để nó được vui sướng mà trông thấy cái chết trong lòng tôi lúc bấy giờ.

Người con gái rũ rượi lỏa lồ kia vẫn không nhin được rên khóc. Tiếng khóc nấc lên từng trội. Tóc cô ta xoắn thành nhiều món hỗn độn, bết vào nước mắt nước mũi, với những vết máu rướm trên mình. Tôi bị treo cách bảng gỗ dựng không xa, song dần dần mắt tôi hoa lên, lắm lúc chỉ trông thấy một hình thể mờ trắng, có những ánh lửa lấp lóe trên mấy lưỡi dao sát cạnh cô ta. Thằng khách chừng không để tâm đến cô ta nữa.

Nó đứng dậy quay đầu nhìn khắp hầm dáng vẻ bần khoản suy tính. Mắt nó gặp mắt tôi hai ba lần, hần học, thâm hiểm. Bỗng nó phát tay lên đùi một cái, reo lên một trặng cười thích ý, nói lảm nhảm một thôi một hồi. Tôi chớp

mắt, chăm chăm đợi, thì thấy nó ôm ở đâu ra một tảng đá lớn, rồi nhanh nhẩu đi lôi cát nải gạo ở chân thang vào để một bên. Trong hầm đất này, cái hình vóc to sù kia qua lại, cử động có một vẻ hoạt bát dị kỳ như một bóng ác quỷ trong một địa ngục lạnh lẽo.

Nó hạ tôi xuống, lựa cho ngực với bụng tôi nằm áp mặt đất, bên cạnh con dao, nhưng chân vẫn bị treo ngược. Tôi không rằng, không nói, không có một mảy may chống cự vô ích, cứ lẳng lẳng mà xem nó làm. Nó cởi bỏ cái dây trảo quần bó người tôi ở lần ngoài cùng đi, rồi kéo hai tay trói ké sau lưng tôi mà buộc làm một với hai chân; gối tôi liền gấp lại. Tôi chẳng khác gì một con vật sắp bị đem làm thịt. Người tôi lũng lẳng sát đất, ngực ưỡn lên mũi dao sắc, búi tóc xổ rủ xuống hai bên thái dương.

Thằng khách lại rút tôi lên, rút lên giữa chừng cái khoảng từ trần hầm với mặt đất. Giữ như thế làm mực nhất định, nó bắt người tôi bị kéo lên hạ xuống mấy lượt nữa. Chỗ móc sắt dây thừng cọ đi cọ lại từ trước lúc đó đã nhẵn bóng, tay kéo đã thêm dễ, mà tiếng dây siết đã êm hơn. Chán rồi nó mới đem buộc kỹ lưỡng đầu nải gạo với tảng đá lúc nãy vào với nhau, lại buộc phần dây thừng buông kéo tôi vừa rồi vào hai thứ ấy. Buộc xong, nó còn thử xem nải gạo với tảng đá có đủ nặng, cho người tôi khỏi lôi bổng lên được không. Thử đã vừa ý - sức nặng của tôi với hai vật kia vẫn thăng bằng - thằng khách liền buông tay ra. Người tôi lúc ấy lừng lơ, không rơi lên được lưỡi dao dưới đất. Thằng khách bèn lấy con dao khác, chọc một lỗ ở đáy nải cho gạo chảy ra dần. Bây giờ tôi mới hiểu cái độc kế của nó.

Nó khoanh tay ngắm cái công trình cơ xảo độc dữ của nó, vẻ đắc chí hơn hờ trên mặt. Tôi lấy làm áo nảo mà hiểu rằng lần này thế là hết, lần này thì cái phép tuyệt diệu của nó sẽ đưa thẳng tôi đến cái chết sau cùng. Nó đang ngồi chăm chú dò xem thân sắc của tôi, sự nhìn lên thấy người con gái đang nức nở. Nó ùng ùng nổi giận, vớ roi nhảy lên vừa quát tháo vừa thẳng cánh vút. Người con gái lại gào khóc. Nó càng hăng đánh. Tiếng roi bay vút vút như quật đen đét vào trong những tiếng kêu thảm thê. Tôi nghe chừng người con gái đã nhược sức lắm. Trận đòn vẫn dữ, mà tiếng khóc như yếu đi,

nghe càng chua xót, càng nảo lòng thêm, nhất là vì tôi biết cái số mệnh của tôi cũng không được bao lâu nữa.

Dòng gạo trắng bên cạnh tôi vẫn không ngừng chảy. Cái dây treo tôi bắt đầu cựa ở chỗ móc sắt, các thớ da thịt thân thể tôi gai sồn cả lên. Huyết mạch chuyển qua từng đội sóng bàng hoàng. Người tôi chốc chốc lại tưởng tụt mau xuống một cái.

Nải gạo đã voi đi đến chừng ba bốn đấu, hạt gạo rơi bắn tẩn mạn trên mặt đất đã thấy dần dần thành có chỏm, mà mỗi khắc một cao dần. Thằng khách chột để ý. Nó vội lấy chân vun hết gạo hát thực xa. Từ lúc ấy nó vẫn coi chừng giữ cho cái khoảng đất chung quanh con dao bao giờ cũng quang phẳng.

Lưỡi dao loáng sắc, yên lặng chĩa cái mũi nhọn lên ngực tôi, như đợi chờ đó đã lâu, như một thứ khí giới yêu ma, chồi mọc lên từ một cõi âm ty nào. Lưỡi dao đó chỉ lát nữa sẽ ngấp vào tim phổi tôi. Tôi sẽ đẩy dựa hấp hối không biết bao lâu, rồi người sẽ cứng còng, chân tay co quắp trong một dáng thiếu nảo!

Gạo cứ chảy. Tôi cảm thấy từng mẩu dây chậm chạp tuột qua vòng móc. Chẳng mấy chốc nữa đồng cân bên gạo rút đi, mà người tôi sẽ gấp mau sức nặng thêm hoài!

Tôi thực là trông rõ thấy mình chết.

Mặt tôi nóng như tức máu, những vết trói, dấu đòn không biết đau nữa, trông ngực đập đến tức thở, hai tai nghe ồ ào muôn nghìn tiếng rất lạ lùng. Ồ! Cái chết phi thường, cái chết tai quái! Nải gạo kia tức là một thứ đồng hồ, mà gạo trong nải tức là những giọt nước vô cùng thấm khốc, vô cùng khắc nghiệt, mà mau chóng làm sao! Gạo tuy cứ đều đều từ từ mà rơi, nhưng thoát ra lẽ nào vục nào là cái chết nghiêm khẩn, khát khe lại gần chừng ấy! Cái thời khắc vừa quá ngắn, lại vừa dài ghê!

Tôi bắt nghĩ đến thân thể tôi, đến quê hương tôi, nghĩ đến tất cả các bằng hữu thân thích tôi, đến cuộc đời của tôi đáng lẽ còn dài, còn nhiều bước hạnh

ngộ tốt đẹp, còn bao nhiêu hứng vị sẽ được hưởng ở bao nhiêu độ tiền của tuổi trời... đột nhiên đến bây giờ là đoạn, là tuyệt! Tôi phải chết. Mà chết bởi một kẻ thâm độc ở đâu chợt đến, chết vì một việc kỳ quái, vô nghĩa lý; chết thâm kín, chậm chạp giữa lúc khỏe mạnh, tinh táo; trong giờ bi đát, không được xuôi ruỗi, không ai phủ khăn vuốt mắt; chịu đê cho lưỡi dao bình yên giết hại; chết trong lúc làm trò vui mắt cho một con quái vật nó lấy câu nguyên rủa để làm lời tiễn tống mình. Bao nhiêu ý nghĩ chua xót thấm thía!

Người tôi hạ xuống một gang, rồi hai gang.

Nhưng tôi biết trước rằng chẳng mấy chốc, khi nải gạo vơi quá nửa, nhẹ bổng đi thì tôi sẽ rơi xuống thẳng một mạch, chứ không dần dà được mãi như lúc này. Ý nghĩ cay đắng ấy làm chói buốt tâm can. Chẳng biết tôi làm thế nào mà giữ được thần sắc lạnh lùng, chứ thực tôi thấy lòng tôi thảm hại quá, thiếu não quá. Mắt tôi đến lúc lóa thêm rồi, nhìn cái chân quét gạo của thằng khách chỉ thấy một hình thù xẫm xanh cử động, nhưng lưỡi dao như sáng thêm, dài thêm. Cái dây chảo kia thực là dây treo tính mệnh tôi, mà thực cũng mảnh hơn sợi tóc.

Dòng gạo trắng đổ xuống một vệt thẳng mơ hồ. Cái thăng bằng thiên lệch nhiều. Nải gạo vơi tảng đá không ở tầm nhìn của tôi nữa. Càng khắc tôi càng thấy người thêm nặng. Giá tôi quảy mạnh lên một cái thì xong nợ tức thì. Nhưng tại sao lại không? Tôi cứ ở yên, cố sức lặng yên... Cứ y như là vẫn trông mong một sự gì đây: nhưng bây giờ thì trông mong gì được! Nải gạo nhẹ lắm rồi. Dây chuyền qua chỗ móc sắt cấp thiết thêm. Tôi nín thở lại mà gạo vẫn cứ chảy.

Chẳng biết vì cơ gì người con gái gần tôi vẫn khóc; thằng khách đã nghỉ tay đánh từ lâu. Tôi phảng phất thấy một khuôn mặt tròn nhả nở cười, nhe trắng một miệng răng. Nó áp mặt rất gần để xem tôi hấp hối. Miệng nó thở ra những tiếng như gằm ghè, hục hặc. Rồi lại hề hề cười. Vừa cười, vừa hô, vừa lấy tay đánh nhịp như để thúc giục cho gạo chảy mau hơn nữa, cho tôi thêm mau rơi xuống, cho mũi dao cắm ngay vào ngực tôi.

Tôi chịu sự khốn khổ đến mực cùng tột mắt rồi, phải nhắm mắt lại để đợi,



mà cũng là để thôi nhìn cái mặt ác thú kia. Tôi buông sức cố gắng ra, tâm thần hồ thành mê loạn. Chỉ trong khoảng hai hơi thở, hai nhịp trống ngực mà tôi thoáng nghĩ đến trăm nghìn muôn ức hình ảnh kỳ quặc, thoáng nghe thấy hỗn hòa những tiếng ồn ào... Mà bên tai vẫn nhận rõ tiếng người con gái vẫn còn thút thít, vói lại tiếng thằng khách hô nhịp không ngơi mồm. Rồi như xôn xao tiếng người thưa thưa gọi gọi, lại như huỳnh huých những tiếng tấp nập chen chúc ở đâu đây. Người tôi như ngã từ trên mây, rơi tuột xuống rất nhanh. Nhưng không qua một chút gì là đau đớn hết. Có tiếng gọi ồn ã ngay bên cạnh:

- Anh Triệu à, anh còn tỉnh chứ?

Tôi thấy tôi chổng lên, rồi hạ nằm nghiêng dưới đất. Tiếng vừa rồi cũng như nói trong thế giới nào. Tôi mở mắt, thấy toàn là mặt quen cả; không biết xuống đây từ bao giờ? Bọn săn của tôi đã lấy dao gỡ hết dây trói, chân tay tôi đã thoát nhưng vẫn tê dại, họ phải sốc đờ ngồi lên. Tôi vẫn mơ màng chưa hiểu ra sao. Bao nhiêu miệng cùng thăm hỏi mà mình vẫn ừ ào chưa nói lên được. Trông đến người con gái thì mặt xám ngắt như chàm đỏ, bấy giờ bất tỉnh, vẫn bị giăng trói, vẫn trần truồng. Tôi cũng không phân giải được câu nào, chỉ lấy tay ra hiệu cho họ nhỏ dao quanh mình rồi cởi trói cho cô ta. Còn thằng khách thì đã bị năm sáu người đè xuống, đang lấy dây quần chịt từ đầu đến chân.

Bấy giờ tôi biết là thoát nạn rồi, nhưng phải nghĩ mới dám tin là chắc chắn.

Một lúc lâu nữa tôi mới thực hoàn hồn.

Người con gái hơi thở đã mạnh, mặt đã lại sắc dần, họ đã lấy quần áo của tôi mặc cho, đặt nằm một nơi đợi cô ta hồi tỉnh. Tôi bèn đem việc ở dưới hầm sơ lược kể cho họ nghe, nhân lại hỏi sao họ biết được tôi bị khốn, ở đây mà xuống cứu.

Người Nùng đêm ấy bàn nhau nghĩ sẵn sớm, cuối canh ba đã gọi nhau trở về, khác hẳn lệ thường cứ đến gần sáng mới nổi hiệu mãn cuộc. Họ định trưa

mai đem da cộp đi trình ông châu Lũng Sa. Vào đến miếu, họ không thấy tôi đâu, điếm xem thì lại thấy mất một nải gạo. Họ còn chưa hiểu duyên cớ thì bỗng vắng vắng nghe tiếng rên khóc cùng với tiếng quát tháo. Họ ngạc nhiên lắm, lẳng lặng tìm sục các nơi xem. Không thấy gì cả, nhưng tiếng khóc tiếng mắng vẫn còn. Trước họ còn tưởng là chính ông thần miếu này đang nạt nộ, sau mới chợt tìm ra lối xuống hầm. Thì ra lúc tôi chực trốn lên, tôi đã mở hé được phiến gạch mà thằng khách vô tình không đập lại. Tiếng dưới hầm do đấy vắng lên, người Nùng mới vì thế biết được lối xuống. Cũng may họ không làm ồn. Còn thằng khách thì phần đang mải hò hét, phần không ngờ, nên không nghe thấy gì hết. Họ mở nắp hầm lên, trước hết trông ngay thấy người con gái trước phiến gỗ, thấy tôi đang bị treo, rồi thấy thằng khách quay lưng ra, tay đang khoa, miệng hò hét. Họ máy nhau rón rén xuống cả nắp sau bóng cột, rồi cùng một lượt ồ lại bắt thằng khách. Hai bên xung đột một lúc thằng khách mới chịu thua. Trong khi đó, hai người đến cứu tôi. Họ vừa kịp đón lấy tôi chính giữa lúc tuột thẳng xuống. Trước hết lấy chân xéo đổ con dao dưới đất, một người bế nâng tôi lên cho người kia cắt dây.

Thực hứ vớ! Muôn phần tôi không ngờ được một là lại còn được sống ở đời. Trong bụng vui mừng mà tôi vẫn rờn rợn bàng hoàng, tâm thần như chưa thực hẳn.

Chúng tôi bàn định ngay hôm ấy sáng rõ thì dẫn người con gái với thằng khách lên châu Lũng Sa để quan châu tra vấn. Tôi bảo bọn săn hãy vực người con gái lên trên miếu để khi tỉnh dậy khỏi phải trông thấy quang cảnh khủng khiếp dưới hầm.

Bỗng từ chỗ thằng khách nằm, mấy trặng cười rống lên. Tiếng cười nghe thực ghê rợn, không ra tiếng cười ròn, không ra tiếng khúc khích mà cũng không hẳn là cười nữa. Cứ thấy khê nặc lên từng hồi những tiếng "hô hô", "hệch hệch", rất lớn, vang âm quái gở, nghe gần tựa như tiếng ễnh ương hay ếch trâu nó ỳ òa ỳ oặc liên thanh sau những trận mưa rào. Ai nấy kinh ngạc đứng phỗng ra, lúc đến gần, soi đuốc xem thì thằng khách máu trào ra như chan, đỏ ngòm hai tay nó, lại vũng cả một khoảng mặt đất. Thì ra tay bị trói

đè trên bụng, nó đã cố lần lách vào lần áo trong móc ruột ra mà tự tử! Ngăn cản thì đã quá muộn. Thằng khách không dẫy dựa, chỉ co giật mấy cái rồi ù người, nằm im. Nó chết rồi mà hai mắt vẫn trừng trừng còn mở, nhìn trao tráo vào mắt tôi. Tôi rùng mình bất giác lại tưởng đến hai mắt tôi bắt chọt hôm nào, rồi lại nhớ đến hai mắt con trăn... Mắt người đã chết rồi mà sao vẫn có cái sức yêu ma đến thế! Suốt đời, tôi khó mà quên đi được, mà mỗi khi hốt nhiên nghĩ tới thì vẻ nhìn quái gở lúc đó vẫn còn xiên qua khắp tâm hồn tôi. Lại còn tiếng cười kia nữa, tiếng cười kỳ quặc, khủng khiếp! Tôi tưởng như đó là những câu đe dọa ghê gớm; trước khi nó chết, hình như thằng khách hẹn với tôi rằng nó sẽ không quên tôi, nó còn tìm được mưu độc hại cho bằng được tôi để báo oán. Trong cuộc đời tôi sau này, mỗi khi bị hiểm trở, mỗi lần mắc phải tai ương nào, tôi lại nghi là do vong hồn con ác quỷ kia xui nên. Cả trong yên vui tôi cũng thường chột dạ. Oan khí như không bao giờ tiêu tán hết, bao nhiêu căm hờn, bao giờ cũng theo đuổi bước đời của tôi, ám ảnh sự thái bình của tôi; không có cách nào trừ đi được.

Cả bọn người Nùng đều lắc đầu le lưỡi trước cái chết đột ngột mà phi thường này. Còn tôi thì như đã quen, đã dạn những điều quái đản từ trước, tôi không lấy sự thẳng khách cấu rồn tự tử làm quá đổi lạ lùng. Chỉ ngấm ngầm lo sợ không dám nhìn đôi mắt mở của thằng khách. Tôi nín thinh, vừa rờ tay thăm lại những dấu đòn trên người, vừa đi xem xét khắp hầm vừa ngấm nghĩ.

Tôi bụng bảo dạ: những việc xảy ra dưới hầm này đêm hôm đó, tất thằng khách đã rắp từ lâu, mà chùng làm quen tay lắm, cho nên mới sẵn những hình cụ, như bảng gỗ, những móc xích với những dây thừng. Các thứ ấy đã cũ, đã rỉ cả. Công việc hẩn làm có lẽ không hề ai biết, không từng có ai cản trở. Bỗng đến nay, thấy một bọn người từ dân đâu kéo đến làm cho hẩn kinh lạ. Hẩn phải để mắt dò xét cẩn thận; những lúc thốt nhiên thấy cái bóng áo chàm xanh trong rừng, có lẽ chính là những lúc thằng khách lẩn lút quanh quất đó mà dòm dò chúng tôi. Cả bọn hẩn lén vào trong nhà lều, hẩn cũng là một phen trốn tránh giữa lúc bí thế; không chùng thằng khách nhân dịp ấy

còn muốn gây cho cái thói mê tín của người Nùng thêm vững, để cho họ đừng chú ý đến các tính cách công việc riêng của hấn cũng nên. Hay ngoài ra, lên vào lều, hấn còn chú ý gì khác nữa, thì tôi không đoán ra được. Lúc hấn lên vào trong miếu, chỉ có tôi trông thấy hút; nhưng dù cho cả mọi người trông thấy nữa, hấn cũng biến mất tích như một bóng ma. Lúc ấy thì nào ai ngờ đâu ngờ đến cái hầm dưới đất? Thằng khách chỉ việc lật cái phiến gạch, nhảy xuống, đập lại như cũ, thế là đủ cho bọn người sẵn lòng tin chuyện biến ảo, yên trí là vừa gặp vía quỷ thần. Trốn ở dưới hầm, giá thằng khách biết rằng trên miếu người ta đang lừa hương cầu cúng hấn, chắc cũng phải lấy làm buồn cười. Rình mò nghe ngóng mấy hôm, thằng khách dò biết chắc chắn rằng chúng tôi là bọn đi săn, mà chỉ ban đêm mới kéo ra khỏi miếu, hấn mới đem tội nhân của hấn xuống. Hấn không ngờ là trong miếu đêm ấy lại có tôi, sự tình cờ đã khiến tôi biết được những "chuyện kín" ghê gớm di thường kia, lại cũng khiến tôi phải một phen kinh khủng hụt chết.

Song thằng khách là người thế nào? Vì những lý do gì mà lại đến tận chốn này mà thi hành những việc độc ác như thế? Trong mình nó không có qua một thứ giấy má nào để người ta có thể biết được tên tuổi, lai lịch của nó.

Thằng khách đã chết thì bao nhiêu ẩn tình về chuyện này họa chăng chỉ có người con gái Tàu kia là biết được ngành ngọn. Từ hôm đưa cô ta đi trình Ông châu thì cô ta bị một cơn sốt kịch liệt rồi cứ mê mê mẩn mẩn, khi cười khi khóc như người hóa điên. Ông quan châu biết chưa thể tra vấn được, nên cắt người săn sóc thuốc thang đợi cô ta hoàn lại tính người. Trong khi đó, thổ dân ở những thôn gần đó, không mấy ngày là không nói đến việc xảy ra trong rừng lớn Lùng Sa. Người thì cho rằng người con gái kia là một vật hy sinh đem đến cho con yêu trong miếu ăn thịt, người thì lại bảo là thằng khách cưới vợ cho Thần Rừng. Vì thế có kẻ lo sợ rằng vị thần Lùng Sa sẽ oán bọn người Nùng đi săn, rồi oán lây cả dân làng, vì bọn đi săn đã làm chết mất thằng khách là người hăng năm vào trong hầm cúng tế. Nhiều người kể cho tôi nghe rằng, mấy năm trước đây, họ trông thấy một người

khách to béo thường vào trong rừng hoang, khi đi một mình, khi dắt theo một người con gái; cứ gặp thấy người làng là ù té chạy, rồi không biết biến dạng nào mất.

Những điều ỨC đoán với cách giảng nghĩa của họ cũng như của bọn người Nùng bạn sẵn với tôi, đều mơ hồ lắm. Lòng tin tưởng của họ ngây ngô, đơn giản nhưng là vững mạnh. Tôi cũng không muốn biện bạch với họ làm gì. Tuy vậy, cũng có điều khiến tôi suy nghĩ, là thấy họ nói đã từng gặp thằng khách một vài lần. Về điều này nhiều người cam đoan là không sai, vì đã có nhiều người trông thấy. Thế thì có lẽ cái cảnh tượng tôi được "thực mục sở thị" đêm hôm xưa, quả như điều tôi đã đoán trước, không hẳn chỉ mới diễn ra lần đầu. Mà nếu thằng khách không bị bại lộ thì chưa biết chừng nó còn ngấm ngấm tác ác đến bao nhiêu phen nữa.

Ông châu Lũng Sa cùng những người có trách vụ hoặc chú ý đến chuyện này, trong khi đợi người con gái bình phục, đều băn khoăn như tôi. Thằng khách là hạng người nào? Cái hầm đất kia với nó có những quan hệ gì? Những việc nó hành động là do những căn nguyên nào? Khó lòng phân giải được cho xuôi Ồn.

Khám xét trong hầm cũng không thấy ngách ngả nào thêm nữa. Hầm đào chừng lâu lắm, cách chống đỡ rất kiên cố, mà xem ra đào cùng thời dựng tòa miếu. Không thể nào đoán được miếu ấy thờ ai. Có lẽ miếu dựng lên chỉ để làm nơi đánh dấu, hoặc để người ra vào hầm đó không bị nghi ngờ gì. Cửa hầm thì ở một góc miếu phía tay tả (kể lúc mình ngoảnh mặt vào trong), nhưng hầm lại đào ở hẳn khu ngoài. Tìm kỹ lưỡng, thì thoát tiên ngoài những cái tôi trông thấy ngay đêm bị nạn, chỉ thấy thêm được ít lương khô cùng với mấy nén bạc thằng khách đem theo. Mãi sau vì cái mùi thối nát khác thường, không thể ngờ là do xác chết của thằng khách xông ra được, người ta mới đào một vài chỗ lên xem thì thấy những xương người đen sì; thịt chưa rửa hết, có đến hai ba bộ. Những sự kỳ bí chỉ tôi tầm dầy đặc thêm lên.

Người con gái Tàu thì ngày càng kiệt lực. Cô ta không mê hoảng như

mấy hôm đầu nữa, song bệnh tình trầm trọng như thế, xem chừng cũng không đậu được bao lâu. Một hôm tôi ở bản Khau đến thăm cô ta bên châu, cô ta ứa nước mắt không nói gì cả. Tôi lấy giọng ôn tồn dịu ngọt yên ủi cô ta. Tuy không hiểu tiếng, nhưng cũng biết là lời ân cần khuyên nhủ mình, cô ta nhè nhẹ mỉm cười, đầu khe khẽ gật.

Cách đó ít bữa, tôi lại đến châu Lũng Sa thì được tin người con gái Tàu đã chết. Tôi bùi ngùi lắm, toan trở ra về thì ông châu cho người lưu lại, mời tôi vào nói chuyện. Ông ta lấy trong tráp, đưa ra cho tôi một phong thư dày, nói là của người con gái Tàu để lại, dặn gửi riêng cho tôi. Bức thư dài lắm, nét bút ẻo lả, viết lối hành khái, nhiều dòng chữ líu ríu chi chít nhưng cũng đủ rõ ràng. Ông châu nói rằng trước hôm cô ta tắt nghỉ, lại thấy tươi tỉnh, ra hiệu mượn bút giấy, nhờ người đỡ ngòi dầy để viết bức thư này. Trong thư, người con gái Tàu kể rõ tên tuổi, lai lịch mình, với cái duyên cớ vì đâu cô ta bị thằng khách hành hạ. Nhờ đó tôi biết được phần lớn câu chuyện. Mãi mấy năm về sau, được gặp một viên quan Tàu trong sứ bộ Trung Quốc sang giao thiệp với triều đình ta, ngẫu nhiên tôi nhắc đến việc xưa thì thấy ông phó sứ ấy nói là đồng quận với thân nhân người con gái Tàu. Hợp với lời trần bạch trong thư của cô ta, câu chuyện ông quan Tàu thuật lại với tôi đã khiến tôi biết được hết đầu cuối những điều mà tự mình suy tầm, tưởng khó lòng thấu rõ được.

Cô ta tên Thúy Liễu, con gái họ Lâm, quê ở mạn Phù Nam bên Tàu, cha mẹ nhà nghèo, chỉ có một mụn con gái làm của báu. Năm cô ta lên chín, hai ông bà kế nhau tị trần. Trong họ có bà dì nhà cũng khá giả, động lòng vì cái cảnh thương tâm cùng mực đó, đem Thúy Liễu về nuôi. Thúy Liễu ngoan nết lại thông minh, bà dì hết lòng chăm nom dạy dỗ, nhan sắc ngày một thêm dịu dàng, được nhiều người quý mến khen ngợi. Đến năm cô ta mười tám, bà dì từ chối các đám giàu có, gả Thúy Liễu cho một viên huyện quan họ Mã, tính tình thuần lương.

Mã Sinh là người ở xa đến, mãi đâu từ trên Hàn Khẩu. Nhậm huyện này kể đã năm sáu năm, mà chưa lần nào về thăm quê nhà. Từ ngày lấy nhau, vợ

cũng không từng về được chào lạy họ mạc bên chồng. Mã Sinh quý vợ lắm, tình ngày thêm khăng khít mà hai người trọng lẫn kính chung. Nhưng Mã Sinh vốn ít nói, về chuyện tổ phụ mình, chàng lại kín đáo lạ thường. Thúy Liễu thường bất chợt thấy chàng băn khoăn lo lắng, có hỏi thì chỉ đáp là bận lòng về việc quan. Được dịp, giục về thăm quê, chàng bao giờ cũng tìm được có thoái thác. Mã Sinh làm quan hết lòng chăm chỉ, rất mực liêm khiết; thái độ nhũn nhặn; tính hiếu thiện, hay thương giúp người khốn cùng. Cả huyện ai cũng yêu mến mà nể sợ. Cảnh gia đình tuy thanh bạch song thực là đầm ấm êm ái. Mã Sinh như thế có thể gọi là người được sung sướng ít ai bì. Nhưng cái mối u uẩn kia bởi đâu, khiến vẻ mặt chàng lúc nào cũng có bóng ưu phiền? Thúy Liễu hết cách ý tứ để dò xét cũng không thể nào biết được. Có những buổi chồng nàng lặng lẽ thái quá, lại có những khi cười nói hóm hờ một cách không được tự nhiên, những lúc đó Thúy Liễu lại lo hơn, mắt chàng thoáng qua những vẻ hoảng hốt.

Một hôm, thần sắc Mã Sinh biến loạn, một vẻ rất đáng sợ. Chàng bỗng như cuồng dại, không thể giữ gìn được cử chỉ, cả ngày bứt rứt đứng ngồi không yên chỗ, mà cứ quanh quẩn ở hậu đường. Đến tối, sai tôi tớ mỗi người một việc, chàng gọi Thúy Liễu vào phòng, cầm lấy hai tay nàng rồi rung rúc lên khóc. Thúy Liễu hết lời khuyên van căn vặn mãi, chàng mới đem chuyện kín ra kể cho vợ nghe.

Ông thân sinh ra cha Mã Sinh là Mã Hồng, trước kia làm quan cao phẩm, có thể lực lớn. Khi hồi hưu, vẫn giữ thói thị oai thường làm nhiều điều tà khuất ức bách dân gian. Tuổi tuy già nhưng tính đam mê nữ sắc đẹp không bớt. Đàn bà con gái, cứ thấy ai lia mắt là sai bắt về cho bằng được, gây ra nhiều tình cảnh oan khổ mà không ai dám hé răng. Sự buông tung ngày một tệ thêm, vợ con trong nhà khuyên can thế nào cũng không nổi.

Trong bọn người bị cưỡng đoạt có Trương Thị là người nhan sắc hơn cả. Trương Thị khẳng khái trinh liệt, một mực không chịu để người nhục phạm được mình. Mã Hồng dụ dỗ chỉ uổng lời, đe dọa cũng không thấy chuyển. Sau cùng Hồng sai lột hết xiêm áo của Trương Thị, trói chân tay lại mà hành

hạ, dùng cách tàn ngược để bắt phải theo. Trương Thị phần đau đớn, phần hổ thẹn, đến hôm thứ ba, Mã Hồng mở cửa phòng giam bước vào thì đã thấy người đàn bà cắn lưỡi chết. Mã Hồng vội sai người đắp diệm rồi ngậm đem vùi một góc vườn ngoài.

Chồng Trương Thị là Lý Chu, cùng với con trai đi buôn ngọc ở các nơi xa về cảm tức đến phần uất, Chu biết rằng mình thấp cổ bé miệng, dù có phá sản để đi kêu đi khiếu cũng vô ích; cái quyền thế của họ Mã vững chắc như thành liền. Những nhà giàu có chẳng kém gì nhà Lý, vai vế lại không phải tầm thường mà đối với sự tàn ác của Hồng cũng đành phải nhịn nín. Chu nuốt hận, nuôi chí báo thù.

Chu để tâm hết sức dò xét, biết được chỗ đất chôn Trương Thị, nhân một đêm tối, đào lên đem xác về mai táng hẳn hoi. Trông thấy cái thân hình lỏa lồ của vợ, Chu cuồng dại lên vì đau xót, thề nguyện rất độc rằng sẽ ăn gan uống máu Mã Hồng. Nhưng Mã Hồng đã dự mưu từ trước, dùng luôn việc báo thù của Lý Chu để hại Lý Chu.

Một đêm Chu lên được vào tương phủ, thấy Mã Hồng ngồi đọc sách ở đại sảnh một mình Chu nhảy xổ lại đâm thì bị gia đình của Hồng phục sẵn đó đổ ra bắt Chu trói lại. Muốn trừ tiết hậu họa, Hồng bèn nghĩ ra một kế thâm độc là mua chứng cứ, hãm Lý Chu vào tội thái ác, Mã Hồng vu cho Lý theo nghịch đảng ước với giặc về mưu sát công thần. Trong nước bấy giờ, vào khoảng năm Đạo Quang thứ mười, bề ngoài vẫn bình trị, nhưng ngầm ngầm đã có những mối loạn lẩn nấp lẩn với những bọn cường khấu ở một vài nơi. Đạo số của Mã Hồng tâu lên, triều đình tin ngay, tức khắc truyền chỉ bắt lấy cả nhà Lý Chu và hạ lệnh tru lục, Mã Hồng tịch thu lấy sản nghiệp của họ Lý, bao nhiêu bạc vàng châu báu riêng lượm lấy hết, trích ra phần lớn đút lót cho mạnh thêm vây cánh, cho việc mưu tính của y chóng xong: Việc bức tử Trương Thị, người ta có đoán biết cũng làm ngơ, lấp liếm dưới cửa hồi lộ và quyền thế.

Con trai lớn của Lý Chu là Lý Thạch đang trên đường lên Bắc Kinh để chạy chọt cố kêu oan cho cha nghe tin biến, tức khắc quay lại, nhưng không



dám về nhà nữa. Hấn phải ẩn nấu trốn tránh đến điều cơ cực. Khi cả nhà bị đem xử tử thì Lý Thạch đã lẩn lút ở miền Nam. Đến đâu cũng thấy bị truy nã, hấn phần chí, theo bọn cướp lớn Linh Lâm, một đảng có tiếng là xuất quỷ thần.

Cách đó ba năm, Mã Hồng đương ung dung tác uy, tác hại thì bị một người giữa đêm nhảy vào nội đường giết chết, cắt đầu mang đi. Bên cạnh thây, một bức thư ký tên Lý Thạch. Trong thư, Lý Thạch thách thức, đe dọa hện rằng sẽ giết ba đời họ Mã để rửa hờn. Việc ám sát Mã Hồng, người nhà hết sức bung bít để tránh thêm phần nhơ nhuốc cho gia thanh, vì thế, người đến phúng viếng có hỏi, Mã phu nhân đều trả lời rằng tướng công vì ngộ cảm mà tạ thế. Mã Hồng bị giết, tổng táng vừa được ba ngày, thì chính thất phu nhân tự dung không biết đi đâu mất. Cả nhà chưa hiểu sao, cũng chưa kịp thăm hỏi các chỗ thân thích bỗng một buổi sáng Mã Hoằng là trưởng nam nhà họ Mã dậy sớm chợt thấy một mũi tên cắm ở cửa phòng phu nhân. Cuối tên buộc một cuộn giấy. Giở ra đọc thì chỉ có năm chữ: "Hảo hán báo mẫu cừ". Mã Hoằng nhớ ngay đến bức thư bên cạnh thây cha, biết rằng mẹ chàng cũng mắc tay Lý Thạch. Hoằng lo sợ lắm. Mấy lời nguyên cả quyết báo thù kia, Lý Thạch tất không đời nào quên. Vậy thì mình, cùng với anh em mình, rồi vợ con mình, rồi đây tất sẽ lần lần bị hại. Cơ nguy bao bọc lấy con cái họ Mã trong cái trùng vây thù oán vô hình. Họ không cho tiếng tăm lọt ra ngoài, nhưng ngày đêm vẫn tìm hết phương kế phòng ngừa.

Mã Hoằng có độc nhất một con trai là Mã Sinh, bảy giờ tuổi đã mười bốn. Mã Sinh đang ham chuyên việc khoa cử thì thấy cha bắt sửa soạn gấp rồi gửi mình cho một người cố hữu ở tận Quảng Tây. Trước khi chia tay, Mã Hoằng ghé tai dặn dò cẩn thận rằng, việc nhà chớ nên đem thổ lộ với ai, đi xa như thế lấy tiếng là du học, nhưng chính là để lánh họa. Mã Sinh cứ đi xuống Quảng trước, rồi độ dăm bữa nửa tháng gì, khi nào thu xếp cửa nhà xong, cha mẹ sẽ liệu xuống sau.

Mã Sinh đến Quảng Tây được hai hôm thì có hai tên đầy tớ cẩn tin ngày đêm đi từ nhà đến báo luôn mấy tin dữ. Mã Hoằng bị một mũi dao phóng

chết trong phủ rồi ngay đêm sau Mã Thao, em ruột Hoàng cũng bị giết vì một mũi tên. Tim hung thủ không những không thấy mà rồi mẹ với cô dì Mã Sinh cũng không biết bị bắt đi bằng cách nào.

Thế là chỉ trong vòng hai tháng trời, con gái anh em nhà họ Mã cùng bị hại về tay Lý Thạch. Trong lá thư đầu nó đã nói: Lý Thạch còn báo thù nữa kỳ lấy được mạng đủ ba đời thù nhân để hả oan hồn của cha mẹ họ hàng. Vậy thì rồi cũng đến lượt Mã Sinh. Sinh còn sống ngày nào còn phải lo sợ ngày ấy.

Ở nhà vị thân nhân của cha, Sinh hết sức kín tiếng. Quảng Tây cũng xa nơi hoạn họa hàng trăm nghìn dặm sơn xuyên. Tuy vậy Mã Sinh không mấy lúc dám ra ngoài. Một tiếng động cũng khiến chàng nghẹn hơi. Chàng e dè những kẻ ra vào, ngờ vực cả kẻ hầu cận. Thỉnh thoảng phải đi đâu, chàng tránh hết những đường vắng, nhưng cũng không yên bụng ở những chỗ đông người. Sinh thấy kẻ thù đón mình ở khắp các nẻo.

Nhưng hết năm nọ sang năm kia, lạ thay, Mã Sinh vẫn vô sự.

Chàng không ứng thí nhưng được hưởng lệ tập ấm ở Quảng được năm năm thì chàng đặc cách được bổ nhiệm một huyện ở Phù Nam. Kẻ thù chết rồi, hay bị bắt rồi chẳng? Sao chàng không được tin tức gì? Sinh quyết rằng sự yên ổn đó không phải là do ở sự Lý Thạch lạc mất tăm tích chàng: chàng trốn tránh ở đâu mà cái chí báo thù kia không tìm thấy được? Có lẽ Mã Sinh vốn là người chuộng nhân nghĩa, đã hết lòng làm điều thiện, cố ý chuộc lại tội lỗi của ông cha, nên đã được thần minh giữ gìn chẳng? Mã Sinh nghĩ thế nên khi làm quan, cái phẩm hạnh với đức độ liêm khiết của chàng trong quan liêu không ai sánh kịp. Hai mươi tuổi thì lấy vợ. Gặp được Thúy Liễu là người vừa đẹp vừa hiền, Mã Sinh thầm tạ ơn trời, tưởng sẽ được yên tâm mà hưởng thú đình viên. Không ngờ, một buổi sớm ra công đường lúc chưa có ai, một phát tên cắm trên án với một bức thư của Lý Thạch, thư rằng:

*"Cha mẹ họ hàng ta đang an cư lạc nghiệp, tổ phụ nhà ngươi dùng thủ đoạn thái ác mà giết hại, khối máu căm giận chưa biết bao giờ mới tan. Ta may còn lọt sống lại đây, nên quyết đem cái mạng thừa này làm cho ba đời*

*nhà người cùng chịu với cha mẹ ta một số phận. Bảy lâu người chưa phải chết là vì người chưa có gia đình để ta đến phá. Bây giờ người đã có vợ, là đã đến giờ ta ra tay. Thủ cấp người, ta đem tế cha ta, còn tính mạng vợ người ta sẽ đem tế mẹ ta ngày nay ở dưới cửa tuyên vẫn đợi trông ta báo phục".*

Thúy Liễu nghe chồng kể hết căn do câu chuyện kia, lo sợ lắm, bàn với chồng tìm cách tị lánh hoặc đề phòng. Mã Sinh lắc đầu thở dài, chàng biết rằng kế nào cũng vô hiệu: vì nếu mình còn có thể trốn chạy, ngăn ngừa để thoát khỏi tay nó được, tất nó đã không bắn thư đe trước làm gì. Vả lại Mã Sinh vẫn giấu kín việc nhà, cả đến Thúy Liễu mãi bây giờ sự đã đến nơi, chàng mới đem tâm sự ra thổ lộ cho hết. Thúy Liễu nghĩ cũng không thấy được mưu nào có thể tránh được họa nữa, phần thương chồng phần tự thương mình, rồi hai người chỉ biết ôm nhau mà khóc.

Mã Sinh cùng với vợ ngồi sợ hãi thâu đêm. Tường tuy cao cửa tuy kín, nhưng thâm nghiêm sao được bằng dinh phủ của cha ông chàng? Mã Hoằng cũng vẫn biết trước có ngày Lý Thạch đến, đã tìm hết phương đề phòng cẩn mật. Thế mà tên cướp rừng tự xưng là hảo hán kia cũng lén được vào tận nơi mà trả thù. Huống chi một khu huyện đường bé nhỏ này thì ngăn ngừa sao nổi cái tài nghệ thần bí của nó. Mã Sinh đành bó tay chịu, phó mặc thân mình cho số mệnh, kẻ thù đến chỉ cố hết lời kêu xin cho Thúy Liễu khỏi chết oan vì chàng.

Qua mấy trống canh nôn nao trong sự lặng lẽ hãi hùng, bỗng có tiếng động trên mái ngói. Rồi cửa phòng bật mở, một người to béo, nai buộc gọn ghẽ, nhảy vào, tay giơ một con dao sáng. Thúy Liễu rú lên một tiếng, ngất lịm đi. Rồi về sau tâm thần hoang mang, cứ ngơ ngác như ăn phải bùa; Lý Thạch đem đi đâu cũng theo, bảo gì cũng nghe nhưng không hiểu gì hết.

Mãi cho đến lúc Lý Thạch bỏ vào đẫy vác nàng xuống cái hầm kia, Thúy Liễu mới tỉnh lại để chịu hành hạ.

Hầm đất này trước kia nguyên là một nơi giấu của Lý Chu tìm được cùng với một bọn chuyên đi tìm vàng các nơi. Bao nhiêu vàng ngọc của người

Tàu cất ở đó từ xưa, đều về tay bọn Lý Chu hét; của cải không còn gì ở trong nữa, Lý Thạch bèn dùng cái hầm bỏ không làm nơi mai táng hài cốt song thân, rồi sắm các hình cụ để làm tội các kẻ hấn đem xuống. Cái hình phạt Thúy Liễu phải chịu đó, nó nói cho biết là để tế vong hồn cha mẹ nó. Vì thế, trước khi ra tay, nó nhớ đến cái thảm cảnh nhà nó phải chịu nên động lòng gào khóc trước cái bệ nó thiết lập lên như một bàn thờ. Trong cơn thịnh nộ, Lý Thạch vừa nguyên rửa vừa quát tháo, hét vào mặt Thúy Liễu mà bảo rằng: bao nhiêu con trai nhà họ Mã đều phải chết như phụ thân nó, mà con gái, con dâu nhà họ Mã cùng chịu một khổ hình cay độc như nhuốc như mẹ nó đã bị hành hạ khi xưa. Khi nó đã giết được đủ ba đời nhà Mã Hồng, nó sẽ đào lấy những thủ cấp chưa kịp cắt đem xuống chôn cùng với những thầy bị hành hình ở trong hầm này, để cho cha mẹ nó ở dưới âm ty còn được báo thù một phen nữa.

Duyên do câu chuyện ghê gớm kia, phần lớn thuật lại ở bức thư của Thúy Liễu viết cho tôi lúc biết mình không sống được nữa. Bức thư tôi vẫn còn giữ. Lời chân tình có một giọng tha thiết mà cảm động, nhất là đoạn cuối cùng:

*"Tiện thiếp nhờ được trảng sĩ ra tay hào hiệp, nên thoát khỏi lưỡi dao độc địa của thù nhân. Những tưởng thân được sống để còn mong có ngày báo đáp cái ơn cứu mệnh. Nào hay bấy nhiêu hình cực khổ, cùng với bấy nhiêu điều khủng khiếp, đã khiến thiếp mang trọng bệnh mà từ bỏ trần gian.*

*Những việc trên đây, đáng lẽ thiếp phải biết giữ kín nhưng nghĩ rằng chiếc thân gửi nơi đất lạ, không đành làm một khối oan hồn kỳ bí, khiến cho ân nhân không hiểu những tội tình kia thiếp chịu là duyên có vì đâu. Vậy tiện thiếp không quản bại nhược cố tĩnh tâm thần, để lại mấy hàng này, xin ân nhân soi xét".*

# NHỮNG TIẾNG NÓI THẦM

## Gặp Mưa

Đêm hôm ấy bầu trời mây vẫn, mặt trăng còn khuyết không mấy khi hiện hẳn được ra. Không khí nóng bức nặng nề, như mang cái lo ngại. Trong bốn bề toàn đồng ruộng bát ngát, chỉ thấy xa xa mờ mờ, mấy đám cây cối im lặng một cách say sưa, mơ màng.

Trời bỗng thêm mây đen phủ đặc, gió lốc bắt đầu cuốn bụi. Khách rảo cẳng mà vẫn không thấy tiến mau. Trên đầu âm ỷ sấm chuyển; chớp loáng ở chân trời ngày càng gần lại, ngày càng mau; mưa to sắp đổ xuống mà làng xóm lại xa, đi chậm thế này chắc không thể nào tìm được chỗ ẩn. Khách vừa bần khoản vừa gấp bước, nhưng bụi với gió cứ ấn mãi vào mặt, phải giữ chặt lấy cái nón lá cho khỏi lật ra sau gáy, rồi lại phải bỏ ra cầm ở tay. Cũng không xong, gió mạnh và nhanh lắm, như cố tình bắt khách lùi. Người đã nhọc quá, xem chừng không thể tránh khỏi mưa, khách mới chậm chân để thở. Bỗng thấy một đám cây rậm đang cọt két ngả nghiêng ở cạnh một cái đầm con. Nhìn kỹ thì đó như là một cái miếu lớn, ở trong lại hình như có chùa, hay miếu - hay không có gì chẳng nữa thì cành lá um tùm thế kia cũng che đỡ cho mình được ít nhiều. Khách liền dần bước về nẻo miếu.

Trong miếu quả có một ngôi chùa nhỏ; song khách chỉ đứng lại ngoài hiên. Trong chùa vắng ngắt mà tối lắm. Nhờ có chớp nháy khách dần dần trông thoáng được một cái bệ gạch ở giữa những cột to sù. Cái bệ phẳng, trên không có gì qua; mấy tượng bụi thì hình như cụt đầu nằm lăn ở dưới đất. Sau cái bệ ấy là bóng tối mà ánh chớp làm cho đen thêm - cái tối sâu âm thầm, sâu vô tận, người ta không biết trong ấy có những điều bí mật gì.

Khách không bước vào trong chùa, đặt nón ngồi ở hiên, ngảnh mặt trông ra; trong bụng không lo sợ nhưng không được yên lòng hẳn. Hạt mưa đã lác đác đập lên mái ngói và cành lá, rồi ào ào trút xuống, nước bắn vào gần chỗ khách ngồi. Khách phải thu hình lại và lấy nón che chân, sau lại phải ngồi quá vào trong bực cửa.

Bây giờ cả một phương cảnh vật chuyển động trong đám tối mịt mù; tiếng gió chạy âm âm hòa với tiếng nước đổ rào rào không ngớt. Chớp lóe lên từng lát buông vội xuống một tấm màn mưa lấp lánh trước hiên và làm thoáng hiện ra những đám cây ướt đang vạt vĩa. Bốn phía sấm dòn như vằn đá tảng nổi vào những tiếng sét như nổ vỡ một tầng trời. Mưa gió tưởng chừng không bao giờ nguôi. Khách cứ lẳng lẳng ngồi đó, trong bụng ngày một thấy xôn xao áy náy. Khách tự nghĩ: "Để thường phải ở đây đến sáng cũng nên".

Khách là một người bộ hành từ phương Nam đi lại. Ít lâu nay, người ta đồn rằng ở Bắc thượng có vị Cao sĩ ngoài trăm năm mươi tuổi, sống từ đời Lê Mạt cho đến bây giờ là năm 152; cụ biết được nhiều điều rất màu nhiệm, suy được những cơ trời huyền bí, nói trước việc tương lai tới hai ba trăm năm trở về sau. Khách là người mộ học, nghe thấy vậy, không quản xa xôi, đi ngay tới Bắc thượng để xin Cao nhân chỉ giáo. Ở nhà đi từ sáng tờ mờ đất, định đến chiều tới Bắc thôn, sẽ tìm vào nhà một ông họ Đàm là bạn học cũ; nghỉ ở đấy một đêm đến sáng hôm sau sẽ lên Bắc thượng. Khách đi không may lạc đường, lúc biết ra thì trời đã gần tối. Khách hỏi thăm cận kề rồi cứ đi không muốn trọ đỗ ở đâu, gần đến Bắc thôn thì gặp mưa, khách phải miễn cưỡng vào ẩn trong miếu.

Ngồi ở cửa chùa đợi tịnh, khách tuy có bồi hồi thực, nhưng đó chỉ là nỗi khó chịu của mọi người gặp phải lúc này thôi. Chứ khách có biết đâu rằng hiện khách đang ở trong một cái hang chứa những tai nạn ghê gớm.

Ngôi chùa này nguyên có tiếng là thiêng lắm, chùa dựng lên đã lâu, nghe nói là của một viên quan triều đình cáo lão sai làm để đến tu niệm. Bây giờ, tuy là nơi bỏ hoang, xa cách hẳn làng xóm, nhưng trước kia quanh năm vẫn tấp nập nghingút, khách thập phương qua lại cầu khẩn rất nhiều.

Bỗng tự nhiên mấy năm về trước đây, chùa này xảy ra một chuyện rất kỳ dị. Sáng sớm hôm rằm tháng chín năm ấy, những người đi lễ đến nơi thì thấy cửa chùa còn đóng. Đợi mãi đến lúc mặt trời đã cao mà chưa thấy nhà sư thỉnh chuông. Đẩy cửa vào thì cửa không cài then trong, mà mâm quả, bát

nhang, với bình hương, giá nếu đều đồ vỡ. Các tượng bụt thì bị quăng cả xuống đất, dưới đất có vết máu lênh láng, mà pho tượng nào cũng cụt đầu. Đang kinh ngạc thì người ta lại lôi ở trong xó tối ra mấy cái thầy cũng mất đầu, đó là hai vị sư với hai chú tiểu.

Người ta đi trình quan; huyện quan đến khám xét và tra vấn nhưng không ra được manh mối; mà kỳ quá, trong chùa ngoài những thủ cấp của bụt và sư tiểu, thì không thấy mất mát gì qua. Không biết hung thủ làm gì bằng những của ấy. Bốn năm tháng dò xét cũng không thể khám phá được những điều bí mật, đành phải bỏ. Rồi việc ấy dần dần cũng băng đi.

Nửa năm sau trong chùa lại có hai nhà sư khác đến ở. Hai nhà sư chưa kịp thu dọn; mới đến hôm trước, hôm sau một ông trốn đi đâu mất, còn một ông chết lẩn ra sau phương trượng; người ta không biết được tên họ nhà sư ấy, vì ông ta cũng bị chặt đầu.

Còn đương tâm nã người đi trốn, thì sáng hôm thứ tư có người thấy ông ta ở trước cửa chùa, nhưng đã chết treo dưới cây đại lớn.

Khắp vùng đó nôn nao lên vì những sự quái gỡ. Ngay từ khi xảy ra mấy cái án mạng trước, người bàn đi kẻ đoán lại, phần nhiều người tin rằng chùa này phát hung thần. Nhân đó, mấy người chú ý riêng về việc này đều nói quả quyết rằng: thường thường những đêm âm ỳ mưa gió, trong chùa Đầm thấy lập lòe một ngọn lửa xanh; họ cố rình xem thì thấy hiện lên những hình thù rất lạ lùng, xúm quanh ngọn đèn mà rì rầm như nói chuyện. Câu chuyện lan ra thực chóng, trước còn những bọn đàn bà con trẻ hay kể lại, lâu dần cả đến người mạnh bạo nhất cũng phải tin rằng có những sự phi thường. Chùa Đầm vì thế hóa ra một nơi độc địa không ai dám bén mảng đến.

Ba bốn năm trời không hương khói, không người coi sóc, không ai dám đoán biết đến những việc xảy ra ở trong. Miếu thành ra um tùm, chùa thành ra thêm bí hiểm, chốn này người ta coi như một nơi tụ họp của vong hồn người chết hay một cái cửa xuống âm phủ, lù lù hiện ra đó để nạt người trần gian. Người ta lại kể chuyện rằng: một hôm có một bọn người đi buôn ở xa đến không biết là chùa dữ, nên rủ nhau vào ngủ một đêm. Sáng hôm sau

không ai ra nữa: bọn ấy tắt thành ma không đầu. Rồi mỗi năm lại thấy những điều kỳ quái một thêm ra. Khi thì mấy người táo tợn bị thiệt mạng và mất xác vì dẫm vào dò xét trong chùa; khi thì ông lý trưởng làng trên vì nói động đến chùa Đầm nên tự nhiên bỏ nhà đi đâu mất ; khi thì bọn tuấn tráng trong làng gặp thấy trong lúc đêm tối những con yêu tinh da trắng tóc xõa chập chờn quanh miếu. Bao nhiêu bệnh nạn ở vùng đó người ta đều cho là các hồn người chết trong miếu gây nên.

Những cái nguy hiểm ở chùa Đầm là thế, nhưng người khách lạ có ngờ biết gì đâu? Có lẽ khách ở xa nên không nghe nói đến các việc trong miếu này bao giờ; dầu cho có máng nghe thấy khách cũng coi như những chuyện huyền hoặc. Bấy giờ mưa đã dần dần ngớt; lúc tạnh hẳn thì đêm chùng đã quá canh ba. Một vài con đé cỏ se sẽ cất tiếng kêu, rồi lại im. Mặt trăng trên đám mây tan cũng ghé con mắt trông xuống. Khách thấy trời khuya đã toan tìm chỗ ngủ. Bỗng nghe ở phía sau có tiếng sột soạt rất nhanh. Khách trông vào: trong xó tối mù có hai con mắt lè lè sáng. Hai con mắt tròn và nhỏ, yên lặng như chăm chú nhìn khách. Cùng lúc ấy có tiếng gừ gừ đưa ra. Khách "suyt" một cái thì một con cáo chạy vụt ra ngoài đâm bổ vào đám cây muỗm còn đâm đìa những giọt nước. Bỗng con cáo lại nhảy lùi lại dựng cả lông mình lên, thì ra một con rắn lớn ở trong cỏ đang bò tới... Khách vừa đứng phắt dậy thì thấy hai con vật đang gặm gừ phi phè lùa vồ nhau. Khách nhảy sỏ ra dẫm chân dếp lên đầu con rắn. Nó oằn oại rồi chết ngay. Con cáo đã biến đâu mất. Lắng tai nghe chỉ thấy tí tách rơi xuống một vài hạt nước đọng trên mái ngói hay lá cây mà thỉnh thoảng một cơn gió thổi qua làm rụng xuống gần hết. Trời một ngày một thêm quang quẻ, mà chón này lấm rần rết như thế xem chùng không ngủ yên được, nên khách buộc lại dếp rồi xách nón đi ra.

### **Ở Nhà Ông Đầm**

Ông họ Đầm đặt chén rượu xuống vừa mỉm cười vừa lắc đầu:

- Nguyễn tiên sinh nói lạ! Bao nhiêu chứng cứ hiển nhiên còn đây, ai dám bảo là không có, là huyền hoặc? Chính tôi đây cũng không ngờ vực nổi gì.



- Thế thì nhân huynh cho là tôi đặt đề ra sao?

Câu chuyện này là câu chuyện ả mưa trong chùa Đầm. Khách nhân thấy ông bạn cứ thuật lại những việc yêu quái trong cái miếu mà ta đã biết, bèn đem kể rành mạch từ lúc khách bước vào chùa trông thấy những tượng bụt đổ vỡ cho đến lúc thấy con cáo và con rắn đui nhau cho ông họ Đầm nghe. Ông họ Đầm thì cho là khách nhầm, chứ nhất quyết không tin việc Nguyễn công vào ả mưa trong cái chùaquái gỡ.

- Một là Nguyễn tiên sinh vào đấv rồi không ra nữa, hai là Nguyễn tiên sinh không bước chân vào bao giờ...

Ông họ Nguyễn thì lấy làm lạ quá. Bạn ông hẳn cũng biết ông không đời nào nói dối, mà sao vẫn một mực cho là mình bịa đặt ra câu chuyện ấy để làm kinh ngạc mọi người.

Lúc ấy vào khoảng giờ thìn (8 giờ sáng) hai ông bạn ngồi đối diện uống rượu ở trên phản, ông họ Đầm người xương xương, nước da ngăm đen nhưng không phải vì cháy nắng; búi tóc nhỏ, gò má cao, trán nhỏ, mắt bé sắc xảo. Cách nhau đã hơn mười năm trời, kể từ ngày còn theo học hòa thượng Linh tự, bây giờ mới lại gặp mà hai người nhận được nhau ngay. Hai ông vẫn giữ nguyên cái nét mặt đặc biệt ngày trước. Ông Đầm thấy ông Nguyễn vẫn nước da hồng đỏ, vẫn đôi mắt sáng và nghiêm trang, vẫn cái miệng rộng, mồm mồm trên cái hàm vuông của người chính trực quả quyết; nay chỉ thêm hoa râu cái bộ râu ba chòm kia dài và đen, mà bạn học vẫn gọi đùa là bộ râu Trinh Tử.

Hai ông được gặp nhau xem chừng vui vẻ lắm và kể lại những tích cũ lúc hai người đang ganh nhau luận sử đàm thi. Rồi sau khi hỏi nhau về cuộc đời mười năm về trước, ông Đầm thở dài mà than trách cái thân thể của mình. Nay ở thôn Bắc, ông chả thiết làm gì cả; cái công luyện tập đèn sách đã tính đem ra răn bảo đàn sau, nhưng vì có nhiều điều bất đắc chí nên lại thôi; việc nhà cửa phó mặc cho "bà nó" săn sóc. Bà là người đảm, thất lung bó que làm lụng một tay chăm nuôi con cái và cung phụng đức ông chồng. Ngày rộng

tháng dài, ông chỉ ngâm vịnh thơ văn cho tiêu tán. Cái công danh sự nghiệp khiến cho ông bao phen chìm nổi mà không có kết quả gì, thôi thì ông cũng không cần nữa. Mặc kệ cho đời xoay vần, cho đời nó sóng gió, ông đã chán lắm, ông chỉ ở kín một chỗ, ông ngâm nga thơ phú, ông châm chọc đời chơi.

Nhưng người chán đời đề ẩn trong thú điền viên kia lại quan tâm đến những việc lạ lùng trong nước. Ông không những không "dũ áo" mặc kệ những việc ấy, lại còn đem ra thuật lại cho bạn cũ biết, và lấy việc ông họ Nguyễn ẩn mưa trong miếu là một việc khó tin, ông lại nói rằng:

- Thế gian kể cũng nhiều điều kỳ lạ, song không kỳ lạ bằng những chuyện này. Mấy năm nay, bên tai tôi không lúc nào ngơi những điều quái đản kinh hồn người ta kể lại. Trước tôi vẫn cho là việc bày đặt như bao nhiêu chuyện ma quỷ khác, đến sau cùng phải tin. Và "thế gian chẳng ít thì nhiều", vạ gì bịa ra những điều người ta không trông thấy! Huống chi việc xảy ra ngay gần đây, các người trong mảv thôn không ai không biết rõ, không ai không lo sợ sẽ gặp phải những tai nạn không thường... Một người đặt đề ra nói còn có lẽ chứ có đâu mọi người trong châu huyện gần đây ai cũng nói đến những điều không có để nạt nhau ư?... Ngô huynh ở xa đến đây, nghe thấy những điều kể vừa rồi cho là lạ kỳ cũng phải. Nhưng lạ kỳ mà có thực... Có nhẽ lại thực hơn cái việc ẩn mưa của ngô huynh.

Giọng nói với nét cười của ông Đàm nửa ra khôi hài, nửa ra châm chọc. Ông Nguyễn không muốn cãi lại, ngồi lẳng lẳng ngẫm nghĩ hồi lâu. Có lẽ ông cũng hơi chột dạ; có lẽ ông đang nghĩ cái cơ vì sao ông không phải làm con ma cụt đầu trong chùa Đầm. Nhưng ông đặt chén rượu xuống, thông thả nói:

- Người ta vẫn bảo rằng ma quái chỉ đến nạt những người yếu bóng vía, còn tôi thì tôi cho là những người ấy tự nạt mình thì phải hơn. Trời đất sinh ra người có tâm thiểm gì mà tạo ra những vật ấy để hại người ta? Chẳng qua bụng mình bao giờ cũng chứa sẵn cái sợ, trong trí sẵn tưởng có các vật linh thiêng, độc ác nó chỉ định ám ảnh mình. Bởi thế, một tiếng động trong đám tối, một tiếng chim lạ trong lúc đêm khuya đều khiến cho mình tưởng

trông thấy những hình thù quái lạ. Trong một bọn người đi ngoài đồng ban đêm thường có người kêu rú lên rằng thấy ma, mà những người kia nếu không khiếp sợ thì chỉ lấy làm ngạc nhiên không thấy ma nào hết. Tôi thường đi tối với những người như thế để xem con ma của họ nó thế nào. Nhưng không bao giờ tôi được gặp ma cả. Vậy thì ma ấy ở đâu? chẳng là ở cái nát đăm của người nhất, ta vẫn gọi là yêu bóng vía, tưởng tượng ra trước mắt hay sao?

Ông Đàm:

- Trong trời đất có nhiều việc ta lấy ý tưởng mà đoán xét mà cắt nghĩa được, song cũng có nhiều việc sâu nhiệm ta không thể lấy tri thức nhà suy lường... Những điều lạ kỳ, những điều vô lý nhất, cũng có thể có được. Việc oan hồn hiển hiện, việc yêu quái linh thiêng đời nào cũng có, đời nào cũng lắm. Ngày xưa có những án kỳ lạ nếu không có những việc hiện hồn mách bảo thì ai tra xét được ra? Mà những chuyện thần miếu, những hung thần tác quái, như trong chuyện thần Xương công ăn thịt người trong cái miếu hãm hại Bất Vi ngày xưa, có phải là những chuyện truyền khẩu đâu? Các việc đó điều chép cả trong lịch sử. Không nói đâu xa lạ, nói ngay những điều tôi mắt thấy tai nghe về cái miếu chùa Đàm đủ chứng rằng các ma quỷ là có thực. Tạo hóa dựng nên, hay cho phép những linh vật ấy được lơ lửng trên đất của người trần gian là ý thế nào, bắt tất phải gò tâm nghĩ đến những điều mầu nhiệm ấy vội... Hay là có thể cho rằng các hung thần hay yêu quái được quyền đến chiếm cứ ở đây, một là để trừng phạt lũ lãng ni làm nhiều điều hắc ám trong nơi thanh tịnh mà tội ác chỉ giấu được mắt người trần; hai là để hãm hại những kẻ gian tà, những người đến sổ chết với những kẻ vô phúc lạc vào đó. Ví bằng việc sát hại này không do ở lòng trời khiến ra, mà lại do ở tính quái ác của lũ yêu ma kia, thì chỉ một lưỡi tầm sét đánh xuống là tan nát hết. - Một lẽ nữa là giống yêu quái đó chắc hẳn là các vong hồn của người trần, các hồn đơn quỷ đói không ai cơm cúng, phải tự hợp ở đây để tìm tòi các người tận số, hoặc phải chết vì nước lửa, hoặc chết vì sấm sét, rắn rết hay vì cách nào, để dun rui đến đây mà chết. Những người chết đó, xác thì bị các

quỉ đói chia sẻ, còn hồn thì lại vẫn lơ lửng quanh cái miếu, lâu ngày cũng thành yêu tinh. Đó là những con tinh tóc xoắn, áo trắng lờ lờ đi trong những đêm mưa gió âm u mà thỉnh thoảng bọn thần đình trông thấy...

Ông Nguyễn vuốt râu cười nhạt:

- Tiếc thay, những bộ văn Trích quái không có nhưng lý luận như tiên sinh vừa giải tôi nghe...

- Thế ra ngô huynh vẫn chưa tin lời tôi ư? Thì tôi đã nói rằng chính tôi đây lúc mới nghe cũng không thể tin lời người ta thuật được. Mãi về sau, vừa suy nghĩ, vừa xem xét, lúc chính mắt được thấy cái ánh lửa xanh lè trong chùa với những yêu tinh quanh quất đấy, tôi mới không nghi ngờ gì nữa.

Nguyễn công thấy ông Đàm nói quả quyết lắm, đã bắt đầu kinh dị, cho là một việc lạ thường. Ông cau mày một lúc rồi nói:

- Quái lạ, thế sao đêm vừa rồi tôi không thấy gì? Hay là vì tôi không nghi ngờ gì nên không bị cái nát đảm nó mê hoặc...

- Tiên sinh vẫn cứ nói đến mê hoặc mãi...! Nếu tiên sinh có vô tình vào qua miếu ấy thực mà không việc gì thì đó chẳng qua là thần minh còn che chở người ngay, nên phúc thần mới hộ vệ tiên sinh mà không cho lũ yêu quái gần đến... chứ từ xưa đến nay, có ai dám bén mảng đến đây đâu. Nhưng tôi xin tiên sinh chớ có tin ở vẻ tầm thường của chùa Đàm theo như ý tiên sinh nghĩ.

- Thế thì lạ thực! Trong trời đất lại có những việc khác thường đến thế ư? Nếu vậy đêm nay tôi quyết vào đó rình xem...

- Tôi can ngô huynh đấy. Để mặt họ, hơi đâu mà trêu họ cho mang vạ vào mình.

Nhưng Đàm tiên sinh khuyên bạn thế nào cũng không được, ông Nguyễn cứ một mực rằng:

- Tôi vì nghi hoặc lắm, không đành tin một điều có vẻ huyền hoặc như kia. Nếu có xảy ra điều gì bất lợi cho tôi, tôi cũng không oán thán.

Cơm nước xong chuyện vẫn một lúc lâu, rồi ông Đàm chỉ lối cho ông

Nguyễn đi lên Bắc thượng. Ông xin lỗi rằng không thể cùng đi với bạn được và hẹn đến chiều sẽ lại hội diện ở nhà.

Chiều hôm ấy, ông Nguyễn ở Bắc thượng về, ông Đàm liền hỏi đến chuyện đi tìm Cao sỹ, ông Nguyễn nói:

- Tôi lên núi, đến cửa không tự thì gặp một người tiểu đồng đón hỏi rồi dẫn tôi vào... Cao sỹ tráng cốt cách như tiên, da hồng tóc tuyết, cư chỉ tự nhiên lắm, tiếng người nói trong trẻo mà rất khoan thai đồng dục. Tôi đem mấy điều dự sẵn để thỉnh giáo, nhân lại hỏi đến việc ma quái ở chùa Đàm. Nhưng người không nói nhiều, mà lời nói ý nghĩa cao thâm quá. Tôi đoán chắc mới nhất kiến nên mình chưa xứng đáng được người dạy bảo cho. Tôi cáo từ rồi lui xuống tìm vào thăm ông huyện Đào Đình Khê là một người tôi vẫn hâm mộ.

- Phải ông ta là người lỗi lạc và thanh liêm lắm, nhưng tôi không muốn giao tiếp, và nghĩ mình thì thanh bản...

Mâm rượu bùng lên, hai ông bạn lại vừa chén tạc chén thù vừa nói chuyện. Ông Đàm ngỏ ý lưa bạn ở lại ít bữa nhưng ông Nguyễn xin từ chối và nhất quyết đi khám phá những việc lạ trong chùa Đàm.

Cản ngăn thế nào cũng vô hiệu, đến khi mặt trời ngả bóng, ông Đàm ngại ngừng đi tiễn bạn ra khỏi thôn. Lúc chia tay, Đàm tiên sinh lại hết lời khuyên giải lần nữa. Ông Nguyễn phải bật cười lên mà rằng:

- Sao tiên sinh phải lo sợ quá như thế? Người xưa dẫu phải bao phen nguy khổ cũng không ngại, miễn là tìm biết được điều hay. Đây chả là một sự lạ đáng biết ư? Tôi muốn tin lời tiên sinh mà vẫn còn chưa hiểu các việc kỳ dị, vậy tôi đi xem cho hiểu chứ sao?

- Nếu vậy, xin vĩnh biệt, thân người là trọng mà tiên sinh không muốn giữ gìn, tôi cũng không dám can ngăn.

Nguyễn công thì mỉm cười lên đường, còn Đàm công đứng trông theo, cau mày lắm bầm mấy câu rồi cũng trở vào.

## **Thấy Yêu Quái**

Bấy giờ vào khoảng gần canh ba. Khu miếu trơ trơ ở giữa chôn đồng không bát ngát kia dốc ngược cái hình lù lù sẫm đen xuống mặt nước đầm bên cạnh.

Mảnh trăng cao không bị mây ám dải cái ánh sáng rõ ràng lạnh lẽo xuống trăm nghìn mẫu ruộng trắng xanh. Chốc chốc một làn gió thoáng đưa như phảng phất qua lại những vong hồn không ai trông thấy.

Trong miếu thì om tối. Lác đác dưới đất mấy vùng ánh sáng mờ đang cử động theo bóng lá chen xít nhau. Từng trận gió ào ào trên các đầu cây nghe như những tiếng thở dài lớn. Trong bụi lồi dưới chân cỏ các thứ dế đua nhau trình trích từng lúc rồi lại im, điếm vào những giọng giun kêu rừ rừ rất dài, rất lâu, rộng rãi điều hòa như cái yên lặng.

Lúc ấy trong chùa thấy có một ngọn lửa nhỏ không cử động, Ngọn lửa nhỏ quá, đến nỗi không đủ soi ra ngoài cái bệ phẳng lý. Ngọn lửa ở đó được gần nửa trống canh. Trước khi hiện ra, cứ thấy nó từ từ ở trong chỗ đen mù đen mịt tiến gần lại, trước nhỏ, sau to dần. Mà xem như không có người đem ra, hay có thì người ấy vô hình hơn đêm tối. Khi nó đứng lại, nhìn rất kỹ thì mới biết đó là một thứ lửa đèn. Nhưng ngọn bắc lại nhô lên cháy ở giữa đĩa, nên trông hình như cái đèn ấy không có đế và đứng lửng lơ trên không.

Không có một tiếng động nào qua. Những giọng rì rào ở bên ngoài như bé dần, như biến đi, làm cho vùng đen tối thêm nặng nề, thêm độc ác. Bỗng thấy rúc rích như chuột chạy ở chân tường... Ngoài hiên mấy chiếc lá khô rơi.... một con dế trong xó sẻ rụt rè kêu. Rồi tất cả im thin thít.

Một bàn tay đen sì to tướng thò ra, năm ngón quều quào trên ngọn đèn, ánh lửa chiếu lên làm cho lòng bàn tay mờ mờ đỏ. Một bàn tay nữa vừa đến nằm lên trên bàn tay trước, thì bốn năm thằng quỷ hiện lên ngồi vây lấy chung quanh cái bệ. Chúng che khuất hẳn ngọn lửa và châu đầu vào nói chuyện với nhau. Chúng nói không ra lời, chỉ thấy lấp bắp phì thảo mọi lúc.

Ông Nguyễn thấy trống ngực đánh thành thạch, ông nín hơi thở lại thì quả tim lại đập dữ hơn. Ông ta nấp ở sau một cánh cửa vẫn mở, chỗ ấy đen tối

như mực, giơ tay lên đến mặt cũng không trông thấy gì. Nhưng từ chỗ ấy ông ta có thể xem xét được hành động của lũ "yêu quái".

Chúng nó vẫn châu đầu nói chuyện với nhau bằng hơi gió. Hai thằng quỷ quay lưng lại, nên ông ta chỉ thấy hình hai cái đầu yên lặng trên hai cái lưng to lớn và đen. Ba thằng ngồi ở phía bên kia thì ông ta trông thấy mặt: mặt xanh như nhuộm phẩm, miệng đỏ và cực rộng, ở dưới những đám lông rậm xơ xác không ra hình râu. Chúng nó để tóc xõa xuống vai, nhưng có một đứa quay mặt ra thì bịt trên đầu một thứ khăn xanh thắt ở sau gáy.

Lúc ấy hai cái tay trên ngọn đèn là tay của thằng quỷ bịt khăn xanh đã kéo về để lên bệ. Ông Nguyễn thấy nó gật gù mấy cái rồi đưa mắt cho mấy thằng kia trông về chỗ ông ta nấp rồi lại rì rầm nói nhỏ hồi lâu. Đang hết sức lắng tai nghe thì bỗng thấy chúng "Hà hà!" lên mấy tiếng. Rồi lại rì rầm bàn nhau nữa. Sau thằng quỷ bịt khăn xanh thì thào lên một thôi một hồi những tiếng nói lớn hơn trước, nhưng nghe vẫn như tiếng người hết hơi. Lũ quỷ liền rút năm con dao nhọn và sáng giơ lên rồi cùng đứng cả dậy. Ông Nguyễn nghe thấy tiếng cười khàn khàn như ở trong những cổ họng bị cắt đứt:

- Hà hà!

- Hà hà! hà hà!

Ông ta hết sức cẩn thận sẽ đứng lên. Rồi vung một cái, chạy ra cửa, nhưng liền bị hai tay bóp lấy cổ đun ông ta lại; một thằng quỷ nữa vẫn đứng rình ở ngoài. Bấy nhiêu đứa liền nắm lấy ông ta khiêng để lên bệ. Ngọn đèn lúc ấy đã khêu lớn, một thằng đang cầm ở tay giơ lên. Ông Nguyễn dẫy dựa thế nào cũng không ra, ông kêu không thành tiếng nữa. Ông bị những bàn tay như sắt ghì chân tay ông xuống, người ông nằm ngửa, cứng như xác chết; ông nhắm nghiền mắt lại sẵn sàng da thịt đợi cho lũ quỷ xé ra tan tành. Bỗng thấy một thằng nói lên, nói tuy sẽ, nhưng lần này thực là tiếng người:

- Mở... mắt... ra!... Mở... mắt...!

Ông Nguyễn vô tình vâng lời, mở mắt ra thì thằng bịt khăn xanh cúi xuống gần mặt ông ta mà thở, ông ta ngơ ngác liếc quanh liếc quẩn rồi lại

nhìn rõ vào mặt nó. Nó liền rách mồm ra cười một cách ghê gớm mà nói:

- Ai bảo mày... cả gan... vào đây?

Nguyễn công điên tiết quát lên:

- Chúng bay tụ nhau ở đây chỉ có việc giết người ăn thịt thôi phải không?

Một đứa rên rĩ trả lời:

- Chính phải, rồi... chính... phải!...

- Thế thì chúng bay ăn thịt tao đi!

- Hãy yên... mày... chưa được chết vội!

Ông Nguyễn hét rất lớn:

- Thì giết ông đi! Giết đi! Giết đi!!!

Thằng quỷ đội khăn xanh trợn mắt nhìn như đăm vào mặt ông ta. Nó nói:

- Không nói to... Đợi đó!

Rồi ông bị nó chẹn lấy cổ, chân tay không nhúc nhắc được; người rùn cả ra. Lũ yêu quái lại thì thào với nhau một hồi. Ông ta biết rằng nó bảo nhau sắp giết mình, nên lừa lúc bất ngờ, vùng lên cùng với một tiếng hét dữ dội. Chúng nó ồn ào xúm nhau lại giữ. Ông ta thấy mấy nhát dao đăm hụt vào lưng với bên gáy, bèn nắm tay đánh tung ra tứ phía. Bỗng ngọn đèn tắt hẳn, rồi thấy ánh lửa sáng rực hiện lên. Trên bốn mặt tường, những bóng đen cực lớn chạy rất nhanh giữa những tiếng kêu gọi xôn xao, nhìn ra thì lũ quỷ đã bị mấy người trói dật cánh khuấy. Ngoài cửa chùa lại thấy gần một chục người, tay gươm tay đuốc xông vào.

- Các người là lính của Đào huyện quan sai đến phải không?

Lính thưa:

- Bẩm cả Đào đại nhân cũng đến.

- Thế đâu?

- Bẩm ngài, quan cùng mấy người xông vào trong kia bắt nốt.

Nói dứt lời thì huyện quan và hai tên lính dẫn thằng quỷ đội khăn xanh ra.



Quan huyện Đào cười và nói với Nguyễn công:

- Bây giờ tiểu đệ mới biết rõ mặt các vong hồn!

Nguyễn công sửa lại đầu tóc, quần áo xong, đáp:

- Nếu không có ngài đến cứu thì tiểu đệ cũng bị giống yêu quái này giết chết, tiểu đệ xin nhớ ơn mãi mãi.

- Ngô huynh dạy quá. Đó là chức trách của tiểu đệ, ngài bất tất phải nói đến việc hàm ơn.

Huyện quan lại ngảnh trông lũ quỷ:

- Các "vong hồn" oan uổng đói khát quá, nay ta đem về huyện cho nơi ăn chốn ở hẳn hoi. Quân bay! "rửa mặt" cho chúng!

Tức thì bằng ấy thằng quỷ bị vật hết râu và chùi sạch phần nhọ bôi trên mặt. Nguyễn công trông vào thằng chúa quỷ đội khăn xanh, kêu lên một câu kinh ngạc:

- Đám tiên sinh!

Huyện quan gật đầu, cười mà nói:

- Phải. Đám tiên sinh, hay là Ba Đen (vì trong bọn vẫn gọi bằng cái tên hiệu ấy). Bọn này Ba Đen đứng đầu, được bộ hạ vâng phục lắm, vì y táo tợn giáo quyết biết chừng nào... Chúng nó có mười bốn thằng tất cả, nhưng đây mới là những tên ghê gớm nhất. Cả bọn thì một nửa là quân cường bạo hợp lại, còn một nửa là tuần đinh ở roáv làng gần đây. Cái ý kiến giết sư cướp chùa làm sào huyết, rồi bày ra những câu chuyện yêu quái như thế là chính Ba Đen nghĩ ra. Thực y đã khéo lấy những điều huyền hoặc sợ hãi để che kín những việc hành động của mình. Sào huyết của chúng ở đây, nhưng chỗ chúng đến ăn cướp lại ở xa lắm. Bởi thế sau những án giết người lấy của, dò xét thế nào cũng không ra. Ai có ngờ đâu rằng bọn cướp kia chính là lũ yêu quái này - lũ yêu quái giả mạo!

Nguyễn công đứng lặng thinh ở giữa đám người cầm đuốc. Việc xảy ra là một việc kỳ quái hết sức, đến nỗi ông ta không biết có nên tin những điều mắt thấy tai nghe vừa rồi không! Đám Văn Cương lại là tướng cướp ư? Lại

là người chực giết cả ông ta ư? Lòng người đến như thế thì mắt nào soi suốt được?

Ông huyện quan lại tiếp:

- Đàm tiên sinh (hay là Ba Đen) khôn ngoan đến như thế, song vẫn có điều sơ xuất: Ba Đen cứ tưởng rằng trong bọn ai cũng kinh sợ hắn, lại tin rằng thủ hạ hắn đã uống máu ăn thề rồi thì không đứa nào dám làm phản nữa. Nhưng Đàm tiên sinh lầm. Cái lòng tham lam chỉ muốn vợ của cho đầy, muốn cướp hết cả phần của thủ hạ mình với cái lòng độc ác chỉ thêm giết cho nhiều mạng kia, đã khiến cho một con yêu giả trong chùa này phải cắn hờn, phải hối hận. Con yêu ấy tên là Trần Văn Thịnh (cả bọn cướp đều sùng sốt). Phải, Trần Văn Thịnh, tuần tráng ở làng trên. Chiều hôm nay, chính sau lúc ngô huynh ra khỏi huyện đường ít lâu, bản chức đang ngồi ngẫm nghĩ về câu chuyện ngô huynh ẩn mưa trong chùa Đàm thì thấy lính dẫn tên tuần tráng ấy đến. Nó quì xuống thú hết các tội, rồi tố cáo các việc sát hại của bọn chúng với các việc "hiển hiện" ở chùa Đàm. Bản chức hỏi cặn kẽ tên Thịnh, xong lại nói cho nó biết ngô huynh vào khám phá ở đây. Nó vội thưa với bản chức rằng nếu ngay đêm nay không bắt được bọn cướp này thì thế nào ngô huynh cũng bị hại.

Bản chức đem lính đến nơi cho vây kín bốn mặt thì vừa lúc nghe tiếng ngô huynh hét. Lúc xông vào bắt thì Đàm tiên sinh là người trốn trước nhất, không muốn cho bản chức được cái hạnh ngộ tiếp kiến ngài... Nhưng lính của bản chức đã bít hết các lối, mà bản chức lại biết hết các ngách hiểm hóc ở sau chùa rồi, nên Đàm tiên sinh không thoát đâu được.

Nói đoạn ông truyền cho lính trói cả năm tên cướp lại làm một bọn và quay lại mời Nguyễn công cùng về huyện đường. Nguyễn công vừa buồn vừa giận. Ông thở dài mà theo quan huyện, miệng mỉm cười một cách chua chát mỉa mai: "Ồ! Có ai ngờ! Có ai ngờ đâu rằng cái khoảng mười năm xa cách đã thay lòng người cố hữu đến như thế!... Mà cũng là người có học, biết rộng! Có học để thêm quý quyết, để bày ra mưu sâu chước hiểm, để khéo rào khéo chống; đối với những việc ghê gớm dị kỳ mà chính mình bày ra, chính

mình gây nên, y khéo làm như người ngoài cuộc, để che mắt trần gian. Cái lòng nham hiểm với cái trí quỷ quyệt kia nếu không vì một sự tình cò có người khám được ra thì không biết sẽ ra biết bao nhiêu tội ác nữa".

Đàm Văn Cương lúc ấy đứng ngoài hiên chùa bị trói dật cánh khuỷu cùng với bọn đồng đảng, búi tóc buột rũ xuống hai bên vai. Lúc Nguyễn công bước qua trước mặt y, thì y vẫn ưỡn ngực một cách ngạo nghễ, không tỏ ra vẻ gì là lo sợ, hối hận. Nhưng khi đôi mắt nghiêm khắc của Nguyễn công trừng lên nhìn thẳng vào y thì họ Đàm hơi biến sắc, se sẻ cúi đầu xuống và mắt liếc ngang.

Nguyễn công toan đem bao nhiêu lời căm giận mà mắng cho giống sài lang kia một hồi. Song ông chỉ mím môi mà đứng lại giây lát trông y một cách rất khinh bỉ, rồi vừa thở dài vừa bước ra.

## TIẾNG HÚ BAN ĐÊM

Tiếng hú đưa từ phía rừng Sam Na lại. Đêm nào mưa gió thì nghe rõ từng hồi một: trước còn thấp, sau bổng cao, kéo dài ra, rồi chìm biến vào trong bốn bề rừng núi. Trời đất âm thầm lạnh, vì hồi ấy về cuối thu. Tiếng hú đưa lên ai oán thảm thê, tưởng như giọng ba bốn đứa trẻ xác xơ đang ngồi trên bãi vắng hay bờ lau mà gào mẹ chết.

Người Mán Khao-la ngủ không yên giấc, đêm đêm nằm trong khiếp sợ mà lòng mê tín của họ làm tăng mãi lên.

Bởi vì trước đó không lâu, trong làng có nhiều điều quái dị xảy ra như đitruớc đón đường cho tiếng hú bí mật. Rừng Sam Na là một khu rừng lớn, người Mán thường ngày vào săn bắn những cầm thú nhỏ và khai phá những của thiên nhiên. Bỗng dưng đã một tháng nay có một con hổ cái hung dữ lạ thường, chẳng biết từ đâu về rừng đó ở. Con hổ to lớn khỏe mạnh lắm, giữa ban ngày cũng dám ra bắt súc vật của dân Mán - có khi lại vồ cả người. Đến những thiện xạ xưa nay vẫn làm tai làm họa cho thú rừng cũng nhiều lần bị khốn vì con hổ cái. Họ tìm đủ mọi phương kế: nào vây đón, nào bẫy cạm mà không tài nào bắt được - lần nào hổ cũng thoát rất dễ, lại còn tha được cả mồi đi. Người Mán thường coi hổ háo chỉ như một con chó dữ mà bây giờ nghe tiếng nó gầm cũng phải run sợ. Cùng một thời kỳ hiện ra cái nạn rừng ghê gớm này, một người đàn bà với một cô con gái làng khác đến ở ngụ. Xem chừng là hai mẹ con. Hai người dựng một cái lều tận đàng xa, bên một cái cụm cây lớn, ở ngay cửa rừng. Như thế hình như nhà này muốn cách biệt hẳn với thôn xóm ở đây. Cả một làng dăm ba mươi nóc, chen xít nhau trong đám cây cối dưới sườn một quả núi thấp và quay mặt hướng về Sam Na. Dân cư vẫn giúp đỡ nhau, thân cận nhau, nay đột nhiên có người ở đâu đến, lại ra ý ty hiềm chia rẽ, thì ai cũng phải cho là những nhân vật lạ lùng.

Không ai hiểu tính tình hai mẹ con nhà ấy. Mà từ khi rừng thành dữ không mấy người dám đến, nên không biết họ ăn ở ra sao. Chỉ những ngày phiên chợ mới thấy hai người ra mặt, họ gánh củi từ cửa rừng đem ra chợ đổi

lấy gạo muối về nhà. Người đàn bà trong vòng năm mươi tuổi, váy ào màu chàm đã bạc, bao giờ cũng dúm núm, xóc xếch, người khô xác, thấp bé, chỉ tinh nhanh ở hai con mắt sắc rất linh động, nhưng lúc nào cũng gườm gườm. Cô con gái độ mười bảy mười tám, ăn mặc gọn ghẽ, nét mặt xinh xắn và có vẻ e lệ ngây thơ. Cô ta theo sau như bám lấy bà mẹ. Các cậu trai tân ot trong làng ra chợ cậu nào trông thấy cô ả cũng phải ngây ngất mà nhìn hoài. Họ thích cánh và cười vụng với nhau, nhưng không cậu nào dám toe toét lả loi, tỏ ra ý mon men trêu ghẹo cô bé. Vì có mục già đây: mục sẽ trả lời lại những lời trai lơ kia bằng một cái lườm nguýt khinh bỉ và hần giận đến rùng mình. Anh nào to gan, không sợ cứ sấn gần đến cô bé, tức thì mục rửa cho như khạc lửa vào mặt rồi chẳng đổi chác thì chớ, cầm ngay lấy tay cô bé, cật gánh củi, một mạch đi về.

Người Mán vốn đang đột thật thà, không có lòng hiểm độc ghen ghét, nhưng thấy cái thái độ lạnh lùng và kỳ dị của mục già khô khan kia họ chẳng khỏi sinh bụng nghi ngờ. Vì thế, sau những buổi chợ, hoặc khi ngồi chuyện vãn với nhau, người Mán thường chỉ bàn tán đến chuyện hai mẹ con người đàn bà lạ mặt. Trước thì còn bảo đó là một mục ké cay nghiệt, hiểm ác sau cho là một mục dí cây thuốc độc ở móng tay. Nhiều người chắc thế nào nhà mục cũng có thờ ma. Rồi mỗi ngày để thêm ra những điều quái gở để gán cho mục. Điều kỳ quặc đến đâu cũng không ai cho là thái quá, thậm chí có người dựng đứng lên bảo rằng mục đàn bà ấy là một con hùm tinh. Mọi người liền tin theo, mà tin như thế một cách vững vàng, như là chuyện hiển nhiên trước mắt. "Phải, chính nó đấy, chính nó là con hùm trong rừng, nó bé thành con mục ké với đứa con gái đẹp để đánh lừa chúng ta đấy. Ta cứ để yên rình lúc nó vô ý nắm ngay lấy đuôi nó là bắt được, vì con mẹ này có đuôi!".

o o o

Bỗng nhiên mấy phiên chợ sau cùng, người ta không thấy mặt mẹ con mục ké nữa. Mà từ ngày mục ké không ra chợ thì dân cư bắt đầu nghe thấy tiếng hú ban đêm. Người Mán lại càng tin mục ké không phải là người thật. Họ chắc mục ké biết đã lộ việc kín, nên không dám giao tiếp với người trong làng

nữa, từ nay đành phải giữ nguyên hình. Thế rồi thường thường trong những lúc buổi tối quây quần, nhà nào nhà ấy đóng cửa cho kín, họ vây quanh ngọn đèn hay bếp lửa kể cho nhau nghe những chuyện hoang đường truyền khẩu từ đời này qua đời khác, những chuyện có một tầm quan trọng thần bí trong tâm hồn của dân đồng rừng.

Theo những câu chuyện họ kể thì trước kia ở Sam Na cũng có một con hùm tinh. Người ta thường gặp nó trên núi, dưới ruộng, trong rừng, nhất là ở các đường lối có người hay qua lại. Con hùm tinh ấy trèo được lên những cây cao, nói được tiếng người. Khi thì hát như ru em, khi thì khúc khích như đùa, khi thì than khóc. Thấy người nào một mình quăng vắng thì nó giả tiếng bà già hay đứa bé nheo nhéo gọi: "Thầy ơi, u ơi, ông ơi hay cô ơi...". Theo tiếng gọi, người ta thử nhìn xem thì hoặc ở sau lưng hoặc ở trên cây chỉ thấy một con hổ đang cười sằng sặc. Người kia khiếp sợ riu chân lại: hùm tinh cứ việc nhảy tới tha đi. Về sau con hùm tinh ấy như bị sét đánh chết, nên dân cư mới được yên cho mãi đến bây giờ.

Rồi đến nay, lại có một con nữa đến. Cái tiếng hú kia từ phía rừng đưa lại chẳng phải là tiếng con hùm tinh đó sao?

Một đêm kia, dân Khao la lấy làm kinh ngạc lắm. Có lẽ con hùm tinh đã đến lúc bày mưu chước để giáng thêm tai họa: Tiếng hú không thấy vắng đưa nữa, mà đêm hôm ấy lại tạnh ráo, không có tiếng mưa gió nào qua. Khắp làng Mán lạnh lẽo trơ trơ dưới ánh sáng non của mặt trăng còn khuyết. Cách rừng Sam Na bằng một bể ruộng, ngút ngát mấy chục nóc nhà xám chen úp trong những đám cây cối sẫm đen. Cái lo sợ nặng nề nhu bầu sương ẩm ẩm trong không khí.

Mọi nhà đều đóng cửa thật kín. Hơi có một tiếng động cũng tưởng là tiếng con hùm tinh đi qua.... Giả thử có ai đứng gọi xin lửa ở ngoài, họ cũng không dám mở vì biết là tiếng yêu quái hay tiếng người? Một vài nhà đánh bạo nhìn qua khe cửa phen trông ra. Bên ngoài vắng yên như cảnh chết. Trên những từng ruộng khô và trắng, chỉ thấy mấy đống rạ lớn ngời lù lù. Đàng xa dải rừng lặng ngắt mịt mờ vẫn giữ kín những cái bí mật.

Gần hết canh hai, bỗng nhiên từ phía làng xóm có một toán sáu bảy người lực lưỡng rảo cẳng đi về mạn Sam Na. Đó là bảy người đi săn giỏi và khỏe nhất trong làng Mán. Họ tiến lên những bước mạnh bạo và yên lặng, mấy người đi trước cầm dao lớn, ba người đi sau mang một cuộn giấy dài.

Từ lúc trời bắt đầu tối, không thấy tiếng hú đưa ra, họ đã họp nhau ở nhà ông lang để bàn định. Họ nhờ một thầy pháp bện cho họ mấy sợi dây ngũ sắc và yểm phép vào dây để họ đem đi rình trói con mụ ké hay là con hùm tinh.... Những việc ác hại làm khổ dân làng đã quá lắm rồi, bây giờ không thể để cho con quái vật kia hoành hành mãi được nữa. Họ quyết lòng trừ cho dân làng một cái họa lớn. Không thì họ chết chứ không trở về.

Bọn người can đảm ấy tiến lên, không mấy chốc đã đến nhà mụ ké. Một người ra hiệu cho ai nấy nhẹ bước; dặn khẽ nhau hễ trông thấy con mụ già thì đem dây phép mà trói nghiền lại; rồi hễ vớ được đuôi của nó là giết phăng ngay đi.

Cổng ngoài mở, cửa phen cũng mở, trong nhà đen tối, nhìn kỹ thì như không có người! Bọn này đã sinh nghi, cùng đi ra lối sau nghe ngóng... Một người bỗng kéo áo người đi cạnh, trở vào một vật lù lù nằm ở sân sau. Mọi người nhìn xem, thì đều sớn cả gai ốc. Bên cái vò nước, dưới ánh trăng mờ, một con vật lông vằn nằm không cử động... Không phải chỉ một con, coi lại thì như ba bốn con nằm đó, mà con nào cũng như ngủ mê mết không biết gì. Ghê sợ quá, họ cùng nhau hết sức nín tiếng mà lùi - "Vô phúc nó trở dậy bây giờ thì chết cả" - Cũng có người sực tỉnh khẽ bàn nên nhân lúc nó còn ngủ đem dây ngũ sắc trói lại cho mau. Khôn nỗi chưa mấy ai hoàn hồn! Đột nhiên gặp thấy cái cảnh bất ngờ ấy thì táo tợn đến đâu cũng phải núng. Và lại, con mụ ké là yêu tinh, nên nó khôn lắm. Biết đâu đó chẳng là một mưu chước nó bày ra để lừa người?

Trước họ tiến lên cẩn thận bao nhiêu thì nay họ thoái bước cũng cẩn thận chừng nấy. Người nọ bám lấy người kia thực chặt. Bỗng thấy gầm lên một tiếng cực lớn, nghe rất dữ dội. Bọn con trai không còn hồn vía nào. Họ nhảy chوàng lên, cùng kêu thét như bị vút vào lửa. Tiếng gầm kia lại rống, ngày

một gân, một lớn, một gập, như vỡ trời đổ núi bên mình. Anh nào anh nấy cũng mong thành cánh ở chân, tranh nhau cắm cổ chạy về làng, lăn cả xuống rãnh, chui cả vào cây, đâm vào cả bụi rậm.

Về đến làng xóm thì vừa hết cả sức, họ gào lên những tiếng khàn, líu lưỡi lại mà gọi, đập cửa như phá rồi vào nằm vật cả xuống đất, thở không ra hơi. Bên ngoài, không có gì đuổi theo, nhưng tiếng gầm vẫn hét vang cả một phía rừng. Sam Na như chuyên động, như có bao nhiêu hồ báo cùng vật lộn xâu xé nhau. Cho mãi đến quá nửa đêm, tiếng gầm rông thưa dần và yếu dần, rồi tắt hẳn. Bốn bề dân làng trong sự im lặng kinh hoàng vẫn tưởng như tiếng hú mọi đêm còn vẫn vơ trong hơi gió.

Kể từ hôm ấy, người Mán Khao la lại càng thêm lo sợ. Họ biết thế nào cũng sẽ có những tai họa phi thường. Nhưng lạ thay! Hết ngày ấy sang đêm khác, dân làng cứ mật mật mà sẵn chờ những điều ghê gớm không xảy đến bao giờ.

Tiếng hú trong rừng thấy mất. Người Mán và trâu lợn của họ vẫn bình yên. Con hùm lớn cũng không thấy để lại một bóng vết nào qua. Hơn một tháng rưỡi trời, mục ké hay con hùm tinh biến đâu? Chết rồi chăng? Hay đi nơi khác. Mà hùm tinh chết hay đi nơi khác, dân làng đã hẳn được mừng chưa?

Cái ngờ vực ấy náy vẫn như tiếng vang còn lại của bao nhiêu điều khiếp sợ. Cách đó hơn hai tháng cũng chưa ai dám đánh liều vào rừng xem. Đến nhà mục ké cũng không ai bén mảng tới. Mục ké với người con gái đẹp cũng không thấy ra nữa. Người Mán thảo nhiên kết luận rằng:

"Phải rồi, con mục ké ấy chính là con hùm tinh, con hùm tinh ấy nó bỏ Sam Na nó đi vì dân Khao la có thầy pháp, có quan tang, dân Khao la khôn hơn con hùm tinh ấy".

Đó là việc có thực xảy ra ở làng Khao la ngày trước, đến nay dân Mán vùng đó ai cũng biết, ai cũng nói lại, từ người già cả cho đến bọn trẻ con. Nhưng chuyện thực sao lại có lăm vè hoang đường quá như thế?



Người Mán không cần biết; họ chỉ vững tin những điều họ tưởng, những điều mà lòng mê tín của họ cắt nghĩa ra thôi.

Bởi vậy duyên do câu chuyện này không mấy ai cho là thực.

Người đàn bà Mán mà họ ngờ cho là hùm tinh ấy nguyên là người ở một làng xa, cách đó những gần hai ngày đường. Bà ta góa chồng từ năm ba mươi tuổi. Nói là góa, nhưng thực ra thì bà ta bị chồng lừa: lấy nhau chừng một năm, đến khi bà ta có mang thì người đàn ông bỏ nhà đi mất.

Bà căm tức lắm, nguyện rằng hễ sinh con trai thì giết chết ngay.

Nhưng đứa trẻ ra đời lại là con gái. Bà ta mới đổi oán làm mừng, nung niu chăm chút con thơ và ra sức làm lụng để nuôi cho nó khôn lớn. Người con gái ấy là cái hạnh phúc của bà mẹ: nó làm cho sự sống của bà ta có nghĩa và thay cho cái ái tình đã chết đi. Mẹ đặt tên cho con là Mi Nàng, bỏ tên chồng nhận lấy tên ấy để tỏ ra hai mẹ con như một.

Nhan sắc trong trẻo của Mi Nàng cùng tăng lên với ngày tháng. Năm Mi Nàng mười tám tuổi thì trong làng có người đem rất nhiều của cải đến xin kết hôn. Bà Mi Nàng không nghe. Cô ấy tuy bằng lòng nhưng cũng từ chối. Mi Nàng ngây thơ lắm. Bên con trai tìm cách dỗ dành không ngớt. Rồi trong vòng bảy tám phiên chợ làng, những tiếng hát ái ân của họ đã làm cho người thiếu nữ phải say mê. Mi Nàng một khi sa ngã, rất hồ thẹn ăn năn, bèn đem sự lòng thú thực cả với mẹ. Bà mẹ tức khắc sang điều đình với bên kia nói là thuận gả con gái. Nhưng anh con trai giở mặt, muốn bà ta đem Mi Nàng biểu không cho mình. Bà mẹ tím mặt lại vì giận, nhớ đến người chồng mà bà ta coi như đã chết rồi, nhớ đến con người đã lừa dối tình phụ. Bà ta trở về, không nói năng gì cả. Đến đêm lăm lăm thanh đao rùng ở tay, bà ta đứng rình ở một chỗ khuất rồi xông ra chém một nhát vào sau gáy thẳng con trai kia. Giết nó xong, không hồi hận, không sợ hãi, người đàn bà Mán sóc ngay cái xác còn đeo lưng lẳng cái đầu ma, đem về vất ra sân vườn, rồi vào gọi con gái vác nải gạo, với bọc quần áo đi trốn.

Hai mẹ con trông thẳng mạn Sam Na đi suốt đêm, đến chiều tối hôm sau

thì tìm chỗ tạm nghỉ. Bấy giờ bà mẹ mới cầm hai má cô con gái mà nhìn. Bỗng nước mắt tràn ra, rồi ôm chặt lấy con khóc rung rúc:

- Mi Nàng! Mi Nàng! Nong khon nó muốn đánh lừa mẹ, đánh lừa con, mẹ đã chém Nong khon cho nó chết.

Rồi bà ta lại khóc như muốn lấy tiếng nước nở để nói nốt bao nhiêu lời. Mi Nàng cũng khóc, có lẽ nửa thương tình nhân bỏ mạng, nửa thương bà mẹ phạm tội ác vì yêu dấu cô ta.

- Mi Nàng ơi! Mẹ với con đi xa, đi trốn; ở đây làm gì với những người nó chỉ chực cướp sống con gái của mẹ. Con nghe chưa?

- Con nghe rồi. Con cũng... muốn thế...

- Ừ! Thế thì hay lắm, mẹ với con đi rõ thực xa! Xa lắm. Rồi làm nhà riêng một nơi, mẹ đi làm, con đi làm, mẹ con nuôi nhau, con yên vui mà mẹ cũng vẫn được yêu dấu con. Mẹ sung sướng.

Đêm hôm ấy hai người đến dưới bóng một cây to, trải áo trên đám cỏ cao và sò sạt. Mi Nàng mới quá ngủ ngay, nhưng bà mẹ vẫn thức, vừa thở dài vừa xua muỗi hay kéo lại khăn áo cho con nằm yên.

Sáng hôm sau, hai mẹ con lại lên đường. Cô con gái thì đi trước xách bọc vải lớn; bà mẹ đi sau, khòm lưng địu một nải gạo nặng nề. Mi Nàng hai mắt đỏ hoe, chốc chốc lại ngảnh đầu trông lại, trông trời cao mây vẫn; trông rừng lá vây quanh, trông cái phía đường xa núi chắn, nó ngăn cách người con gái với chốn quê hương. Nhiều lúc cô ta gặp mắt bà mẹ. Bà mỉm cười cho con gái quay đi, rồi dăm dăm nhìn thẳng trước mặt, như tìm xét xem nơi nào mới chắc chắn, nơi nào mới kín đáo để mẹ con ẩn nấu mà nuôi nhau. Đối với lúc phải bỏ nơi sinh trưởng của mình, ai là người không buồn cảm? Nhưng bà mẹ Mi Nàng lúc ấy vui mừng lắm, vui mừng vì vẫn giữ được con gái là sự vui sống của bà ta. Từ ngày bị người chồng bỏ đi, bà ta chỉ biết lấy cái bông hoa quý này để làm cho đẹp cái cảnh đời thảm đạm. Bao nhiêu cảm giận người đơn bạc, nay vút đổ đi hết mà để lại trong lòng cái tình rất đậm thắm là tình yêu con. Người đàn bà ấy yêu Mi Nàng một lòng say đắm dữ dội, một

cách ghen tuông ích kỷ, như không muốn ai được dòm dò, không muốn cho ai được tấm tắc khen cô ta. Cái quả bầu kia, cái nhan sắc kia là của bà ta, của riêng của bà ta mà thôi, bà mẹ lấy làm đất chí mà chiếm giữ lấy một mình cái thú được yêu, được ngắm.

Đi chùng ngót một ngày đường nữa thì đến cánh rừng Sam Na. Thấy gần đây có nhà cửa dân cư, nên mẹ con quyết định lấy làm chỗ nương náu. Ở lẫn với người trong làng thì lại sợ cho con, nên bà mẹ Mi Nàng mới dựng một túp nhà nhỏ ở xa cho cách biệt.

Từ đó bắt đầu cuộc đời vất vả nhưng rất sung sướng cho bà mẹ. Sáng đi xới vườn, kiếm củi, tối về rau cháo bên ngọn đèn con. Sự ái ân với lòng thương xót ở đời có lẽ thấy cái hình ảnh cảm động nhất ở trong gian nhà tranh húp túp ấy.

Một tháng bốn ngày phiên chợ, bà mẹ lại dắt con gánh củi ra đổi lấy gạo muối và những thứ cần dùng. Đến nơi, đổi chác cho mau rồi về, bà ta rất gòm những trai làng nó chỉ giờ thói nhản nhờ để câu mắt con gái.

Mẹ con ở với nhau được hơn một tháng, mẹ kiên nhẫn, con chịu khó, cặm cùi suốt ngày quên cả nhọc nhằn. Thực là yên vui. Bà mẹ vẫn nhắc đi nhắc lại một mình rằng: "Suốt đời người, bấy giờ mới thực biết cái sung sướng". Tuy thế, trong lòng bà ta vẫn pháp phủng sợ, cho rằng mình không thể được sung sướng mãi. Cái phúc của bà cũng như giọt sương mai tuy đẹp đẽ, nhưng đến lúc rục rở thì tan mất - mà chỉ đậu trong khoảng một buổi sớm thôi! Người thiếu nữ là con gái bà ta kia trông yêu kiều nhan sắc quá! Bà ta nhiều khi chợt thấy như chỉ được làm mẹ nó để rồi thương khóc nó, chứ không được âu yếm nó trọn đời. Mi Nàng vẫn hết lòng tươi cười vui vẻ. Nhưng con mắt nồng nàn tình cảm của người mẹ ấy nó sắc sảo lạ thường. Trên khuôn mặt cô Mi Nàng bà vẫn thấy cái bóng mây buồn nó vương vít, cái nét đau khổ nó ần núp, nó cứ chực len vào đôi con mắt ươn ướt với cái miệng cười như cổ gọng của cô ta. Có khi đang cùng ngồi nhìn nhau, bà ta để cô ngồi một mình trong nhà, lặng yên ra núp một nơi, rón rén bước lại khe hở vách ghé mắt dòm qua mà xem mặt con gái. Những lúc đó, mặt Mi

Nàng chưa đôi sắc, vẫn còn giữ nguyên cái vui tươi vừa rồi. Bà mẹ thấy thế nhẹ bay lên vì mừng rỡ, chạy ngay vào bế lấy cô con gái mà nung niu hú hí trong lòng.

- Con yêu mẹ nhé, con thương mẹ nhé. Con khỏe đi, con lớn đi, con vui vẻ đi để cho mẹ sung sướng với con.

Rồi bà ta ôm chập lấy Mi Nàng, giấu đầu vào ngực cô ta mà không biết là cười hay là khóc. Mi Nàng cảm động lắm, càng ngày càng cố làm cho mẹ vui mừng hơn lên. Sau mấy lần rình xem như thế, bà mẹ mới hơi yên lòng, rồi lâu dần cũng quên hẳn được những điều lo ngại.

Mẹ con đã bàn nghĩ với nhau đến những kế sinh nhai khác cho cuộc đời thêm có thú và thêm dễ dàng. Xới thêm đất trồng các giống rau, đánh những cây có quả về chung quanh nhà, lại tìm lấy mấy cái tổ ong gây lấy mật. Rồi ra, nếu trời thương, hai mẹ con sẽ kiếm lấy mấy con lợn, con bò về nuôi, đợi cho sinh nở ra nhiều thì cũng dễ đổi chác với người làng lấy thóc gạo. Mi Nàng lại nghĩ thêm được mấy cách nữa, nào chần tằm, kéo sợi, rồi tìm cách đóng lấy một cái khung cửi nhỏ dệt lụa, dệt vải hay thêu thùa vá may trong những buổi không đi kiếm trên rừng.

Cô con gái tính cách nào mẹ cũng khen hay, nói đến câu nào cũng rất phải, bà già đã trông thấy trước cái cảnh tượng mới mẻ và sung túc trong cái chôn lều vườn bé nhỏ của mẹ con mình.

Chiều hôm ấy đang chém củi hái nấm trên rừng, bà mẹ Mi Nàng sực nhớ tới mấy cái bầy chim ở nhà nên bảo con đứng đợi, tắt tả chạy về lấy đem lên, Mi Nàng dặn theo: "Mẹ đem cả cái giỏ mới đan lên nữa nhé! Nấm này hãy còn non xâu vào dây thì rụng hết".

Lần này là lần thứ nhất bà để con một mình trên rừng, vì chỗ ấy gần nhà, bà ta lại lên ngay được. Tuy thế nhưng trong bụng vẫn thấy bồn chồn như sắp thấy một điều không hay. Chạy một mạch về rồi lại tức khắc chạy một mạch lên rừng. Đến nơi, Mi-Nàng đã không thấy đâu nữa. Bà ta chắc con gái đứng sau một chỗ khuất nào đó nên chưa muốn nghĩ đến cái nguy. Bụng bảo

dạ: "Không, con ta không việc gì đâu, không việc gì hết". Rồi tươi cười giơ mấy cái bẫy và cái giỏ ra, bà ta nói:

- Lạy ông trời nhé, ông cho mẹ con tôi đến chiều bắt được nhiều chim...  
Mi Nàng ơi! Giỏ đây rồi, bẫy đây... Ra đây mắc bẫy với mẹ.

Hai mắt bà mẹ Mi Nàng lộ ra vẻ sợ, mà miệng cứ mỉm cười:

- Con ơi, Mi Nàng ơi! Mi Nàng à!

Bà già bỗng thất sắc. Mặt nhăn như người chực khóc, tiếng gọi hơi run run:

- Mi Nàng, Mi Nàng đâu con?

Bà già liền đi quá vào chỗ con tìm nắm lúc nãy rồi cất tiếng gọi lớn. Các bụi cây quanh đó yên lặng không trả lời! Bà già cuốn cuồng lên, vứt mấy cái bẫy xuống đất, sấn vào trong đám lá rậm, đâm thẳng xuống bờ suối rồi tức tốc lại trở ngược lên, hai mắt mở trừng trừng, vừa chạy vừa nhìn hết mọi chỗ, miệng thì mấp máy không ra lời; chốc chốc lại gào lên mấy tiếng gọi:

- Mi Nàng!... Mi Nàng!... Mi Nàng!!!...

Trời đã gần tối, tìm Mi Nàng không thấy được nữa, bà già bỏ cả củi, cả nắm, cả bẫy, không thiết gì hết, vừa khóc thê khóc thảm, vừa lều thều về nhà. Bây giờ vẫn còn chút hy vọng! Vào trong lều: vắng ngắt. Trông khắp bốn phía, nhìn cả xuống gầm chõng, lục cả sau đám chăn áo: không thấy đâu! Không thấy đâu! Con gái bà già hẳn bị hổ bắt mất rồi. Thế là xong, thế là biến mất cái vui sướng mà bà ta đã tốn biết bao nhiêu công lao mới được hé thấy...

Bà già bỗng thét lên khóc rồi văng mình xuống chân chõng, dứt tóc, cào đất, vùng đứng dậy rồi lại gieo mình! Khóc đã khản cổ, đã mất cả tiếng; tâm thần muốn cho say mê để quên khổ, trời đất muốn cho tan nát để mình tiêu diệt theo... Trong lúc đau đớn, mình khóc gào như vẫn nghe thấy con gái sùi sụt, như trông thấy con gái đứng ở tận những quả núi nào đang cứ vùn vụt lùi xa... Bỗng lại vùng đứng lên, bà già đâm bổ vào trong rừng, đầu thì lắc, mồm thì há, tay thì múa, chân thì lão đảo, rồi ngòi xuống bên một bụi cây

âm tối nói cho nó nghe những lời kỳ quái như không phải tiếng người. Rồi lại đứng vươn thẳng mình trong giữa cái cảnh thâm thì bí mật ấy, bà ta quắc mắt nhìn đây nhìn đó, quần áo sốc sếch, đầu tóc bù rối, ghê gớm, độc ác như hình tượng của sự căm hờn. Đứng như thế một lúc lâu, không nói năng gì, rồi chân nam đá chân chiêu, bà già lão đảo về nhà nằm vật lên trên mặt chõng.

Sáng hôm sau, bà mẹ Mi-Nàng chợt tỉnh cái giấc mê mệt mà bao nhiêu đau đớn đã làm cho ngất đi từ đêm qua. Bà ta ngồi dậy khóc lóc một hồi. Thoắt nín bật, mắt môi lại, bà ta đai lưng vắn tóc, cầm lấy con dao rùng lăm lăm, rồi bước ra. Trên mặt không còn ngấn nước mắt chảy, chỉ thấy hiện ra một vẻ dữ tợn lạ thường. Bà ta xông thẳng vào rừng, từ cái chỗ vớt những bầy chim hôm trước đi trở lên, rồi cứ đi sâu vào mãi, theo một đường cây lá rẽ ra chỉ để vừa lọt được một người. Đến một chỗ ánh sáng soi xuống nhiều nhất, người đàn bà đứng lại, chăm chú nhìn như mới trông thấy vật gì quái gở lắm. Cúi xuống nhặt, thì ra đó là những mảnh áo chàm thẫm máu, những mảnh áo của Mi Nàng! Bà già mặt tái đi như người chết, răng nghiến lại, rít lên một tiếng tương đứt ruột, rồi vừa nguyên rủa vừa cầm đầu bước lên.

Suốt một ngày hôm ấy bà mẹ Mi Nàng không lúc nào ngơi chân, chúi vào các bụi cây, len qua mọi chỗ rậm rạp, liồn tay chém những dây dợ chằng chịt nó soắn suyết dưới chân và những cành lá đâm ngang trước mặt; luôn mồm vừa chửi vừa nói:

"À phải, à phải, bà không có sợ mày, bà giết chết mày! Giết chết mày bằng được, bà mới nghe".

Cái giọng nói với cử chỉ của bà Mi Nàng quả quyết và đáng sợ đến nỗi giá con hổ lớn ở Sam Na có nghe thấy chắc cũng phải rùng mình. Vì chính nó đã vô mất người con gái.

Từ ngày hai mẹ con nhà này đến ở đây, con hổ ấy vẫn có ý dòm dò nhiều lần. Nhưng bà ta đã phòng bị sẵn. Ban đêm thì trong túp lều vẫn có đống lửa cháy sáng làm cho nó phải xa lánh. Ban ngày thì nó lại sợ tiếng cái ống nứa ngộ mà lúc nào bà ta cũng đem theo. Và lại cái vẻ mạnh bạo của người đàn

bà Mán hình như đã có một oai lực làm nhụt hẳn cái dữ tợn của con quái vật. Hai con mắt bà ta lúc nào cũng như lửa, hình như vẫn coi chùng cái nguy hiểm, mà nếu gặp phải thì bà ta sẽ một tay ôm giữ lấy con, một tay múa con dao rùng ra tứ phía như vung ra bao nhiêu cái đảm lực thiêng liêng của tình mẫu tử. Chết thì bà ta liều chết, chứ chạm vào con gái bà ta là không xong.

Không ngờ cái lúc bà mẹ Mi Nàng để con gái một mình lại là lúc con hổ vẫn chờ đợi. Bà ta chua xót hồi hận. Hết chửi rửa con hổ lại lấy đủ các tiếng tệ hại để tự rửa lại mình. Nhiều lúc đang bước xăm xăm, bà ta bỗng đứng lại lấy tay cứa và mãi vào mặt, rồi hai chân dậm đất, bà ta ngửa cổ hắt ra bao nhiêu tuyệt vọng cay đắng trong một tiếng hét dài.

Rồi từ đó, người đàn bà Mán quên ăn, bỏ ngủ, quyết chí tìm cho được con hổ để báo thù cho con.

Ban ngày thì không có bụi cây hôm núi nào bà ta không sục đến, đầu tóc thì chẳng quần dây rợ, váy áo thì bươm rách vì cành gai, mặt mũi chân tay bị lá sắc nó cứa vào như bị chém; máu có chảy nhiều quá thì bà ta chỉ lấy cánh tay chùi ngang một quệt, như không biết gì là đau. Ban đêm thì lại ngồi ở cửa rừng mà đợi.

Những lúc vắng khuya một mình giữa nơi hoang dại, tưởng chừng như hồn con gái bây giờ đang vờ vẫn bên mình, nỗi thương đau của người đàn bà như dội lên đến cực điểm. Nhưng không khóc hay là không khóc ra lời, bà ta chỉ đem bao nhiêu nỗi phẫn giận cực khổ trong lòng gửi vào một tiếng hú. Đó là cái tiếng hú hồn lạnh lùng thâm đã làm cho dân Khao la sợ hãi luôn mấy đêm trời.

Bà ta ngồi đó, cố ý đợi cho con hổ đến. Nhưng hình như con vật cũng biết, chỉ tìm lối khác ra kiếm ăn. Còn ban ngày thì nó vẫn lẩn lút một nơi không để cho người đàn bà bắt gặp. Nhiều lần nó có dịp để hại người đàn bà Mán, nhưng có lẽ nó còn ghê còn gớm một sức gì khó hiểu ở một người dữ tợn nhất trong giống người tinh khôn kia.

Đến mãi ngày thứ bảy bà ta mới tìm được sào huyết con hồ cái. Sau bảy đêm ngày cơ cực. Giá không có ngọn lửa hăng hái mà tấm lòng quả quyết báo thù nó vẫn đốt lên trong lòng người mẹ kia, thì chắc hẳn bà ta không còn gan sức nào chống được với nỗi khổ sở mệt nhọc. Chiều hôm ấy, bà ta đi tới một chỗ có nhiều bụi cây râm và lớn thì chợt thấy mấy con hồ còn nhỏ đang lăn lộn ở trước một cái hõm tối cảnh lá chùm phủ như che tàn. Bà ta đứng nấp một nơi rình xem thì biết con hồ mẹ đi vắng. Bà Mi Nàng liền rón rén lại gần rồi xô ra đâm chết được ba con. Hai con kia hồng học chạy trốn mất. Sức lực đã gần đến lúc kiệt, bây giờ lại thấy trở về đầy đủ, bà ta vác ngay ba con hồ chết đem về quảng ở sau nhà. Biết trước con hồ cái thế nào cũng về hang, bà ta liền sắm dây rợ rồi nai nịt gọn ghẽ cầm lăm lăm con dao đi vào rừng. Đến bên hang nằm đợi cho tới khuya mà vẫn không thấy con hồ mẹ về: có lẽ nó đi tìm những con hồ con đã bị bà ta giết.

Đêm ấy là một đêm về giữa tháng chín, bóng trăng sáng tỏ ló qua những tầng lá cây thưa. Vào khoảng quá nửa canh hai, bà ta thấy trong hang thò thân đi ra hai con hồ chạy thoát lúc nãy. Bà Mi Nàng nghĩ ra được một ý, lập tức chạy ra giết phăng đi rồi vừa trói chặt hai chân sau hai con hồ lại vừa nguyên rửa:

"Mày giết con tao! Mày không trả con tao. Tao cũng giết con mày. Tao lại giết mày nốt". Nhưng chỉ giết con hồ cái cũng chưa hả giận, bà ta muốn cho trước khi bị giết, hồ mẹ phải trông thấy hồ con chết, mà chết vì tay mình.

Bà ta vừa trói xong hai con hồ con thì chợt nghe thấy những tiếng chen lá dẫm cành đi gần lại. Biết rằng con hồ lớn đã đến, bà ta bèn cầm lấy một đầu dây rồi trèo lên một cái cây ở gần.

Trong nẻo đường tối từ chân rừng đi lên, bà ta thấy hai con mắt xanh lè ở giữa những mảnh sáng trắng mập mờ và lay động. Một lát thì trông thấy cả cái mình vừa dài vừa lớn của con vật. Nó đứng lại một lát dưới những tàn lá thấp, đuôi hơi ve vẩy, hai mắt từ từ chớp như úp mở hai ngọn đèn to. Rồi nó lại thông thả bước lên; đi chưa được xa nghe tiếng động đằng sau nó toan quay trở lại. Nhưng xem chừng đã ngủi thấy hơi lạ nên nó đứng đình bước



thăng về hang.

Trên kia người đàn bà Mán đã buộc hẳn mình vào mọi cành cây to và đã thắt cái dây dài trói hồ vào trạc bên cạnh. Con hồ vào hang hình như kinh ngạc lắm. Nó ngoắt ra, trông ngay thấy hai con mình treo lủng lẳng gần đó thì nhe nanh mà gừ. Chợt lại thấy có bóng người trên cây, con hồ nghe chùng đã hiểu, nên lồng lên và gầm một tiếng cực dữ.

Bà mẹ Mi Nàng lấy làm đặc chí lắm. Bởi vì bà ta biết rằng hồ cũng có con, hồ cũng làm mẹ. Con hồ bị giết, mẹ hồ chắc cũng xót thương. Vậy thì cái đau khổ kia bây giờ bà ta gây nên và được trông thấy. Bà ta lại cầm dây giật mãi khiến cho hai con hồ cứ lay lắc dưới đầu dây. Một tiếng gầm nữa, hai chân trước con hồ đã quét gần đến tay bà Mi Nàng. Bà ta chém xuống một cái thực nhanh, con hồ tụt xuống rồi lại nhảy lên tức khắc. Một chân trước nó bám được một cành nhỏ, thiếu chút nữa chân kia tát được vào mặt người đàn bà, con dao đã gần văng đi mất; nhưng rắc một cái, cành cây gãy, con hồ ngã lăn kền dưới gốc cây. Bà Mi Nàng đã bắt đầu lo: không ngờ con hồ nhảy giỏi được đến thế. Bà ta tưởng rằng nó thấy mình trên cây thì chỉ biết tức tối mà không làm gì được mình. Hay đâu hồ cũng đã nhe, đã khỏe, lại thêm phần hăng sức vì giận, nếu không leo mau có lẽ thế nào con hồ cũng đã bám được vào người. Nhưng bà ta đã trót buộc rất chặt mình vào cành cây từ trước rồi, bây giờ thì không còn tay nào mà cởi ra được nữa. Con hồ cứ chồm lên mãi, mỗi lúc một nguy bách, mỗi lúc một cao thêm. Mặt bà Mi Nàng ba lần bị tay hồ lướt qua. Con dao gạt phải những vuốt của nó rít lên những tiếng như sỏi xiết lên sắt. Một lần bà ta nhắm mắt lại bỏ xuống một nhát rất dữ. Con hồ vừa lúc tung mình tới bị nhát dao bập vào giữa đầu. Hồ bị choáng hồn, tai sụp lại, gầm lên một tiếng như sét nổ. Nó đứng sững lên hai chân dưới, hai chân trên quờ quạng quăng không như muốn ôm lấy người đàn bà. Nhưng bà Mi Nàng vẫn hết sức cẩn thận luôn tay chém xuống. Con hồ tức giận như cuồng dại, nó vừa rống vừa chạy lồng lộn chung quanh đấy, gầm cây, rút cỏ, cào đất để tìm cách vồ lấy bà già...

Lúc ấy cả một khu rừng như nín hơi. Người làng Khao la thì trên mặt

không còn một hột máu. Bảy anh con trai bạo dạn đi dòm dò nhà mạ kè lúc đó tuy đã thoát, nhưng vẫn còn tưởng con hùm tinh sắp đuổi tới nơi. Còn những tiếng gầm dữ dội đêm ấy cũng như những tiếng hú bí mật mấy đêm trước kia thì không ai biết đó là những tiếng hờn giận khóc thương của một người và một vật cùng nặng tình mẫu tử.

Bà già chống nhau với con hổ đến gần nửa trống canh không một phút nào ngơi. Những lúc con hổ không nhảy lên, bà ta cũng vẫn luôn tay chém xuống. Dần dần sức đã kiệt cái lo sợ cũng hiện đến: bà ta chắc rằng mình chết mất, chết mà chưa báo thù được cho con... Hai mắt đã hoa, trông thấy bốn năm cái đầu hổ nó còn chồm lên và không biết bao nhiêu nanh vuốt nó chực đâm vào mặt.

Thần trí chập chờn như say, con dao mấy lần muốn rơi ra khỏi cái nắm tay đã thấy bủn rủn, bà Mi Nàng chợt nghĩ đến cái thân cơ khổ, đến cái cảnh thảm hại của hai mẹ con mình; bên tai nghe thấy tiếng con gái khóc than, trong trí thoáng trông thấy lúc thân con gái bị xâu xé, con gái yêu quý bị hổ cướp sống mất, giữa lúc đang vui tươi khôn lớn, khiến cho bà đau khổ rồi đến nỗi nước này. Mặt đương tê tái bỗng nóng bốc lên, vừa lúc con hổ quờ móng đến. Bà ta rít lên một tiếng quái gở, giáng con dao xuống; con hổ bị què mất một chân. Bà già lại lăm lăm con dao, quắc mắt nhìn con vật ngã trên cỏ, phun xuống những lời nguyện rửa độc địa tưởng không phải là tiếng người. Dưới đất con hổ đã đứng lên nhe nanh đáp lại. Bà già cầm lấy cái dây trói hai con hổ giật lấy giật để, rồi vừa khóc vừa quát tháo, vừa bằm vằm mãi xuống quăng không. Con hổ lại há miệng gầm. Hai mắt ngầu đỏ, hai bên mép vành chồm gai râu, nó thu hình lấy sức nhảy vọt lên bám lấy ngang lưng bà Mi Nàng. Bà già không biết đau nữa, cứ nhè đầu con ác thú mà ghè xuống. Con hổ gào vang lên như vỡ núi, song nhất định không chịu buông. Bà già chém bừa đi, vào cả mặt cả vai, cả miệng con hổ. Nó nhô đầu lên để chực ngoạm lấy đầu người đàn bà Mán nhưng chỉ cắn được lưỡi dao. Lúc ấy mặt người với mặt hổ gần nhau, cùng ghê gớm như nhau: bốn mắt lờng lờn con người, nhìn nhau trao tráo, lộ ra không biết bao nhiêu cay độc, bao nhiêu

hắn học cãm hờn, lẫn với chút cảm giác bi ai trước khi phải chết. Mẹ Mi Nàng còn sức chém, con hồ còn sức bám lấy lưng bà ta. Dần dần bà ta đuối sức không giơ được dao lên nữa thì con hồ cũng yếu tiếng kêu gào. Đến lúc người đàn bà tắt hơi buông thõng tay xuống thì con hồ cũng vừa hết sức mà rã rời chân ra.

Dưới đám cỏ sắc lá khô đằm ãi những máu, thấy con hồ rơi nặng xuống trong một "tay" còn nắm lấy một mảnh áo trên miếng thịt lưng bà già.